

**ĐÀO CÔNG TIẾN**

# **GÓP Ý**

**Đề tư duy lý luận  
không còn đứng mãi bên lề cuộc sống**

**BẢN DÙNG RIÊNG CỦA TÁC GIẢ  
2017**

Sách này được xuất bản chính thức lần đầu trong Quý 1 năm 2012 dưới nhan đề TƯ DUY PHÁT TRIỂN theo Số ĐKKHXB: 1324- 2011/CXB/01 - 34/TĐ, số 991/QĐ-NXBTĐ/CN65, Nhà xuất bản Thời Đại cấp ngày 07 tháng 12 năm 2011. Đến tháng 11.2012, tác giả có chỉnh sửa và bổ sung thêm bài viết, in ra dưới hình thức thủ công đơn giản, đổi tên sách thành TRÁI LÒNG. Nay tập sách nhỏ GÓP Ý này là phần trích riêng những bài viết từ cuốn sách nêu trên, có bổ sung thêm một số bài mới đưa lên ở đầu sách: “Góp ý trước thềm phán quyết-sửa đổi Hiến pháp 1992”, “Đừng quay lưng lại với đòi hỏi cải cách thể chế chính trị”, Nhớ lại và suy ngẫm từ mấy câu chuyện sau 30.4.1975”. Tất cả nội dung của những bài viết đều liên quan đến tư duy lý luận gắn liền với chuyện dân, chuyện nước mà tôi quan tâm, gửi gắm vào đó tâm huyết và sự hiểu biết của mình.

4.2017

ĐÀO CÔNG TIẾN

# MỤC LỤC

- Lời ngỏ .... 2
1. Nhớ lại và suy ngẫm từ mấy câu chuyện sau 30-4-1975 .... 4
  2. Đừng quay lưng lại với đòi hỏi cải cách thể chế chính trị ... 13
  3. Góp ý trước thềm phán quyết-sửa đổi Hiến pháp 1992 .... 19
  4. Phòng chống tham nhũng từ cội nguồn sinh ra nó .... 24
  5. Nên trở về với nền cộng hòa dân chủ theo tư duy Hồ Chí Minh ... 30
  6. Không sửa lỗi hệ thống không “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” được ... 36
  7. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận để phát triển và hoàn thiện xã hội ... 40
  8. Không tuyệt đối hóa chế độ công hữu ... 47
  9. Cải cách thể chế – mũi đột phá của những đột phá chiến lược ... 50
  10. Mấy vấn đề về chỉnh đốn Đảng ... 55
  11. Với hệ thống chính trị .... 62
  12. Phản biện xã hội – Phản biện từ lòng dân ... 65
  13. Mấy bài học kinh nghiệm từ đổi mới kinh tế ... 68
  14. Đừng chụp “cái mũ bóc lột” lên đầu giới chủ doanh nghiệp khu vực kinh tế tư ... 74
  15. Về định hướng xã hội chủ nghĩa ... 77
  16. Tìm lời giải cho những vấn đề đặt ra từ cuộc sống ... 80
  17. “Học thuyết Mác- Lênin trong công việc nghiên cứu lý luận của chúng ta” ... 87

## LỜI NGỎ

Đầu năm 2012, một số bài viết của tôi đã được tập hợp lại để xuất bản chính thức dưới đầu đề *Tư duy phát triển*. Nội dung của quyển sách bao gồm những ý kiến và bài góp ý về một số việc quốc kế dân sinh mà tôi cho là hệ trọng, liên quan đến các nhóm vấn đề chính: (1) Sòng phẳng với lý luận và thực tiễn để tìm lời giải cho những vấn đề đặt ra từ cuộc sống; (2) Để giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ trở thành quốc sách hàng đầu; (3) Đồng bằng sông Cửu Long, nhiều trăm trở còn đó.

Sách được in với số lượng hạn chế, lại bị dừng phát hành, vì thế cuối năm, nó đã được chỉnh sửa và bổ sung thêm bài viết, đổi tên thành *Trái lòng*, nhưng chỉ được in ra dưới dạng lưu hành nội bộ, cốt để trao đổi thêm với một số đồng nghiệp, thân hữu và những người thân trong gia đình. Nhiều bài viết trong đó cũng đã được các bạn đồng nghiệp và giới nghiên cứu lý luận hoan nghênh chia sẻ ở những mức độ khác nhau, điều đó có nghĩa không phải ai cũng hoàn toàn đồng ý, trong điều kiện mặt bằng nhận thức của xã hội chưa đồng đều, thậm chí còn có những ý kiến trái nghịch nhau.

Với tinh thần phản biện để đạt tới những giá trị khách quan mà không có bất kỳ một sự áp đặt nào, nhằm tìm ra những giải pháp tích cực cho công cuộc phát triển hướng về tương lai, vì sự phát triển và hoàn thiện xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cả nước đang tập trung cho một số vấn đề cải cách thể chế gắn liền với nỗ lực tu chính Hiến pháp 1992, với Dự thảo văn kiện trình Đại hội XI và XII của Đảng, tôi nhận thấy một số ý kiến của tôi vẫn còn hữu ích như một loạt gợi ý để từ đó tiếp tục làm sáng tỏ thêm nữa một số vấn đề lý luận và thực tiễn, mà nếu không có sự sòng phẳng với nó thì tình trạng trì trệ của đất nước không biết sẽ kéo dài bao lâu nữa.

Để tiện sử dụng và trao đổi tập trung hơn, tập sách nhỏ này chính là phần

trích riêng chủ đề “**Sòng phẳng với lý luận và thực tiễn...**”, trong đó có những ý kiến liên quan đến việc cải cách thể chế trên cơ sở nhận thức lại về học thuyết Mác-Lênin và CNXH, về nhân quyền và nhà nước pháp quyền, và quyền tự do dân chủ của công dân, chính trị của công dân bao hàm cả quyền sở hữu đất đai và về cuộc chiến với tham nhũng... đã được chỉnh sửa, trình bày lại một cách đầy đủ và với thái độ ngày càng xác tín, dựa trên những kinh nghiệm có được nhờ tiếp cận nhiều hơn các chất liệu từ cuộc sống liên quan đến những vấn đề mà tôi quan tâm. Đặc biệt trong các bài “Góp ý trước thềm phán quyết – sửa đổi Hiến pháp 1992”, “Đừng quay lưng lại với đòi hỏi cải cách chính trị”, và “Nhớ lại và suy ngẫm từ mấy câu chuyện sau 30.4.1975”, tôi trình bày những chính kiến của mình được tích góp lại trên cơ sở những tư duy lý luận từ cuộc sống chứ không phải quay lưng lại với cuộc sống.

Như tên gọi tập sách nhỏ lần này đã chỉ rõ, đây là những ý kiến đóng góp của cái tâm và ít nhiều của sự hiểu biết việc dân, việc nước. Qua những góp ý này, tôi muốn được tiếp tục chia sẻ với các đồng nghiệp, và đặc biệt với lớp trẻ mà tôi tin tưởng chắc chắn sẽ thay thế cho thế hệ chúng tôi một cách xứng đáng và hiệu quả hơn trong sự nghiệp đổi mới đầy gian truân.

4.2017

Đào Công Tiến

# 1

## NHỚ LẠI VÀ SUY NGẪM TỪ MẤY CÂU CHUYỆN SAU 30-4-1975

Ngày 30-4-2017 đang đến gần, tiếp tục gợi nhớ và thôi thúc suy ngẫm về những sự kiện lớn – kết thúc chiến tranh Việt Nam kéo dài 30 năm (1945-1975) và bắt đầu một “giai đoạn mới” cho thời hậu chiến của miền Nam nói riêng và Việt Nam nói chung.

Mừng hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, chia sẻ khát vọng “*xua kẻ thù đi mau*”, “*dập tắt chiến tranh đẫm máu*”, “*dập tan bao đau khổ và chia ly*” của cố nhạc sĩ Hoàng Việt đã thành hiện thực<sup>[1]</sup>. Tuy nhiên, còn nhiều khát vọng vẫn chưa thành.

“Giai đoạn mới” lẽ ra phải dành cho việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trên tinh thần “khoan sức dân”, vì dân sinh dân chủ, nhưng điều đó không diễn ra được vì những sai lầm của việc áp đặt một mô hình được gọi là “XHCN Xô Viết” và cả “XHCN đặc sắc Trung Quốc” cùng tự nhận là của Chủ thuyết Mác-Lenin, đã từng bị phá sản và thậm chí đã sụp đổ sau đó ở Liên Xô và Đông Âu cùng hệ thống XHCN của nó.

Mô hình sai lầm đó đã kìm hãm đất nước trong suốt hơn 40 năm qua kể từ 30.4.1975, từ đỉnh cao kết thúc chiến tranh thắng lợi rơi xuống vũng bùn của sự trì trệ và lạc hậu so với những nước trong khu vực từng có cùng một xuất phát điểm về trình độ kinh tế và năng suất lao động như Việt Nam, nay muốn đuổi kịp họ phải mất từ 30 đến 50 năm [với một giả thiết ngớ ngẩn là họ dừng lại để đợi ta!]

### **Khát vọng từ dân – Khởi nguồn cho suy ngẫm**

Môi trường hòa bình độc lập thống nhất đất nước sau 30.4.1975 khơi dậy nhiều khát vọng trong cộng đồng các dân tộc Việt với niềm hy vọng thiết tha là có được cơ hội để mọi gia đình được đoàn tụ, láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau, cùng cảm nén tâm hương, tưởng niệm dành cho nạn nhân chiến tranh với cả nhiều triệu người thân yêu của hàng triệu gia đình, đã đi với chiến tranh mãi

---

<sup>1</sup> Nghe lại bản “Tình ca” của cố nhạc sĩ Hoàng Việt để cùng chia sẻ khát vọng “*xua kẻ thù đi mau*”, “*dập tắt chiến tranh đẫm máu*, *dập tan ngay bao đau khổ và chia ly*” của ông.

không về. Ưu tiên hàng đầu vì thế mà cũng rất hiển nhiên là cùng chung sức chung lòng lo chữa lành các vết thương chiến tranh và giữ cho chúng không rỉ máu trở lại, lo xóa đói giảm nghèo, lo cho con trẻ được đến trường, người bệnh được chữa trị, người già cả, neo đơn được chăm sóc. Và, để xây dựng lại non sông, đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, rút ngắn khoảng cách tụt hậu để “cùng sánh vai với các nước trên thế giới”.

## **“Giai đoạn mới” và những lựa chọn phải trả giá đắt**

Đại hội Đảng IV (1976) và Đại hội Đảng V (1982) đều có nói đến “giai đoạn mới”, “khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế, cải tạo và phát triển văn hóa”, được coi là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa cơ bản của “giai đoạn mới” – giai đoạn bắt đầu của Cách mạng Việt Nam thời hậu chiến<sup>[2]</sup>.

Tuy nhiên, với tâm lý chủ quan duy ý chí, thậm chí cả bệnh kiêu ngạo thường có ở “người thắng cuộc” cùng với bệnh giáo điều tiếp tục “trung thành vô hạn” – với CNXH theo chủ thuyết Mác – Lênin<sup>[3]</sup> vốn rất mù mờ về lý thuyết và trên thực tế đã và đang lún sâu vào khủng hoảng rồi phá sản và sụp đổ. Với nhận thức lệch lạc đó đã đưa đến những quyết sách sai lầm khiến cho dân tộc phải trả cái giá quá sức nghiệt ngã.

1. Hệ thống phát ngôn của Đảng, bằng bộ máy thông tin tuyên truyền từ trung ương đến địa phương, đến cả loại hình “văn hóa loa phường”, vẫn tiếp tục một chiều, nặng về “thắng và thua”, “công lao, thành tích và tội lỗi”, “ta, bạn, thù và kích động hận thù”, và gần đây còn là “suy thoái tư tưởng chính trị, tự diễn biến, tự chuyển hóa” . . . Cứ thế mà duy trì sự khác biệt và phân biệt đối xử trong cộng đồng các dân tộc Việt và ngay cả trong nội bộ Đảng Cộng sản.

Chiến tranh đã dần lùi xa mà mức độ nặng nề của sự khác biệt và phân biệt đối xử từ lúc chiến tranh vẫn còn cứ đeo bám trong tâm lý đời thường. Duy trì sự khác biệt và phân biệt đối xử, còn tạo ra sự thiếu công bằng trong giáo dục, y tế và nhiều dịch vụ công khác, ... thậm chí còn gây thảm họa cả trong tình yêu đôi lứa - yêu nhau mà không lấy được nhau vì khác biệt và

---

<sup>2</sup> Trong báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982), Tổng Bí thư Lê Duẩn đã khẳng định: “Từ Đại hội lần thứ IV đến Đại hội lần thứ V của Đảng là những năm đầu Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Đó là những năm khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, cải tạo và phát triển văn hóa”.

<sup>3</sup> Trong bài diễn văn khai mạc Đại hội Đảng V (1982), cố Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh đã khẳng định “Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng cách mạng kiên cường, trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản”.

phân biệt đối xử.

Vẫn cứ một cách tuyên truyền sáo mòn cũ rích, nhai đi nhai lại những luận điệu mà không hiểu được rằng “*một sự kiện chiến tranh khi nhắc lại có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn*” như nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt lúc sinh thời đã nhắc nhở điều đó và ông từng đòi hỏi “*đó là vết thương chung của dân tộc cần được chữa lành, thay vì tiếp tục làm cho nó thêm rỉ máu*”.

2. “Chiến tranh Việt Nam” mà người Việt và bè bạn trên thế giới thường nhắc đến là một cuộc chiến mang đậm bản chất truyền thống yêu nước và bất khuất của người Việt. Song, chiến tranh Việt Nam đó cũng là cuộc chiến bị can thiệp, bị lợi dụng và phụ thuộc bởi các nước lớn “theo cộng sản” và “chống cộng sản” trong “cục diện chiến tranh lạnh” trên thế giới sau Thế chiến thứ II.

Cục diện chiến tranh lạnh là hình thái thể hiện tập trung nhất sự tranh giành quyền lực giữa một bên là Liên Xô với tất cả các tập hợp lực lượng dưới lá cờ của CNXH – CNCS và một bên là Mỹ với các tập hợp lực lượng dưới cờ của CNTB, tự do dân chủ và chống cộng. Cuộc tranh giành quyền lực đó đã khai thác toàn diện, triệt để và sâu sắc ý thức hệ của mỗi bên, không chỉ là giá trị tinh thần mà còn là một quyền lực chính trị chi phối mạnh mẽ vào sự vận động tự thân của mỗi bên và can thiệp vào nội tình các nước khác, nhất là các quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc thế giới thứ 3. Cuộc tranh giành quyền lực giữa hai phe cũng không dừng ở đó mà sự đối đầu quyết liệt, một mất một còn đã biến “cuộc chiến tranh lạnh” thành “đóng băng” và không những không ngăn được mà còn làm bùng phát chiến tranh nóng trong chiến tranh lạnh như “chiến tranh Việt Nam”, “chiến tranh Nam – Bắc Triều Tiên” với sự can thiệp của các nước lớn.

Có những nghiên cứu về Trung Quốc, không xếp Trung Quốc vào phe “theo cộng sản” trong “cục diện chiến tranh lạnh”, nhưng trong đó, với cuộc tranh giành quyền lực thì không thiếu Trung Quốc, bởi thực chất mà nói thì Trung Quốc đã và đang theo “chủ nghĩa Đại Hán” chứ không theo CNXH – CNCS và quốc tế vô sản của chủ thuyết Mác – Lênin, mà mộng bành trướng bá quyền của “chủ nghĩa Đại Hán” không “cho phép” Trung Quốc lép vế với các nước lớn khác trong “cục diện chiến tranh lạnh”. Từ khi kết thúc nội chiến, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, trên danh nghĩa đứng trong phe XHCN nhưng Trung Quốc không bao giờ phục tùng Liên Xô mà còn tranh chấp với Liên Xô, thậm chí còn đi với Mỹ chống Liên Xô. Với Việt Nam, Trung Quốc nhúng tay “lèo lái” việc chọn giải pháp “chia đôi đất nước” thành hai miền Nam, Bắc tại vĩ tuyến 17 ngay sau cuộc kháng chiến chống Pháp với Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi – sự kiện bị coi là “uơm mầm



chia rẽ dân tộc” và dẫn đến cuộc chiến tranh phải trả giá đắt. Trung Quốc “ủng hộ” Việt Nam chống Mỹ còn nhằm mục tiêu đẩy vòng vây chống cộng sản của Mỹ ra xa biên giới Trung Quốc và cũng sẵn sàng quay lưng lại với Việt Nam, chống Việt Nam khi chuyển sang đi với Mỹ, nhất là vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh 30 năm<sup>[4]</sup>

Sự can thiệp, lợi dụng của các nước lớn như đã nêu ở trên đã biến cuộc “chiến tranh Việt Nam” thành cuộc chiến tranh nóng (trong cục diện chiến tranh lạnh) lớn nhất, kéo dài nhất, đẫm máu nhất và là cuộc chiến tranh “huynh đệ tương tàn” tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh của Việt Nam và thế giới sau Thế chiến thứ II. Và cái giá mà đất nước và con người Việt Nam phải gánh chịu, là quá lớn, quá đắt. Trong chiến tranh, có nhiều triệu người ngã xuống, nhiều triệu gia đình mất người thân yêu và sống trong đau khổ và chia ly... Trong hậu chiến, với trên 40 năm đã qua mà còn cả triệu người mang thương tích chiến tranh trên mình chưa chữa lành, môi trường sống bị chiến tranh tàn phá còn chưa khôi phục được, chất độc dioxin, bom mìn sót lại vẫn còn gây đau thương cho người dân vô tội... Và, cuộc chiến tranh đó đã và đang còn để lại trong cộng đồng các dân tộc Việt những vết thương của sự chia rẽ và lòng người ly tán do bất đồng ý thức hệ và thù hận bởi “chiến tranh đẫm máu”, “đau khổ và chia ly” còn hằn sâu chưa tháo gỡ được. Vì thế đạo lý cần có sau khi chiến tranh kết thúc không phải là chia rẽ người Việt với nhau bởi vẫn tiếp tục duy trì sự khác biệt và phân biệt đối xử, càng không thể là kích động hận thù và trả thù của bên này đối với bên kia, mà phải là hòa giải hòa hợp dân tộc trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn, với lòng nhân ái, sự chân thành và khoan dung của con người Việt Nam. Những hành xử không trên tinh thần đó, chẳng hạn như tập trung cải tạo, phạt vạ, tù đày... của “bên thắng cuộc” đối với “bên thua cuộc” đã đến lúc phải có lời thành tâm sám hối và xin lỗi.

3. Cuộc chiến hết sức khốc liệt kéo dài 30 năm đã vắt kiệt sức dân ta, sau 30.4.1975 nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá đó lẽ ra phải được khôi phục và phát triển trên tinh thần “khoan sức dân”. Nhưng điều đó không diễn ra được vì đường lối cải tạo XHCN đã giành hết chỗ cho nó, còn đâu cho khôi phục và phát triển vì dân sinh, dân chủ. Một bộ phận không nhỏ dân nghèo đô thị bị đưa đi kinh tế mới lâm vào cảnh sống “khốn cùng” – “không còn gì để ăn, còn đất (ở vùng kinh tế mới) đâu để cày”. Câu nói này xác thực cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của sự “khốn cùng” đó. Trên những

---

<sup>4</sup> Xem bài khai bút đầu tháng 1- 2017 “Tìm hiểu thêm về thế giới đã sang trang (bài 5)” của tác giả Nguyễn Trung. <https://anhbasam.wordpress.com/2017/01/05/11-225-tim-hieu-them-ve-the-gioi-da-sang-trang-bai-5/>

cánh đồng trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải miền Trung, các hộ gia đình nông dân phải gác lại những công việc đồng áng vốn quen thuộc để đi vào con đường “làm ăn tập thể” theo mô hình hợp tác xã của miền Bắc được tạo dựng một cách trầy trật suốt 16 năm vẫn không gượng đứng dậy được, bị lún sâu vào khủng hoảng và đứng trên bờ vực của sự phá sản, để rồi người trồng lúa thiếu gạo ăn, cả nước phải gặm bột mì và ăn bo bo.

Trong công, thương nghiệp, Đảng chủ trương “đánh” kinh tế tư hữu, cấm đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, “xây” kinh tế công hữu bằng những cách làm từ mô hình kinh tế XHCN vốn không thành công ở miền Bắc, đã làm cho kinh tế miền Nam mới ra khỏi chiến tranh vốn đã khó khăn, khó khăn hơn, đời sống của dân vốn đã cơ cực, cơ cực hơn.

Thời hậu chiến đã qua trên 40 năm sau 30-4-1975 mà tinh thần “khoan sức dân” vẫn chưa thấm được vào nhiều chính sách kinh tế. Chính sách giá, lương, thuế, phí vẫn tiếp tục vắt kiệt sức dân. Trong khi mức thu nhập GDP bình quân đầu người ở Việt Nam còn quá thấp và đang đội sổ thế giới (chỉ bằng 0.262 lần Trung Quốc, 0.257 lần Thái Lan, 0.158 lần Malaysia, 0.392 lần Indonesia và 0.604 lần Philippin) mà phải chịu những khoản thuế, phí quá cao, kéo dài nhiều năm, kể cả khi kinh tế khó khăn. Tiền lương tuy có điều chỉnh, nhưng chính sách tiền lương cơ bản không đổi vẫn trên nền lương tối thiểu không đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu của cuộc sống. Với thu nhập có được từ tiền lương không đủ sống như vậy, người dân lại phải chịu nhiều khoản thuế, phí quá cao, bởi phân phối trong nền kinh tế nghiêng quá nhiều về thu ngân sách cho đầu tư, chi phí và trả nợ công, cho cả thất thoát vì lãng phí và tham nhũng quá lớn. Thu ngân sách Nhà nước trung bình giai đoạn 2007-2011 so với GDP cùng kỳ lên tới 29%, chỉ tính riêng thuế, phí cũng đã lên đến 26.3%, cao gấp 1.4 đến 3 lần so với các nước trong khu vực (tỷ lệ này của Trung Quốc là 17.3%, Thái Lan và Malaysia là 13%, Indonesia là 12% và Ấn Độ là 7.8%)[<sup>5</sup>]

4. Hiện tình kinh tế như vậy đòi hỏi phải thay đổi cách nghĩ cách làm – phải Đổi mới. Người dân miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, nhất là người dân tại nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình nông dân, thợ thủ công và tiểu thương vì cuộc sống và lẽ sống của mình, họ đã tự phát “xé rào” vượt cơ chế chính sách hiện hữu đầy sai trái để cứu nguy kinh tế và đời sống. Đó là mũi đột phá từ dân – là cơ sở, gốc rễ của Đổi mới. Và, về cơ

---

<sup>5</sup> Dữ liệu từ “Báo cáo kinh tế vĩ mô năm 2012” của Ủy ban kinh tế Quốc hội khóa 13, qua bài “Thuế, phí cao chót vót”, báo Tuổi Trẻ ngày 4-9-2012 và bài “Oằn vai thuế thu nhập cá nhân”, báo Thanh Niên ngày 5-9-2012

bản Đảng chấp nhận việc làm của dân như là chấp nhận giải pháp tình thế trước áp lực của khủng hoảng đã đến mức không chịu nổi. Đại hội Đảng VI với Nghị quyết Đổi mới đã chấp nhận cho phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế có sự kết hợp giữa kế hoạch với thị trường và có sự điều tiết của Nhà nước. Theo đó, những rào cản “ngăn sông cấm chợ” được tháo gỡ trả lại sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho người sản xuất và người tiêu dùng, hợp thức hóa cách “khoán sản phẩm” trong hợp tác xã, mở đường cho kinh tế hộ gia đình được tự chủ và trở lại với vai trò của đơn vị kinh tế cơ sở ở nông thôn.

Đổi mới với hai mũi đột phá đó đã đưa kinh tế ra khỏi khủng hoảng và tạo được đà cho tăng trưởng. Thế nhưng, một số không nhỏ lý luận gia và những nhà lãnh đạo của Đảng, với kết quả Đổi mới vui một họ lo hai, ba thậm chí chín, mười, vì sợ “*Đổi mới được kinh tế nhưng mất tư tưởng, được bộ phận nhưng mất tổng thể, được trước mắt nhưng mất lâu dài, được kết quả hiển nhiên nhưng xa rời mục đích và những nguyên tắc cơ bản, được của cải nhưng hỏng quan hệ sản xuất và con người*”. Sự mơ hồ trong tư duy Đổi mới như vậy đã làm cho Đổi mới không toàn diện, không triệt để - do dự, thiếu dứt khoát, nhất là đối với đòi hỏi đổi mới thể chế chính trị đi liền với đổi mới kinh tế.

5. Chiến tranh đã kết thúc và “giai đoạn mới” cũng đã đi được một khoảng thời gian dài, thế mà cách hành xử với nhân quyền, pháp quyền, quyền tự do dân chủ của công dân còn nhiều bất cập quá tệ hại:

Đạo luật cơ bản của Việt Nam, với Hiến pháp năm 1946 và với các lần sửa đổi sau đó, đã ghi “Tất cả quyền bính” hay “tất cả quyền lực” hoặc “tất cả quyền lực Nhà nước” – “thuộc về nhân dân” [6]. Những quyền “thuộc về nhân dân đó” về danh nghĩa cũng không trọn, làm gì có thực chất vì với pháp quyền XHCN, giới lập pháp VN tự cho mình có quyền đưa vào Hiến pháp sửa đổi năm 1980, 1992 và 2013 những điều vi hiến – lấy quyền lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội duy nhất thuộc về đảng Cộng sản, đặt lên trên các quyền thuộc về Nhân dân.

Để có một Nhà nước và một xã hội chấp nhận phục tùng “siêu quyền lực” đó của đảng, Đảng đã thao túng việc bầu chọn sắp xếp nhân sự cho nó

---

<sup>6</sup> Hiến pháp sửa đổi năm 2013 và các Hiến pháp trước đó đều cùng có chế định “Tất cả quyền bính” hay “Tất cả quyền lực” hoặc “Tất cả quyền lực Nhà nước” đều thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, Hiến pháp sửa đổi năm 1980, 1992 và 2013 đã bị giới lập pháp Việt Nam tự cho mình cái quyền “vi hiến”, đã mặc nhiên đặt quyền lãnh đạo cao nhất và duy nhất của Đảng đối với Nhà nước và xã hội - trên các quyền thuộc về nhân dân. Đây đích thực là rào cản không thể vượt qua được để thực thi dân quyền, mặc dù đã có chế định của pháp quyền.

bằng một quy trình “đảng cử, dân bầu” chứ không phải “dân cử, dân bầu” để nó hành xử việc dân, việc nước theo ý đảng chứ không phải ý nguyện của nhân dân.

Nhiều quyền tự do, dân chủ được ghi trong Hiến pháp quá hiển nhiên, nhưng trên thực tế không được thực hiện bởi có nhiều rào cản khó vượt: Quyền tiếp cận thông tin không vượt qua được rào cản từ sự lạm dụng của việc giữ bí mật và bưng bít thông tin; Quyền tự do bày tỏ chính kiến không vượt qua rào cản từ cấm “đa nguyên”, và tương tự như vậy, quyền tự do hội họp, lập hội cũng không vượt qua được rào cản từ cấm “đa đảng”.

Nổi cộm lên trong bức xúc của người dân là “quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước” có lúc bị ách tắc dẫn đến lén lút vượt biên, tạo nên thảm trạng “thuyền nhân”. Quyền biểu tình chưa cho thực hiện vì chưa có luật biểu tình, bởi Quốc hội chưa quyết tâm, thậm chí chưa muốn làm. Quyền sở hữu tư nhân về đất đai là tư liệu sản xuất, là tài sản của công dân chưa được công nhận là nguyên nhân gây nhiều cản ngại đối với sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều tranh chấp gây bất ổn xã hội.

6. Cái giá phải trả cho những lựa chọn thiếu thấu tình, đạt lý trong cả quá trình dài của “giai đoạn mới” sau 30-4-1975 là quá lớn, quá đắt: Tài nguyên và môi trường thiên nhiên bị phá nát, các thang giá trị bị đảo lộn, bất công xã hội gia tăng. Thiếu việc làm, lương thấp, thu nhập không đủ sống, đời sống khó khăn kéo dài suốt hơn 40 năm sau chiến tranh và hiện vẫn còn thấp xa so với hầu hết các nước trong khu vực. Thiếu an ninh, an toàn đối với người dân trong giao thông, phòng tránh bão lũ; bạo lực bạo hành từ trong gia đình đến ngoài xã hội, kể cả từ sự lạm dụng quyền lực của hệ thống công quyền gia tăng. Tham nhũng đã trở thành quốc nạn, không còn đơn thuần là tham nhũng tiền của mà còn là tham nhũng quyền lực và cấu kết với quyền lực trong các hệ thống nhóm lợi ích bất chính. Nền kinh tế vẫn bị chi phối bởi sự rối rắm về lý thuyết và sự hỗn loạn trong vận hành, vẫn kinh tế công hữu, kinh tế nhà nước là nền tảng, là chủ đạo, nắm giữ một bộ phận nguồn lực lớn nhất và cũng là nơi bị đục khoét lớn nhất bởi lãng phí và tham nhũng, nguồn lực trong dân với khu vực kinh tế dân doanh không được xem trọng nên làm cho nền kinh tế yếu từ gốc, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn nặng về khai thác nên góp sức chưa nhiều vào việc làm cho nền kinh tế mạnh lên và phát triển bền vững hơn, các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm – tài chính, tín dụng, chứng khoán, bất động sản và một số ngành kinh doanh dịch vụ khác vẫn tiềm ẩn bất ổn.

## **Mấy đề xuất những việc cần làm**

1. Cần tổ chức lễ tưởng niệm nạn nhân chiến tranh của cuộc chiến 30 năm (1945 – 1975) ở Việt Nam ngang tầm quốc lễ, thay vì chỉ là lễ mừng hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước, như đã được tổ chức hàng năm suốt 41 năm qua. Quốc lễ tưởng niệm hàng năm, mỗi năm một lần, vào thời điểm thích hợp là lúc 11h30 ngày 30 tháng 4 (lúc đó của năm 1975 là thời điểm đội quân can thiệp Mỹ đã rút hết khỏi Việt Nam và tướng Dương Văn Minh – Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đọc trên đài phát thanh Sài Gòn Tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trước Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam).

2. Cần có lời thành tâm sám hối và xin lỗi từ đảng Cộng sản tới nhân dân – cộng đồng các dân tộc Việt về những quyết sách sai lầm từng đưa đến những đau thương mà dân tộc phải gánh chịu như đã nêu ở trên.

Bao trùm lên trên những lựa chọn sai lầm đó là “lỗi kép” thuộc về Đảng với hai việc lớn mà Đảng đã chọn: Việc lớn thứ nhất là, chọn “Chủ nghĩa Cộng sản và Quốc tế vô sản”, cùng với vấn đề dân tộc và thuộc địa trong Đề cương cùng tên của Lênin, rồi chọn Quốc tế ba và đứng vào hàng ngũ của những người cộng sản với tuyên ngôn đảng Cộng sản năm 1848, Đảng đã đưa cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước của dân tộc ta vào tình thế bị can thiệp, bị lợi dụng và phụ thuộc bởi các nước lớn đầy tham vọng bá quyền để rồi phải trả giá quá đắt. Việc lớn thứ hai là, chọn “chủ nghĩa xã hội theo chủ thuyết Mác-Lênin” cùng với mô hình “CNXH Xô viết” và CNXH đặc sắc Trung Quốc” cho thời hậu chiến, đã kìm hãm đất nước trong tình trạng trì trệ, lạc hậu và tụt hậu suốt gần 60 năm qua (Từ 1954 ở miền Bắc và từ 30-4-1975 trên phạm vi cả nước)

3. Hòa giải, hòa hợp dân tộc là chuyện lớn của dân của nước không thể tiếp tục quay lưng lại được. Sám hối và xin lỗi nếu được thực hiện là sự thành tâm, thiết nghĩ rất cần có cho hòa giải hòa hợp dân tộc.

Cũng không dừng ở đó, những người có trách nhiệm phải dám đối mặt với sự thật, để nhận biết vấn đề căn cơ, gốc rễ là lòng tin của nhân dân đối với Đảng đã bị xói mòn đến cạn kiệt mà nguyên nhân cơ bản là sự độc đoán chuyên quyền, phản dân chủ trong định hình thể chế và điều hành bộ máy quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Sự tha hóa của quyền lực càng ngày càng trầm trọng, đẩy tới sự tham nhũng ngày càng ăn sâu vào cốt tủy, càng chống càng tăng, đẩy tới nguy cơ sụp đổ không cứu vãn được. Chính điều này đã phá nát nền tảng của một xã hội như xã hội mà ta đang sống. Để giữ lấy độc quyền và siêu quyền cho mình, đảng đã quay lưng lại, loại bỏ mọi ý kiến khác của trí thức, nhân sĩ yêu nước, những tư vấn và phản biện tâm huyết và có tính khoa học để rồi không tránh được những sai lầm trong nhiều sự lựa chọn quyết sách phải trả giá đắt.

Lòng tin mà mất thì mất tất cả! Từ trong gia đình, đến ngoài xã hội, trong quan hệ giữa người với người không còn gì để tin cậy nhau thì chẳng còn gì để

hòa giải, hòa hợp. Sẽ không có ngoại lệ cho hòa giải, hòa hợp dân tộc mà Việt Nam đang cần.

## Thay lời kết

Càng ngẫm, càng buồn – cái buồn của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn về một “*nước Việt buồn*”<sup>[7]</sup>

Từ một “*nước Việt buồn*” thời “*ngàn năm*”, “*trăm năm*” nô lệ bởi giặc Tàu, đô hộ bởi giặc Tây, đến một “*nước Việt buồn*” của cuộc chiến tranh “*bốn nhất*” – chiến tranh nóng (trong “*cục diện chiến tranh lạnh*”) lớn nhất, kéo dài nhất, đẫm máu nhất và là cuộc chiến tranh “*huynh đệ tương tàn*” tồi tệ nhất. Rồi lại tiếp nỗi buồn từ sự “*ngoảnh mặt, quay lưng*” với một “*nước Việt buồn*” của một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng người Việt (cả quan chức của bộ máy công quyền, của doanh nghiệp Nhà nước của đảng viên cộng sản và cả người dân), bởi “*ngu lâu*” nên không nhận ra được “*một nước Việt buồn*”; bởi “*tha hóa*” vì “*bả*” vinh hoa phú quý và vì “*quyền lực tuyệt đối, tha hóa tuyệt đối*” nên mặc kệ một “*nước Việt buồn*”, bởi “*mất lòng tin*” lâm vào chơi voi, vô cảm với chính “*nước Việt buồn*”.

Nỗi buồn về một “*nước Việt buồn*” như đã nêu ở trên là những câu chuyện thật, mà nguyên nhân không thể nào né tránh được – là thuộc về Đảng với sự độc quyền lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội bằng siêu quyền lực và với thể chế chính trị mà Đảng chọn và vẫn một mực trung thành với nó một cách “*kiên định*” bởi một “*ý chí*” gọi là “*kiên cường*” của sự bảo thủ - bảo thủ đến mức ngoan cố!

Đảng cộng sản như vậy, không thể giải được buồn – nỗi buồn của dân tộc. Giải nỗi buồn đó phải là chuyện của dân. Đã đến lúc các quyền thuộc về đảng, mà lẽ ra phải thuộc về dân, phải trao trả lại cho dân để dân giải nỗi buồn của mình bằng “*tất cả quyền bính*”, “*quyền lực*”, “*quyền lực Nhà nước*” đích thực thuộc về nhân dân.

*Tp Hồ Chí Minh, tháng 4/2017*

---

<sup>7</sup> Nghe lại bài “*Gia tài của mẹ*” của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, để chia sẻ với ông về “*nước Việt buồn*” thời “*một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây*”, “*hai mươi năm nội chiến từng ngày*” và “*gia tài của mẹ để lại cho con, gia tài của mẹ là nước Việt buồn*”

## 2

# ĐỪNG QUAY LƯNG LẠI VỚI ĐÒI HỎI CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ<sup>8</sup>

Những góp ý dưới đây với Đại hội XII của Đảng (cả Đại hội các cấp tiến đến Đại hội XII), không có chủ đích nào khác ngoài sự mong muốn Đại hội **đừng quay lưng lại với đòi hỏi cải cách thể chế chính trị để thoát ra khỏi sự ràng buộc vô lý của ý thức hệ XHCN theo chủ thuyết Mác - Lênin và sự lệ thuộc vào những thế lực bành trướng, bá quyền Trung Quốc.**

### 1. Đừng quay lưng lại với đòi hỏi cải cách thể chế chính trị, đang là đòi hỏi nóng bỏng của đất nước

Thể chế chính trị mà Đảng Cộng sản đã chọn và áp đặt lên đường lối phát triển của Việt Nam là CNXH dựa trên học thuyết Mác - Lênin một thời tồn tại ở Liên Xô, tức CNXH theo mô hình Xô Viết, và ở Trung Quốc - có lúc được gọi là CNXH đặc sắc Trung Quốc. Đổi mới thể chế chính trị mà Đại hội Đảng lần này phải trực diện không thể chỉ là “cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy” như Tổng Bí thư đã và đang chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân thực thi những công việc của Đại hội.

Thể chế chính trị đó- CNXH dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin- đã phá sản ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, mà người trong cuộc ở đây cho rằng vì nguyên nhân tự thân của nó.

---

<sup>8</sup> Những góp ý với ĐH XII của PGS Đào Công Tiến (nguyên Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế TpHCM, nguyên thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Thủ tướng Phan Văn Khải, nguyên Phó Giám đốc ĐH Quốc gia TpHCM và Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam) đã được chuyển đi từ Đại hội chi bộ sở tại (ngày 17/4/2015), từ Hội nghị lấy ý kiến ở ĐHQG TpHCM (20/5/2015) và ở Hội Khoa học Kinh tế VN (5/6/2015). Cũng như nhiều lần trước trong hàng chục năm qua, những góp ý như vậy thường không đến được số đông đảng viên và người dân, đặc biệt, không bao giờ được phản hồi từ những tổ chức hoặc cá nhân hữu trách của Đảng.

Nói khác đường lối “chính thống” của Đảng và nhất là nói trên các phương tiện thông tin đại chúng là vi phạm những điều đảng viên không được làm. Tôi biết, đó là điều không nhỏ, tức cũng là việc lớn, nhưng những góp ý với ĐH Đảng không đơn thuần là chuyện của Đảng, của một số ít người trong Đảng, mà lớn hơn, là chuyện của dân của nước, của nhiều đảng viên, nhiều người dân vốn nặng lòng với chuyện dân chuyện nước cần biết và có trách nhiệm biết.

Một số nước khác vốn đã nhân danh là quốc gia XHCN, trong đó có Việt Nam, mặc dù phải đổi mới kinh tế để tồn tại và phát triển, nhưng đổi mới không toàn diện, không triệt để, vì vẫn còn lệ thuộc vào ý thức hệ XHCN và chế độ độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản dựa trên siêu quyền lực.

Học thuyết Mác – Lênin và CNXH về lý thuyết thì mù mờ và đã thực sự bị phá sản trong đời sống hiện thực. Mù mờ đến mức ngay cả người sùng bái CNXH nhất cũng phải nói: “Đến hết thế kỷ này không biết đã có CNXH hoàn thiện ở Việt Nam chưa”.<sup>9</sup> Thế mà phải cứ lắp ghép một cách sống sượng XHCN với kinh tế thị trường để có ‘kinh tế thị trường định hướng XHCN’, và cứ phải thúc đẩy nhau đi tìm cái thể chế đó mà có tìm được đâu, bởi: “Làm gì có cái thứ đó mà tìm”.<sup>10</sup> và mù mờ đến mức “đi mà không rõ đi đâu, bằng cách nào, bao giờ đến”.<sup>11</sup>

Mù mờ, cùng với quá lúng túng và bết tắc, bởi có nguyên nhân tự thân từ thể chế và cách tiếp cận không qua lăng kính của cuộc sống.

Nguyên nhân tự thân của những lúng túng và bết tắc gắn liền với quá nhiều khiếm khuyết trong nội hàm của mô thức tổ chức xã hội XHCN mà các nhà sáng lập ra CNXH đã chọn:

(a) Tổ chức xã hội theo thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, coi đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội, coi chuyên chính vô sản là nguyên tắc và trên thực tế đã không tránh khỏi tình trạng lấy vô sản chuyên chính dân tộc đánh

---

<sup>9</sup> TBT Nguyễn Phú Trọng tuyên bố: “Đổi mới chỉ là một giai đoạn, còn xây dựng CNXH còn dài lắm. Đến hết thế kỷ này không biết đã có CNXH hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa” – Báo Tuổi Trẻ online 23/10/2013 (<http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20131023/du-thao-chua-vang-vong-nhu-loi-hieu-trieu/576098.html>)

<sup>10</sup> Nhiều người hỏi Bộ trưởng bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh thế nào là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, ông đáp: “Chúng ta cứ nghiên cứu mãi cái mô hình đó, mà mãi có tìm ra đâu. Làm gì có mà tìm.” – Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 03/05/2014 (<http://www.thesaigontimes.vn/114301/Cai-cach-the-che-tu-cau-hoi-chua-co-loi-giai.html>)

<sup>11</sup> Thứ trưởng bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng: “Tôi cứ suy nghĩ mãi một điều, nếu chúng ta đi mà không rõ đi đâu, bằng cách nào, bao giờ đến thì không bao giờ chúng ta đi nhanh và bền vững được.” – Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 22/11/2014 (<http://www.thesaigontimes.vn/124350/Thu-truong-Bo-KHDT-Chung-ta-di-ma-khong-biet-di-dau.html>)



vào khối đại đoàn kết dân tộc. Kích động hận thù, bạo lực và tội ác cũng sinh ra từ những điểm đặc trưng nổi bật này.

(b) Mô thức tổ chức nền kinh tế bị chi phối gần như tuyệt đối bởi những nét đặc trưng như công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu là nền tảng, kinh tế Nhà nước chủ đạo, việc thực hành kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp và tụt tụt cấp. Mô thức tổ chức nền kinh tế với những đặc trưng vừa kể rất xa lạ với kinh tế thị trường trên phương diện sản xuất và tái sản xuất trong đời sống hiện thực.

(c) Tập quyền đến mức quyền lực thành siêu quyền lực cho sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản vừa làm cho Đảng bị tha hóa vừa làm cho các tổ chức chính trị, kinh tế xã hội khác mất quyền, trở thành hữu danh vô thực. Không có quyền cũng dẫn đến tình trạng phổ biến quay lưng với trách nhiệm đến mức vô cảm, khiến xã hội không còn có người chủ nào là đích thực.

Ngoài nguyên nhân tự thân như đã nêu ở trên, còn có nguyên nhân từ cách tiếp cận không qua lăng kính của cuộc sống, để nhận biết học thuyết Mác – Lênin và CNXH có cái gì trước đúng nay vẫn đúng, cái gì trước đúng nay không còn phù hợp vì bối cảnh xã hội đã có quá nhiều thay đổi, và cái gì cả trước và nay đều không đúng, để có sự lựa chọn vận dụng.

Mô thức tổ chức xã hội XHCN với những đặc trưng như trình bày ở trên **đã phá sản ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.**

Chọn học thuyết Mác – Lê nin và CNXH, Việt Nam đã **phải trả giá quá đắt bởi những sai lầm, khuyết điểm, nhất là sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng trong việc chọn con đường và giải pháp cải tạo XHCN và xây dựng CNXH từ 1954 ở miền Bắc và từ 1975 trên phạm vi cả nước.**

Có thể đơn cử như:

(a) Sai lầm trong Cải cách ruộng đất.

(b) Triệt phá kinh tế tư bản tư nhân ở miền Bắc sau 1954 và sau 1975 ở miền Nam.

(c) Xóa bỏ kinh tế cá thể của hàng chục triệu hộ nông dân, thợ thủ công và tiểu thương.

(d) Kỳ thị kinh tế tư nhân và cấm đảng viên làm kinh tế tư nhân mãi tới những năm gần đây, trong chừng mực mới có được tháo gỡ.

(e) Thái quá trong phân định và phân biệt đối xử giữa các thành phần giai cấp trong xã hội, nên đã nêu khẩu hiệu “*trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ*” trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, đàn áp trí thức, nhân sĩ yêu nước trong vụ Nhân văn Giai phẩm và trong vụ án Xét lại hiện đại.

(f) Chọn đổi mới kinh tế với cái cốt lõi là phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, nhằm sửa chữa những sai lầm về đường lối kinh tế dựa trên học thuyết Mác – Lê nin và CNXH theo mô hình Xô Viết và mô hình “đặc sắc Trung Quốc”, nhưng đổi mới không toàn diện, không triệt để cũng bởi những rào cản từ ý thức hệ sợ “*đổi mới được kinh tế nhưng mất tư tưởng, được bộ phận nhưng mất tổng thể, được trước mắt nhưng mất lâu dài, được kết quả hiển nhiên nhưng xa rời mục đích và những nguyên tắc cơ bản, được của cải nhưng hỏng quan hệ sản xuất và con người*”, như không ít lý luận gia “cộm cán” của Đảng đã răn dạy, ngay cả khi công cuộc đổi mới hết sức sôi động và nền kinh tế thoát dần ra khỏi khủng hoảng và lấy đà tăng trưởng.

(g) Chậm nhận biết sự tất yếu mang tính quy luật của phát triển bền vững, nên kinh tế có tăng trưởng nhưng tình trạng lâm nguy đối với văn hóa và sự tàn phá môi trường càng lớn, càng gay gắt. Chạy theo tăng trưởng nhất là trên diện rộng và số lượng, gây bất ổn kinh tế vĩ mô và cái giá phải trả từ đó là chất lượng tăng trưởng không cao, chất lượng cuộc sống của người dân chậm được cải thiện, mức tụt hậu so với các nước trong khu vực ngày càng lớn.

**Sai lầm trong việc chọn đường lối cùng với bộ máy cầm quyền yếu kém, hư hỏng, cộng với sự lộng hành của các nhóm lợi ích bất chính và tham nhũng, đã đưa nước ta vào tình trạng khủng hoảng, tụt hậu về kinh tế, lâm nguy về văn hóa và môi trường bị xâm hại vô phương cứu chữa. Toàn Đảng với gần bốn triệu đảng viên, phải chịu trách nhiệm về những sai lầm như đã nêu ở trên và phải sửa sai, bằng cách từ bỏ đường lối xây dựng CNXH dựa trên chủ nghĩa Mác – Lênin, chuyển sang đường lối dân tộc, dân chủ theo tinh thần của nền cộng hòa dân chủ với sự tôn vinh nhân quyền và pháp quyền. Sứ mệnh và tầm nhìn đó đòi hỏi Đại hội XII (cả đại hội các cấp tiến đến Đại hội XII) không được quay lưng lại với yêu cầu cải cách thể chế chính trị.**

**2. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, có cả ngàn năm phải đối đầu với mưu đồ đặt nước ta vào vị thế lệ thuộc nhằm phục vụ lợi quyền của Trung Quốc.**

Chỉ tính riêng trong khoảng 40 năm gần đây (từ sau 1975), các thế lực bành trướng bá quyền Trung Quốc đã chiếm Hoàng Sa (năm 1974); đánh chiếm Gạc Ma (năm 1988), đứng sau lưng “Khòme đỏ” đánh Việt Nam ở biên giới Tây Nam (1976-1978), đưa 60 vạn quân tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc (1979), hạ đặt giàn khoan HD981 trong vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam, và một chuỗi hành động rất đáng quan ngại là việc “xây dựng các đảo nhân tạo” đang được ráo riết thực hiện ở Trường Sa, Hoàng Sa không thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Sự ngang ngược và ngạo mạn hết sức nguy hiểm đó, **phải được coi là những hành vi xâm lược, và phải được đối phó bằng hành động chống xâm lược với ý chí và quyết tâm chính trị cao của khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam**, của Nhà nước và của đảng cầm quyền.

Thế nhưng, tại nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế, nhất là tại hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 9 Khóa 11 và tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa 13 không những không ra được tuyên bố chỉ trích xâm lược và kiên quyết chống xâm lược, mà còn có không ít những phát ngôn làm được lòng Trung Quốc nhưng mất lòng dân vì những **mơ hồ mất cảnh giác từ nhận thức “cùng ý thức hệ XHCN” và những lời ngon ngọt “bốn tốt”, “16 chữ vàng”**. Thái độ mơ hồ mất cảnh giác, không giống một số nước bạn như Nhật Bản, Philippines, đã, đang và sẽ tự mình đánh mất chủ quyền, vừa không làm tròn trách nhiệm với các quốc gia, các cộng đồng dân tộc thuộc khu vực ASEAN trong mỗi liên kết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cũng như trong quyền sử dụng tài nguyên trên không, trên biển theo luật quốc tế.

**3. Chuẩn bị cho Đại hội XII** là việc phải làm và cấp ủy các cấp của khóa XI có trách nhiệm trong việc chuẩn bị này. Nhưng **chuẩn bị chứ không phải áp đặt, và càng không thể là thủ đoạn lấn quyền của Đại hội. Chuẩn bị Đại hội phải thực sự coi trọng dân chủ, công khai, minh bạch** (cả trong Đảng và trên toàn xã hội).

Qua hệ thống thông tin đại chúng và tiếp cận bước đầu với các dự thảo văn kiện trình Đại hội XII, thì thấy việc cải cách thể chế chính trị (cả chế độ và đảng), không những chưa được quan tâm, mà còn buộc phải theo tinh thần Cương lĩnh 2011 và Hiến pháp 2013, vốn cố bám giữ đường lối XHCN theo chủ nghĩa Mác – Lê nin và sự độc quyền lãnh đạo của Đảng bằng siêu quyền lực. Đây đang là vấn đề nóng bỏng phải xem xét triệt để mà Đại hội XII không thể quay lưng lại được.

Về nhân sự cho cơ quan lãnh đạo các cấp trong nhiệm kỳ Đại hội XII theo quyết định ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI, vẫn không có dân chủ thực chất và trên thực tế không tránh được sự sắp đặt của cấp ủy khóa trước cho nhân sự của khóa sau, và cũng không tránh được sự chi phối của một số ít người có quyền. Quy chế mới còn hạn chế hơn nữa quyền ứng cử, đề cử, quyền bảo lưu ý kiến thiếu số và quyền được báo cáo với cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc của đảng viên, trong đó có những quy định không phù hợp với điều lệ Đảng hiện hành.<sup>12</sup>

23.8.2015

---

<sup>12</sup> Mấy điều không phù hợp với Điều lệ Đảng trong Quy chế bầu cử trong đảng theo Quyết định số 244-QĐ/TW ngày 09/06/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI:

- Theo Quy chế, cấp Ủy viên và Ủy viên thường vụ, Ủy viên Bộ chính trị và Ban Bí thư không được ứng cử và đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp ủy đề cử. Quy định này không phù hợp với quy định “Đảng viên có ý kiến thuộc về thiếu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp trên cho đến Đại hội Đại biểu toàn quốc” tại Khoản 5, Điều 9 của Điều lệ Đảng hiện hành.
- Quy chế bầu cử khống chế số dư tối đa không quá 30% số lượng cần bầu là lấn quyền của Đại hội vì Điều lệ hiện hành nêu rõ ở Khoản 2, Điều 9: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc, cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là Đại hội Đại biểu hoặc Đại hội Đảng viên” và ở Khoản 3, Điều 12 quy định: “Danh sách bầu cử do Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua”.

Quy chế bầu cử trong đảng coi “danh sách do cấp ủy triệu tập đại hội đề cử là danh sách đề cử chính thức với đại hội”, thậm chí “có thể lấy danh sách đó làm danh sách bầu cử”. Như vậy có sự phân biệt đối xử giữa những người trong danh sách của cấp ủy và những người tự ứng cử và được đề cử tại đại hội. Nguyên tắc dân chủ, bình đẳng trong bầu cử bị vi phạm bởi sự phân biệt đối xử đó.

### 3

## GÓP Ý TRƯỚC THÊM PHÁN QUYẾT-SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992

Chương trình nghị sự đối với việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992, tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa 13 đã qua “vòng 1” – nghe giải trình và thảo luận. Việc còn lại là sự lựa chọn và phán quyết đối với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, một công việc hết sức quan trọng, nhưng vô cùng khó khăn vì còn nhiều khoảng cách khác nhau cho sự lựa chọn đó, đòi hỏi các đại biểu Quốc hội tiếp tục suy tư, trăn trở để xác định lời giải cho mình về những vấn đề lớn của dân của nước đặt ra đối với việc sửa đổi Hiến pháp.

Trên tinh thần đó, tôi xin được tiếp tục chia sẻ qua những ý kiến đóng góp sau đây với đại biểu Quốc hội.

Việt Nam là một đất nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời. Các dân tộc Việt Nam là một khối thống nhất, đều bình đẳng, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, đảng phái.

Vì thế, Hiến pháp phải khẳng định mạnh mẽ lập trường chủ quyền đối với một đất nước độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và lập trường dân tộc với khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam là chủ thể của chủ quyền đó, chứ không phải lập trường giai cấp với bất kỳ giai cấp nào.

Chế độ chính trị mà Việt Nam chọn đưa vào Hiến pháp, xin đề nghị là Cộng hòa hoặc Cộng hòa Dân chủ, chứ không phải Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa (như Hiến pháp 1992 và Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992) vì tinh thần của nền cộng hòa sáng rõ và đầy sức thuyết phục, còn xã hội chủ nghĩa (XHCN) có nhiều nội hàm không phù hợp, không đúng, gây ra nhiều bất ổn cho tiến trình phát triển và hoàn thiện xã hội. Với chế độ chính trị là Cộng hòa hoặc Cộng hòa Dân chủ, đề nghị đổi tên nước từ “Cộng hòa XHCN Việt Nam” thành “Cộng hòa Việt Nam” hoặc “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (như Hiến pháp 1946).

Sứ mạng và tầm nhìn của chính thể Cộng hòa hoặc Cộng hòa Dân chủ là bảo vệ độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Sự lựa chọn và thay đổi này phù hợp với tinh thần cộng hòa theo tư duy Hồ Chí Minh, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố trước quốc dân, đồng bào, kiều bào ở nước ngoài cùng bạn bè trên thế giới qua Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 và Hiến pháp năm 1946.

Sự thay đổi này cũng phù hợp với nhận thức mới về học thuyết Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội đã được cuộc sống kiểm định và phán xét về sự không phù hợp, không đúng của nó, và trên thực tế nó đã không vượt qua được khủng hoảng và sụp đổ bởi nguyên nhân tự thân của nó.

Nhà nước của nước Cộng hòa Việt Nam hoặc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, chứ không phải của giai cấp công nhân hoặc giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là nền tảng (như Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992).

Nhà nước của nước Cộng hòa Việt Nam hoặc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước pháp quyền tam quyền phân lập, chứ không phải nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (như Hiến pháp 1992 và Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992). Các nhánh quyền lực nhà nước gồm lập pháp, hành pháp, tư pháp phải được phân định rạch ròi theo chức năng, nhiệm vụ của chúng. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm và quyền hạn tương thích với chức năng nhiệm vụ ở các nhánh phải hoạt động độc lập, không ỷ lại, dựa dẫm vào nhau và cũng không để cho tổ chức và cá nhân bất kỳ nào can thiệp, chi phối, nhất là đối với hệ thống tư pháp phải được xét xử độc lập trên cơ sở Hiến pháp và luật.

Sự phân định rạch ròi nêu trên cũng sẽ tạo chuẩn mực để các nhánh quyền lực nói riêng và các tổ chức chính trị, xã hội khác nói chung ràng buộc, chế ước lẫn nhau nhưng không chi phối theo kiểu vượt thẩm quyền hoặc độc quyền quyền lực.

Ở điều 4 của Hiến pháp 1992 và Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, nên bỏ những phần nói cụ thể về Đảng Cộng sản Việt Nam và “Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”, và thay vào đó là những hiến định về đảng cầm quyền.

Đảng cầm quyền là Đảng tôn trọng chủ quyền quốc gia, dân tộc Việt Nam, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, được nhân dân tín nhiệm; người của đảng được nhân dân bầu chọn, đưa vào bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân qua các cuộc bầu cử thật sự tự do, dân chủ có sự sàng lọc, cạnh tranh chính trị trong môi trường đa nguyên, đa đảng.

Với tầm của Hiến pháp, cần có quyết sách đúng và rõ ràng về chủ quyền và quyền sở hữu đất đai.

Đất với tư cách là lãnh thổ, là tài nguyên và là cảnh quan môi trường tự nhiên, thuộc chủ quyền quốc gia. Quyền của chủ quyền này thuộc về toàn dân và Nhà nước được trao quyền đại diện.

Đất được đưa vào khai thác, sử dụng là sản phẩm của lao động (cả lao động cha truyền con nối) là tài sản hoặc bộ phận cấu thành tài sản (trong bất động sản), là tư liệu sản xuất (trong sản xuất nông nghiệp) của người dân và các chủ thể sản xuất kinh doanh nhất định, phải được cư xử như những tài sản, những tư liệu sản xuất như đã đề cập ở điều 33 của Dự thảo. Ở đó quyền sở hữu tư nhân được thừa nhận và bảo hộ bên cạnh sở hữu nhà nước và tập thể.

Hiến pháp 1980 và 1992 không thừa nhận sở hữu tư nhân về đất đai, đã gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế và bất ổn xã hội. Thiết nghĩ, đã đến lúc phải sửa đổi. Bên cạnh sự khẳng định tài nguyên đất thuộc chủ quyền quốc gia, toàn dân tộc, Hiến pháp phải thừa nhận và bảo hộ sở hữu tư nhân về đất đai bên cạnh sở hữu nhà nước và tập thể.

Đất đai là tài sản có chủ thể sở hữu rõ ràng, trong kinh tế thị trường việc dịch chuyển quyền sở hữu được thực hiện dưới hình thức mua bán là tất yếu. Nhà nước khi có nhu cầu vì quốc kế dân sinh thường phải trưng mua theo cơ chế và giá cả thị trường. Trong những trường hợp đặc biệt vì an ninh, quốc phòng có thể trưng dụng đất nhưng phải đền bù thỏa đáng, không để thiệt thòi cho phía người dân.

Mô hình kinh tế tổng quát, đã và đang được thể hiện trong Hiến pháp 1992 và bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, bị chi phối bởi thể chế kinh tế nặng về công hữu là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo, đã không còn phù hợp, nên phải thay đổi khi tu chỉnh Hiến pháp kỳ này.

Để tạo điều kiện và khuyến khích huy động mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân để chấn hưng kinh tế và an sinh xã hội, thì không thể không bình

đăng trong hiến định về cách ứng xử đối với các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

Vấn tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo như trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 là không phù hợp với tinh thần bình đẳng và lẽ công bằng mà Hiến pháp cần có.

Tác giả của bản dự thảo còn cho rằng “Quy định (kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo) như vậy để thể hiện hạ tầng kinh tế của chế độ XHCN ở nước ta”. Vậy trong mối quan hệ giữa hạ tầng kinh tế và thượng tầng kiến trúc chế độ XHCN cái nào quyết định cái nào? Sẽ không có sự biện minh nào cho việc đi ngược lại quy luật của tác giả bản dự thảo.

Chế độ XHCN ở Việt Nam là cái gì, mà bắt hạ tầng kinh tế phải theo để thể hiện? Thiết nghĩ, ngoài những ý tưởng nhân văn vốn là khát vọng của loài người tiến bộ, đã được các nhà sáng lập ra lý thuyết XHCN kế thừa và coi là sứ mệnh của CNXH, thì không còn cái gì đúng và phù hợp với cuộc sống đương đại. Mô thức tổ chức xã hội XHCN với những nội hàm: (1) Về tổ chức xã hội theo thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, thực thi chuyên chính vô sản, lấy nhà nước vô sản chuyên chính thay cho nhà nước pháp quyền và quyền dân sự và chính trị của công dân; (2) Công hữu hóa tư liệu sản xuất và tạo lập vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được coi là giải pháp cách mạng XHCN; (3) Không còn độc đoán chuyên quyền của giới chủ nô lệ, của vua quan và chúa đất, nhưng sự thu tóm quyền lực do độc đảng lãnh đạo đã gây nên nhiều bất ổn xã hội. Trên thực tế quyền lãnh đạo của Đảng đã trở thành siêu quyền đặt lên trên dân quyền và pháp quyền. Chế độ XHCN đó đã đi vào khủng hoảng và sụp đổ, nên không thể bất chấp quy luật mà bắt hạ tầng kinh tế phải tiếp tục từng phục thượng tầng - chế độ XHCN.

Từ những điều đã trình bày ở trên, xin có mấy đề nghị sửa đổi liên quan đến mô hình kinh tế tổng quát cần được thể hiện trong Hiến pháp như sau:

Thay kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng “Kinh tế thị trường hiện đại” – đỉnh cao của sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước vốn đã được chọn ngay từ đầu đổi mới.

Bỏ quy định “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”.

Mô hình kinh tế tổng quát cần được thể hiện trong Hiến pháp sửa đổi với những đặc trưng khái quát bao gồm: (1) Kinh tế thị trường hiện đại; (2) Đa dạng



hóa sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp; (3) Không coi công hữu là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo, mà chỉ cần xác định đúng mức vai trò quản lý của nhà nước pháp quyền đối với nền kinh tế thị trường Việt Nam; (4) Thực thi dân chủ trong kinh tế, mà vấn đề cốt lõi là quyền của người dân và thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp; (5) Liên kết và hợp tác quốc tế.

Những góp ý trên đây là ý kiến từ tấm lòng và từ sự hiểu biết ít nhiều của một công dân có trách nhiệm với chuyện dân, chuyện nước. Rất mong được quý đại biểu Quốc hội chia sẻ.

10.2013

## 4

# PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TỪ CỘI NGUỒN SINH RA NÓ<sup>13</sup>

### Tham nhũng – Mấy nét khái quát

Tham nhũng là sự chiếm đoạt cho mình những gì không thuộc của mình, như chiếm đoạt tiền của, tài sản và cả quyền lực của dân, của nước.

Tham nhũng bởi lòng tham và sự gian trá được thực hiện từ hành vi “trộm cắp” (dường như chưa dùng đến bạo lực), đến “cướp giật” (có nhờ đến sức mạnh của bạo lực, như cướp có hung khí, cướp có vũ trang)... và tới đỉnh cao là tham nhũng không bằng bạo lực mà bằng quyền lực (cậy thế cậy quyền để thâm tóm tiền của và quyền chức). Lòng tham và sự gian trá của nạn tham nhũng ở Việt Nam trong hiện tại là sự hòa quyện giữa tiền bạc, chức quyền trong cả mục tiêu và thủ đoạn tham nhũng. Những cá nhân và tổ chức tham nhũng liên kết trong các nhóm lợi ích cục bộ đã bòn rút nguồn sống của người dân, xâm hại lợi ích của quốc gia, dân tộc và chà đạp lên dân quyền, pháp quyền.

Những nỗi bức xúc hằn sâu trong xã hội ngày một đông đầy lên bởi quốc nạn tham nhũng có thể nhận thấy dễ dàng từ những câu chuyện hết sức bần tiện, như ăn chặn tiền cứu trợ thiên tai, trợ cấp xóa đói nghèo, trợ cấp người có công với nước, bày trò ma thuật “quy hoạch” để cướp đất của dân, cho đến những chuyện đục khoét tàn phá nền kinh tế hết sức nghiêm trọng như những vụ tham nhũng ở PMU 18, ở Vinashin, Vinalines... Không phải chỉ có tham nhũng

---

<sup>13</sup> Bài viết này lúc đầu có tên là “Tham nhũng ở Việt Nam – Mấy cảm nhận và đề xuất” đã đăng trên tạp chí Phát triển Kinh tế (Đại học Kinh tế TP.HCM) số 179, tháng 9 năm 2005 và tạp chí Kinh tế và Phát triển (Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội) số 102, tháng 12 năm 2005. Sau đó bài viết được công bố tiếp trong quyển Tư duy phát triển của tác giả đã xuất bản theo Quyết định số 991/QĐ-NXBTĐ/CN65, Nhà Xuất bản Thời Đại cấp ngày 07 tháng 12 năm 2011. Gần đây bài viết được bổ sung, chỉnh sửa, đổi tên thành “Phòng chống tham nhũng từ cội nguồn sinh ra nó”, có cập nhật tình hình và đối chiếu với những gì mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 và lần thứ 5 BCH Khóa XI đã đề cập về phòng chống tham nhũng. Bài viết này cũng đã được trình bày tại cuộc hội thảo khoa học bàn về “Những giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay” do tạp chí Cộng Sản phối hợp với Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức, ngày 15.1.2013.

tiền của, tài sản như đã nêu trên, mà còn có tham nhũng chức quyền-mua quan bán chức, đã và đang phát bệnh cả trên diện rộng và độ sâu của nó. Một số biểu hiện cụ thể là mua-bán bằng cấp, vay mượn tri thức, để mua bán cái ghế quyền lực. Mới đây, Hội nghị lần thứ 6, BCH Trung ương Khóa XI đã tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ quy hoạch cán bộ nói chung và cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược theo các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước cho nhiệm kỳ 2016 – 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Việc quá đề cao quy hoạch cán bộ như thế không chỉ hạn chế tính cạnh tranh của thị trường nhân lực, gia tăng sự ỷ lại, dựa dẫm làm suy giảm động lực phát triển, mà còn tạo kẽ hở cho những “hợp đồng mua quan bán chức”, làm nghiêm trọng hóa tình hình tham nhũng quyền lực.

### **Nguyên nhân – Nhìn từ gốc của vấn đề**

Có rất nhiều nguyên nhân đã được nói tới và ngay trong những kỳ họp của Quốc hội cũng đã đề cập khi thảo luận dự thảo luật phòng chống tham nhũng.

Tuy nhiên, những nguyên nhân và giải pháp đã được nêu ra phần lớn chỉ là sự chống đỡ, thậm chí là chống đỡ thụ động. Chỉ như vậy thôi thì không tìm được lời giải về giải pháp để phòng chống tham nhũng có hiệu quả. Đã đến lúc cần phải nhìn thẳng vào sự thật để nhận dạng cho rõ nguyên nhân căn cơ – từ gốc sinh ra tham nhũng: (1) từ nền kinh tế quá nặng về công hữu hóa và Nhà nước hóa; (2) từ sự tập trung và lạm dụng thái quá quyền lực, nhất là ở cơ quan lãnh đạo của Đảng và nhà nước; (3) sự bất cập của dân chủ, công khai, minh bạch.

Nền kinh tế công hữu hình thành và phát triển vượt quá giới hạn an toàn của quản lý đã tạo ra những đồng tài sản và tiền của “vô chủ”, tạo nhiều kẽ hở cho sự lãng phí, thất thoát và từ đó cũng làm sinh sôi, nảy nở lòng tham ở không ít người bởi sự khêu gợi và dễ dàng dâng hiến từ những của cải “vô chủ” đó.

Hiện thực trước và sau đổi mới cho thấy những khuyết tật của nền kinh tế “công hữu hóa”, “Nhà nước hóa”, “kế hoạch hóa tập trung bao cấp”, nhất là việc duy trì chúng ở mức độ vượt quá tầm quản lý. Và cũng chính những khuyết tật này đã là “bà đỡ” cho tham nhũng, nên được những kẻ vụ lợi muốn trì kéo duy trì để đục khoét bằng tham nhũng.

Thêm vào đó là chế độ tiền lương không đủ sống, mà phải chịu những khoản thuế, phí và biến động giá đến “oằn vai”. Lương, thuế, phí và giá đã và đang vận động không theo tinh thần “khoan sức dân” tạo nên tâm lý “phải được sống”, “phải được công bằng” bằng mọi cách kể cả bằng tham nhũng và đã trở thành cái cớ cho sự biện minh của những kẻ tham nhũng.

Sự tập trung quyền lực thái quá cho hệ thống lãnh đạo và quản lý, nhưng thiếu những chế tài tương thích để hạn chế sự lạm quyền cho tham nhũng – làm cho không ít người có lòng tham có thể tham nhũng được. Những người có lòng tham, tham nhũng được, phần lớn là người của doanh nghiệp nhà nước, của hệ thống chính trị, mà không cần chứng minh cụ thể cũng thấy được trong hiện thực tham nhũng ở Việt Nam.

Chế tài cho cái gọi là “nền kinh tế công hữu” và “sự tập trung quyền lực” là thể chế dân chủ, công khai, minh bạch. Điều này còn quá nhiều bất cập nên đại chúng vẫn còn thiếu điều kiện vào cuộc để làm được nhiều điều phải làm trong việc phòng chống tham nhũng.

### **Giải pháp – Tiếp cận từ cái căn cơ nhất**

Tham nhũng với những hành vi nguy hại và nguyên nhân của nó không phải đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề chính trị, xã hội. Do đó giải pháp chung nhất, căn cơ nhất, để phòng chống tham nhũng phải là đổi mới đồng bộ cả thể chế chính trị, kinh tế và xã hội để giải quyết các vấn đề nổi cộm như: (1) kinh tế công hữu hình thành và phát triển vượt tầm quản lý là mảnh đất tạo ra lòng tham và tham nhũng được; (2) tập trung và lạm dụng quyền lực dẫn tới nạn ban phát “quyền tham nhũng” và “quyền bao che tham nhũng”; (3) dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch còn nhiều bất cập nên chưa đủ tầm kiểm soát tham nhũng.

Có thể cụ thể hóa hơn chút nữa với những giải pháp sau đây:

Thúc đẩy nhanh và mạnh hơn tiến trình tái cấu trúc lại cơ cấu của nền kinh tế và đổi mới quản lý theo mô hình kinh tế thị trường hiện đại cùng với xã hội dân sự, nhà nước pháp quyền, chứ không phải kinh tế “công hữu hóa”, “nhà nước hóa”, “kế hoạch hóa tập trung bao cấp”. Theo đó là việc sắp xếp và đổi mới quản lý theo hướng chuyển đổi hình thức sở hữu và cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp nhà nước không cần phải giữ lại, song song với việc tạo điều kiện và khuyến khích phát triển lớn mạnh kinh tế thuộc khu vực tư nhân. Để có được điều đó, có nhiều việc phải làm, nhưng sẽ không dễ dàng thực hiện suôn sẻ nếu không tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc còn lại bằng sự đổi mới tư duy lý luận, tư tưởng vốn dĩ đã quá lạc hậu.

Không coi “công hữu (bao gồm sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể) ngày càng trở thành nền tảng”. Nếu nói nền tảng thì phải nói đến sở hữu tư nhân bao gồm các yếu tố vật thể và phi vật thể – vốn và nguồn lực lao động của người dân, tham gia vào sự hình thành và phát triển không chỉ đối với khu vực kinh tế tư nhân, mà còn ở cả các khu vực kinh tế khác.

Không nói “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” mà phải nói nhà nước pháp quyền của dân do dân vì dân giữ vai trò chủ đạo. Vai trò chủ đạo đó phải được thực hiện bằng chức năng quản lý và một phần nào đó bằng sức mạnh kinh tế nhà nước, chứ không phải chỉ bằng kinh tế nhà nước để tiếp tục duy trì nền kinh tế công hữu vượt tầm quản lý.

Ứng hộ việc cho đảng viên được làm kinh tế tư nhân không giới hạn quy mô và ngành nghề, miễn thuộc ngành nghề mà luật pháp không cấm. Thiết nghĩ cũng không cần giới hạn gì nữa, chẳng hạn những việc được cho phép làm của cơ quan hành pháp. Điều này sẽ góp phần giải tỏa tâm lý “kỳ thị kinh tế tư nhân” để khu vực kinh tế tư nhân phát triển lớn mạnh xứng tầm với vai trò, vị trí của nó trong cấu trúc cần có của nền kinh tế.

Đất đai, với sự tuyệt đối hóa chế độ công hữu và quyền của người sử dụng với tư cách là chủ của tư liệu sản xuất

– đất và chủ của tài sản – đất trong sự cấu thành của bất động sản còn bị treo lơ lửng, đã và đang là đối tượng của tình trạng trục lợi, tham nhũng. Thiết nghĩ nên có sự phân định rạch ròi về hai loại quyền đối với đất đai – chủ quyền quốc gia đối với đất là tài nguyên và đa sở hữu, đối với đất là tư liệu sản xuất, là tài sản.

Đất, với tư cách là tài nguyên thiên nhiên như các tài nguyên khác, là của quốc gia – thuộc chủ quyền quốc gia, ai khai thác sử dụng phải được nhà nước cho phép và phải chịu sự kiểm soát của luật pháp, phải có nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

Đất được đưa vào sử dụng với tư cách là tư liệu sản xuất (trong sản xuất nông nghiệp), là yếu tố cấu thành tài sản (trong cấu thành bất động sản), là của nhà sản xuất, của chủ tài sản – thuộc quyền sở hữu của nhà sản xuất, của chủ tài sản. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, đất đai trong sử dụng – hay nói một cách khác, là giá trị sử dụng của đất, cũng phải theo thể chế “đa dạng hóa sở hữu”. Như vậy đất đai sẽ không còn là vật “vô chủ” để cho những lòng tham dễ dàng trục lợi, tham nhũng.

Chính sách tiền lương với mức lương tương thích với cống hiến và công bằng giữa các đối tượng hưởng lương sẽ có tác dụng phòng chống tham nhũng trên các mặt: (1) xóa đi cái có “lương không đủ sống” biện minh cho tham nhũng; (2) nâng cao kỷ cương lễ luật và trách nhiệm với công việc của người ăn lương. Mức lương hiện tại còn quá thấp. Một bộ phận, nhất là cán bộ có chức có quyền ngoài lương còn có một số khoản thu nhập khác từ công quỹ. Sự hình thành các khoản thu nhập ngoài lương và quá trình thực hiện còn chứa đựng

những bất cập về công bằng, công khai và minh bạch nên còn tạo nhiều kẽ hở cho nạn trục lợi, tham nhũng. Do đó, cần ưu tiên việc nâng lương và cải cách chính sách thu nhập bằng tiền lương. Qua việc bài trừ tham nhũng một cách hiệu quả, nhân sách nhà nước sẽ được bảo vệ đầy đủ, nên nhờ thế chính sách tăng lương cũng sẽ thực hiện được dễ dàng hơn và thực chất hơn so với hiện nay.

Kiểm chế và giảm bớt sự tập trung thái quá quyền lực cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng, để tập trung cho pháp quyền với đủ thực quyền cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp. Phải có sự phân công rạch ròi giữa các quyền đó để có sự tôn trọng quyền và trách nhiệm của nhau và có cả sự giám sát, kiểm chế lẫn nhau nhằm tránh tình trạng lạm dụng quyền lực dẫn đến sự ban phát “quyền tham nhũng” hay “quyền bao che tham nhũng”.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng thì phòng chống tham nhũng cũng vậy. Việc phát hiện nhiều vụ tham nhũng và đòi xử lý tham nhũng trong thời gian qua của người dân và giới báo chí là một minh chứng khá rõ. Tuy nhiên, đó mới chỉ là chống tham nhũng một cách thụ động. Xử lý tham nhũng, nhất là phòng chống tham nhũng từ những cội nguồn sinh ra tham nhũng thì dân làm chưa được bao nhiêu. Do đó phải thúc đẩy nhanh, mạnh tiến trình dân chủ hóa xã hội để tạo đủ quyền và trách nhiệm của người dân trong cuộc chiến phòng chống tham nhũng. Đó là quyền và trách nhiệm của người dân trong việc xây dựng tổ chức và chọn lựa nhân sự cho hệ thống chính quyền ít có mầm tham nhũng; quyền và trách nhiệm trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin từ thông tin đại chúng và từ sự dân chủ công khai minh bạch của chính quyền; và quyền được đòi hỏi phải xử lý nghiêm minh các tổ chức và cá nhân tham nhũng.

Mới đây, tại kỳ họp thứ 5, BCH Trung ương Khóa XI đã đưa ra chủ trương “Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban” và lập lại Ban Nội chính Trung ương để “đồng thời là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng”. Chủ trương được đưa ra cũng xác định không tổ chức Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố về phòng chống tham nhũng, mà “Tỉnh ủy, Thành ủy trực tiếp lãnh đạo công tác phòng chống tham nhũng và có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng khi có vụ việc tham nhũng nghiêm trọng xảy ra ở địa phương”.

Chủ trương đã đưa ra như trên thiếu sức thuyết phục và gây nhiều quan ngại vì những lẽ như sau:

Như những trình bày ở trên, trong bài viết này, nguyên nhân căn cơ, gốc rễ sinh ra tham nhũng và gây cản ngại cho việc phòng chống tham nhũng là: (1)

duy trì một nền kinh tế quá nặng về công hữu; (2) tập trung và lạm dụng thái quá quyền lực ở cơ quan lãnh đạo của Đảng; (3) sự bất cập của dân chủ, công khai, minh bạch. Những vấn đề căn cơ gốc rễ này vốn đã nảy sinh ra từ thể chế chính trị, từ mô thức tổ chức xã hội XHCN mà Đảng đã chọn, đến nay vẫn chưa chịu cải sửa. Trên thực tế, những cái căn cơ gốc rễ đó đã là “bà đỡ” cho tham nhũng, là nơi ẩn náu của tham nhũng, là “phòng tuyến” để tham nhũng chống đỡ. Cơ quan lãnh đạo của Đảng cũng là sản phẩm của thể chế chính trị đó làm sao có đủ quyết tâm chính trị trong công cuộc phòng chống tham nhũng mà giao trọn quyền chỉ đạo phòng chống tham nhũng?

Để vượt qua những rào cản từ thể chế chính trị như đã nêu trên, để phòng chống tham nhũng bằng dân quyền và pháp quyền, bằng cả lập pháp, hành pháp và tư pháp, thiết nghĩ sẽ không có sự lựa chọn nào khác về một tổ chức chỉ đạo tối cao – một Bộ Tư lệnh của trận chiến chống tham nhũng là Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội làm Tổng Tư lệnh. Một cơ quan chuyên trách, có đủ vị thế, độc lập khách quan của Quốc hội giúp Quốc hội chỉ đạo phòng chống tham nhũng là tất yếu phải có. Cơ quan chuyên trách này thế nào cách hình thành ra sao, thiết nghĩ đó là chuyện của Quốc hội.

11.2012

## 5

# NÊN TRỞ VỀ VỚI NỀN CỘNG HÒA DÂN CHỦ THEO TƯ DUY HỒ CHÍ MINH<sup>14</sup>

### Tinh thần của nền cộng hòa

Tinh thần nền cộng hòa theo tư duy của Hồ Chí Minh mà chúng ta có thể cảm nhận được là:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc”.<sup>15</sup>

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.<sup>16</sup>

Theo tư duy của Hồ Chí Minh, đó là những lời bất hủ về tinh thần của nền cộng hòa, mà Người tiếp nhận được từ bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Những lời bất hủ ấy cũng đã được Hồ Chí Minh đưa vào Việt Nam qua Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 và Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với khát vọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước; ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, thoát khỏi áp bức bất công cho nhân dân, Hồ Chí Minh cũng đã đến với chủ nghĩa “Tam dân”: Dân tộc độc lập – Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc, như đến với những giá trị của tinh thần cộng hòa ở phương Đông.

Mục tiêu tối thượng là giải phóng thuộc địa từ tay thực dân Pháp giành lại độc lập cho đất nước và lợi quyền cho nhân dân, đã thúc đẩy Hồ Chí Minh đến với Lênin, qua bài viết của Lênin về vấn đề thuộc địa. Vấn đề này, ở khía cạnh giải phóng các dân tộc thuộc địa khỏi áp bức bóc lột, bất công

---

<sup>14</sup> Bài viết này đã được trình bày tại cuộc tọa đàm khoa học “Góp ý dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992” do tạp chí *Cộng Sản* phối hợp với Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức, ngày 9.3.2013.

<sup>15</sup> Xem Tuyên ngôn Độc lập ngày 2.9.1945.

<sup>16</sup> Xem Tuyên ngôn Độc lập ngày 2.9.1945.



do đế quốc thực dân gây ra, thiết nghĩ cũng không nằm ngoài tinh thần cộng hòa

- là cái mà Hồ Chí Minh cần tìm, chọn cho Việt Nam.<sup>17</sup>

Tinh thần cộng hòa theo tư duy và hành động cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với việc lựa chọn chính thể cho Việt Nam sau khi giành được độc lập<sup>18</sup> bao gồm một số nội dung cơ bản như:

- Nền dân chủ cộng hòa

- Sứ mệnh và tầm nhìn của nền dân chủ cộng hòa ấy là: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

- Tất cả quyền bính là của toàn thể nhân dân, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo. Tất cả quyền bính đó, được cụ thể hóa trong 11 điều (từ điều 6 đến 16) của Hiến pháp năm 1946, đến nay vẫn còn nguyên giá trị của tinh thần cộng hòa, dân chủ.

- Tất cả công dân đều bình đẳng trước pháp luật – ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, là cơ sở pháp quyền cho sự phát triển của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

### **Sự bất cập của thể chế**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chủ Tịch đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập được bầu ra tại cuộc tổng tuyển cử ngày 6 tháng 1 năm 1946. Và Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được Quốc hội thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946.

Trải qua trên 65 năm, Hiến pháp năm 1946 đã qua 3 lần sửa đổi vào các năm 1959, năm 1980 và năm 1992.

Hiến pháp năm 1959 – Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vẫn với chế độ chính trị là Dân chủ Cộng hòa, như Hiến pháp năm 1946 đã chọn.

Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, chọn chế độ chính trị là xã hội chủ nghĩa trong cụm từ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa thay cho Dân chủ Cộng hòa của Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959.

Vậy xã hội chủ nghĩa (XHCHN) là gì mà vừa thay cho Cộng hòa Dân chủ, lại vừa

---

<sup>17</sup> Xem “Góc nhìn khác của một học giả Nhật về tư tưởng Hồ Chí Minh”-GS Tsuboi Yoshiharu với tham luận tại Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ 3 tổ chức tại Hà Nội, tháng 12.2008

<sup>18</sup> Xem Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

gắn kết với cộng hòa trong cụm từ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa?

XHCN được đề cập ở đây là một hình thái xã hội (xã hội XHCN), mà những người phát kiến ra nó đã đưa vào đó những ý tưởng rất nhân văn, rất đáng được trân trọng. Nhưng mô thức tổ chức vận hành của hình thái xã hội XHCN cả trên góc độ lý thuyết lẫn thực tiễn, lại có không ít những nội hàm không hợp lý, quá lạc hậu, nhất là lạc hậu so với sự phát triển của xã hội hiện đại vốn mang những đặc tính cơ bản đã được sàng lọc, lựa chọn trong quá trình tiến hóa của lịch sử nhân loại, bao gồm kinh tế thị trường, xã hội dân sự và Nhà nước pháp quyền.

Nền tảng chính trị tư tưởng và là kim chỉ nam của sự phát kiến hình thái xã hội XHCN là học thuyết Mác - Lênin. Nhưng nhiều kết quả nghiên cứu, lý luận và tổng kết thực tiễn cho biết: học thuyết Mác-Lênin có cái trước đúng nay vẫn đúng, có cái trước đúng nay không còn phù hợp vì bối cảnh xã hội đã có quá nhiều thay đổi và có cái trước và nay đều không đúng. Đơn giản chỉ vì nó “không phải là một học thuyết đã hoàn thành hẳn, có sẵn đầu vào đấy, bất di bất dịch nào đó”, như cách nói của chính Lênin.<sup>19</sup>

Vì thế, mô thức tổ chức xã hội XHCN, tự thân nó có nhiều khuyết tật gây bất ổn cho hệ thống giải pháp phát triển và hoàn thiện xã hội. Những khuyết tật gây bất ổn đó đã và đang tồn tại gắn liền với một số đặc trưng cơ bản như:

Tổ chức xã hội theo thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, coi đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội, coi nhà nước XHCN là nhà nước chuyên chính vô sản và trên thực tế đã không tránh khỏi tình trạng lấy vô sản chuyên chính dân tộc đánh vào khối đại đoàn kết dân tộc.

Mô thức tổ chức và vận hành nền kinh tế bị chi phối hầu như tuyệt đối bởi chế độ công hữu tư liệu sản xuất (bao gồm cả ruộng đất) như là nền tảng, kinh tế Nhà nước như là chủ đạo và phương thức kế hoạch hóa tập trung, bao cấp thay cho phương thức thị trường. Chọn mô thức tổ chức và vận hành như thế là không phù hợp với tinh thần “lấy dân làm gốc”, không khuyến khích và tạo điều kiện cho việc phát triển mọi nguồn lực của dân từ khu vực dân doanh.

Trong khi đó, khu vực kinh tế Nhà nước, nhất là các tổng công ty và tập đoàn kinh tế lớn được quá nhiều ưu ái, giao cho quá nhiều nguồn lực (cả nguồn lực cứng lẫn nguồn lực mềm) vượt quá tầm quản lý (cả quản trị kinh doanh và quản lý nhà nước), và hệ lụy khôn lường đã và đang đến là vừa kinh doanh không hiệu quả, vừa làm vẩn đục môi trường kinh doanh, tạo quá nhiều lỗ hổng cho cạnh tranh không lành mạnh, gây lãng phí, thất thoát và tham nhũng vô phương cứu chữa.

---

<sup>19</sup> Lênin, *Mác-Ăngghen và chủ nghĩa Mác*, NXB Tiến Bộ Matxcova, 1976, tr. 230.

Đảng nắm quyền lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối mọi mặt hoạt động của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, và trên thực tế quyền lãnh đạo đó đã trở thành siêu quyền lực, ( có nơi có lúc là Đảng trị cộng với sùng bái cá nhân) được đặt lên trên dân quyền và pháp quyền. Sự hiện hữu của siêu quyền lực như vậy không phù hợp với tinh thần đề cao dân chủ và thượng tôn pháp luật. Tập trung thái quá quyền lãnh đạo của Đảng làm cho Đảng bị tha hóa và cũng làm cho các bộ phận quyền lực khác của hệ thống chính trị nói riêng và toàn xã hội nói chung (bao gồm quyền của người dân và công dân) bị vô hiệu hóa, trở thành hữu danh vô thực. Hệ lụy đã và đang đến là, đã mất quyền thì cũng mất luôn trách nhiệm xã hội, khiến cho xã hội không có người làm chủ đích thực và trở thành chỗ dung thân hợp pháp cho thói vô trách nhiệm và vô cảm.

Mô thức tổ chức vận hành xã hội XHCN với những đặc trưng vốn hàm chứa nhiều khuyết tật gây bất ổn cho giải pháp phát triển và hoàn thiện xã hội như vậy thực sự không còn đáng được tồn tại trong sự lựa chọn thể chế chính trị mà Hiến pháp cần có.

Mô thức tổ chức vận hành xã hội XHCN như vậy cũng có khoảng cách khác biệt quá xa với tinh thần của nền cộng hòa theo tư duy Hồ Chí Minh. Do vậy, cũng không thể ghép “XHCN” đó với “cộng hòa” trong cụm từ “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa” để giữ lại cái tên nước Việt Nam là nước “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam” như đã ghi trong Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992.

Hiến pháp năm 1992 so với Hiến pháp năm 1946 là một bước thụt lùi. Không có những đột phá về cải cách thể chế trong sửa đổi Hiến pháp năm 1992 thì khó có thể có được kết quả lập hiến ngang tầm với giai đoạn phát triển mới.

### **Mấy kiến nghị sửa đổi Hiến pháp năm 1992**

Xin nêu mấy vấn đề, cũng có thể coi là những ý tưởng muốn góp vào Hiến pháp sửa đổi:

- Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời. Các dân tộc Việt Nam là một khối thống nhất, đều bình đẳng, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo, đảng phái là chủ của chủ quyền đó. Vì thế, Hiến pháp phải khẳng định mạnh mẽ lập trường chủ quyền đối với một đất nước độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và lập trường dân tộc với khối đại đoàn kết 54 dân tộc Việt Nam, chứ không phải lập trường giai cấp trong việc xác định chủ của chủ quyền.

- Chế độ chính trị mà Việt Nam lựa chọn đưa vào Hiến pháp là Cộng hòa (hoặc Cộng hòa – Dân chủ). Theo đó đổi tên nước từ “Cộng hòa XHCN Việt Nam” thành

“Việt Nam Cộng hòa”, hoặc “Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa”. Sứ mệnh và tầm nhìn của chính thể Cộng hòa là bảo vệ nền độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Lợi quyền lớn nhất, cao nhất kể cả quyền sửa đổi Hiến pháp là của toàn dân với khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, chứ không phải của giai cấp công nhân, mặc dù giai cấp này có liên minh với ai đi nữa. Nghiêm cấm bất kỳ sự áp đặt lợi quyền nào khác lên trên lợi quyền của dân, do dân, vì dân.

- Nhà nước của nước Cộng hòa Việt Nam (hoặc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) là nhà nước pháp quyền tam quyền phân lập, của dân, do dân, vì dân.

- Điều 4 của Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 đều khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và lãnh đạo xã hội Việt Nam. Thiết nghĩ, trong Hiến pháp sửa đổi, điều này nên dành cho những quy định của Hiến pháp về Đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền phải trung thành với Hiến pháp và tuân thủ pháp luật, được nhân dân tín nhiệm, và người của Đảng được nhân dân bầu chọn, đưa vào bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân qua các cuộc bầu cử thực sự tự do dân chủ, có sự sàng lọc, cạnh tranh chính trị trong môi trường có sự chấp nhận đa nguyên đa đảng. Đảng cầm quyền phải chịu sự giám sát, phán xét và xử lý của nhân dân theo Luật định.

- Với tầm của Hiến pháp, cần có quyết sách đúng và rõ về chủ quyền và quyền sở hữu về đất đai.

Đất đai là tài nguyên và môi trường tự nhiên, như tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, tài nguyên nước, thời tiết khí hậu và đa dạng sinh học, vùng trời, vùng biển và hải đảo... thuộc chủ quyền quốc gia, Nhà nước được trao quyền quản lý, ai khai thác sử dụng phải được Nhà nước cho phép, chịu sự chế tài của pháp luật và phải nộp thuế cho Nhà nước.

Đất được đưa vào sử dụng, trở thành sản phẩm của lao động (thậm chí cả lao động cha truyền con nối), là tài sản của chủ thể sản xuất kinh doanh nhất định. Trong sản xuất nông nghiệp, đất là tư liệu sản xuất, là yếu tố của sản xuất, như các yếu tố công cụ khác là vật sở hữu của nông dân, không có lý gì đất ở đây không phải là vật sở hữu của nhà nông. Đất là yếu tố cấu thành tài sản trong bất động sản, vốn là một thể thống nhất không thể chia cắt được, tất yếu phải là tài sản, là vật sở hữu của chủ thể kinh doanh bất động sản.

Vì thế với tầm Hiến pháp, lần sửa đổi này, cần có quyết sách đúng về chủ quyền quốc gia về tài nguyên và môi trường tự nhiên, trong đó có tài nguyên đất. Và cần có sự thừa nhận quyền sở hữu của các chủ thể sử dụng đất với tư cách là tài sản, là tư liệu sản xuất, là yếu tố của sản xuất như bao nhiêu yếu tố khác vốn đã là sở hữu của họ, trong đó có chủ thể là tư nhân (là chủ sở hữu tư nhân), có chủ thể

là tổ chức xã hội (là sở hữu tập thể) và có chủ thể là Nhà nước (là sở hữu Nhà nước).

Đất đai là tài sản có chủ sở hữu rõ ràng, trong kinh tế thị trường việc dịch chuyển quyền sở hữu dưới hình thức mua bán đất là tất yếu. Nhà nước khi có nhu cầu vì quốc kế dân sinh thường phải trung mua theo cơ chế và giá cả thị trường.

Mô hình kinh tế tổng quát bị chi phối bởi thể chế kinh tế nặng về công hữu là nền tảng, kinh tế Nhà nước là chủ đạo, kế hoạch hóa tập trung và bao cấp đã không còn phù hợp, thiết nghĩ phải thay đổi trong việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Mô hình kinh tế được lựa chọn, thay thế có những đặc trưng cơ bản là: (1) Kinh tế thị trường hiện đại; (2) Hai loại hình – công hữu và tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; Ba khu vực - kinh tế công, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp; với đa dạng các chủ thể kinh doanh bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, không coi công hữu là nền tảng và cũng không coi kinh tế Nhà nước là chủ đạo, mà chỉ xác định đúng mức vai trò của Nhà nước pháp quyền đối với nền kinh tế thị trường Việt Nam; (3) Thực thi dân chủ trong kinh tế, mà vấn đề cốt lõi là quyền của người dân và thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp; (4) Liên kết hợp tác và hội nhập quốc tế.

5.2012

## 6

# KHÔNG SỬA LỖI HỆ THỐNG KHÔNG “XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG” ĐƯỢC<sup>20</sup>

Là người Việt Nam có trách nhiệm với tiền đồ của dân tộc, tất phải quan tâm đến việc “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” vì dù muốn hay không muốn, một điều hiển nhiên hầu như ai cũng biết, là Đảng Cộng sản Việt Nam, trong quá trình vận động khách quan của lịch sử, đã và đang đứng ở vị trí lãnh đạo đất nước. Do đó, không “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” một cách đúng đắn thì không chỉ hại cho Đảng, mà lớn hơn nữa còn là hại cho đất nước, dân tộc.

Sự nặng lòng đó cũng gắn liền với những điều bức xúc, trăn trở về những chuyện dân, chuyện nước, mà công cuộc đổi mới nói chung và “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” nói riêng không thể quay lưng lại với nó được: Đảng “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” vì Đảng, vì ý thức hệ cộng sản của Đảng, hay vì lợi quyền của đất nước, của dân tộc?

Tiếp cận các văn kiện của Hội nghị lần thứ tư BCH TW Khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, mặc dù không ngạc nhiên nhưng tôi vẫn cảm nhận bị hẫng hụt vì Đảng vẫn cứ vì “sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ” hoặc vì “sự sống còn của Đảng ta, chế độ ta”<sup>21</sup> chứ không phải vì nước, vì dân với những nỗi trăn trở cần nhận được những chia sẻ từ việc “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”. Yêu cầu và nguồn lực từ đất nước, dân tộc đối với “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” chẳng lẽ mờ nhạt đến thế sao? Như vậy, Đảng với tư cách là người lãnh đạo Nhà nước ta, xã hội ta, có vượt qua được những rào cản bởi ý thức hệ cộng sản của mình, để tạo nhiều cơ hội cho sự phát triển và hoàn thiện xã hội vì mục tiêu tối thượng

---

<sup>20</sup> Bài viết từ những cảm nhận và suy ngẫm sau hội nghị lần thứ tư của BCH TW Khóa XI

<sup>21</sup> Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc rất khó, rất phức tạp, vì nó liên quan đến xây dựng tổ chức, xây dựng con người, là công tác con người, dễ đụng chạm đến danh dự, lợi ích, quan hệ của con người. Khó nhưng không thể không làm, vì nó liên quan đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ”. Hoặc: “Công tác xây dựng Đảng luôn luôn là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta, chế độ ta” (xem lời phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ tư của BCH TW khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay).

là “bảo tồn nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”? Những câu hỏi đó mà không có lời giải hoặc giải không đủ sức thuyết phục thì Nghị quyết TW4 không đi vào cuộc sống được và công cuộc “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” sẽ không thể thành công.

**Nếu Đảng, từ Đảng của quốc tế vô sản trở về với dân tộc, trở thành Đảng của dân tộc và vì dân tộc Việt Nam, thì Đảng là đứa con của dân tộc, đứng trong lòng dân tộc.**

Vai trò, sức lớn mạnh và năng lực lãnh đạo của Đảng gắn liền với yêu cầu và nguồn lực của đất nước, của dân tộc, cũng có nghĩa là không thể tách rời khỏi nguồn lực của nền dân chủ và pháp quyền Việt Nam vốn đang và sẽ phát triển và hoàn thiện như một quá trình tất yếu. Công cuộc “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, do vậy, chỉ có thể đạt kết quả tốt nếu nó được đặt bên trong tiến trình phát triển và hoàn thiện tất yếu đó. Còn nếu vẫn tiếp tục đứng bên ngoài, thậm chí đứng trên, những nguyên tắc cơ bản về dân chủ và pháp quyền thì Đảng tất yếu sẽ tiếp tục bị tha hóa – tha hóa từ sự tập trung quyền lực thái quá mà thiếu chế tài của dân quyền và pháp quyền và hệ lụy khôn lường từ sự tha hóa đó sẽ là một bế tắc – Đảng sẽ là rào cản của tiến trình phát triển dân chủ và pháp quyền. Về phần mình, dân chủ và pháp quyền vì sự phát triển tất yếu của nó, buộc nó phải phá bỏ tất cả các thứ rào cản, và như vậy phá luôn cả những rào cản từ Đảng, do Đảng tạo ra, và phá luôn cả Đảng vì Đảng là tác nhân của những rào cản đó. Sự bế tắc đó không chỉ là cảnh báo, mà trong chừng mực không nhỏ đã là hiện thực.

Trên tinh thần đó, tôi tiếp tục bị hấp thụ và khó có thể chia sẻ một cách đầy đủ với sự “đặc biệt nhấn mạnh” trong lời phát biểu bế mạc Hội nghị của Tổng Bí thư về “tự rèn luyện, tự củng cố, chỉnh đốn” và coi đó như là việc riêng của Đảng “không ai có thể làm thay được”.<sup>22</sup>Vậy, vai trò của nhân dân ở đâu và do dân ở chỗ nào đối với việc “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”?

Phải chăng, “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” là chuyện độc quyền của Đảng, như Đảng đã và đang “độc quyền chân lý, áp đặt tư duy...”; độc quyền chọn lựa và giới thiệu nhân sự cho các tổ chức dân cử theo kiểu “Đảng cử dân bầu”. Chuyện mới còn nóng hổi – vụ cưỡng chế thu hồi đất đai ở Tiên Lãng, Hải Phòng – chuyện của Nhà nước và công dân, Đảng cũng coi như là chuyện của riêng mình và tự làm hầu như tất cả... Sự độc quyền đó được nuôi dưỡng trong môi trường không có cạnh tranh, không có đối thoại, bởi quyết sách cấm đa nguyên, đa đảng của Đảng Cộng sản. Quyết sách đó đã đến lúc phải thay đổi, vì nếu không thay đổi được thì không

---

<sup>22</sup> <sup>3</sup> Trong lời phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ tư của BCH TW khóa XI, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói: “Trung ương đặc biệt nhấn mạnh, muốn có được sức mạnh và uy tín thì Đảng phải tự rèn luyện, tự củng cố, đổi mới, chỉnh đốn, không ai có thể làm thay được”.

“xây dựng, chỉnh đốn Đảng” được.

**Đảng Cộng sản ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam đã chọn học thuyết Mác – Lê Nin và chủ nghĩa xã hội làm nền tảng chính trị tư tưởng và kim chỉ nam cho tư duy và hành động của Đảng.**

Nhiều kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn cho biết: học thuyết Mác – Lê Nin có cái trước đúng nay vẫn đúng, có cái trước đúng nay không còn phù hợp vì bối cảnh xã hội đã có quá nhiều thay đổi và có cái trước và nay đều không đúng. Còn về CNXH, các nhà sáng lập ra nó, đã đưa vào đó những ý tưởng rất nhân văn, rất đáng trân trọng. Nhưng mô thức tổ chức xã hội XHCN trên thực tế lại có không ít những nội hàm quá lạc hậu, nhất là lạc hậu so với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại vốn mang những đặc tính cơ bản đã được sàng lọc, lựa chọn trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, bao gồm nền kinh tế thị trường, xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền.

Nếu vẫn cứ tuyệt đối trung thành và kiên định một cách máy móc với những gì đã cũ kỹ, lạc hậu đó, và cứ duy trì mãi những rào cản từ đó, thì không thể nào cải thiện được tình trạng suy giảm lòng tin với Đảng, bởi nền tảng chính trị tư tưởng của Đảng quá lạc hậu, vốn đã bị cuộc sống loại bỏ. Sự lựa chọn đó đã không còn đủ sức thuyết phục thì làm sao giữ được lòng tin. Sự lạc hậu của lý luận và những rào cản từ đó đã đến lúc phải thay đổi, vì nếu không thay đổi được thì không “xây dựng, chỉnh đốn Đảng” được.

Thiết nghĩ, đã đến lúc phải cương quyết đoạn tuyệt với những gì không còn phù hợp của học thuyết Mác – Lê Nin và CNXH để thực sự trở về với chủ nghĩa yêu nước, với khát vọng giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh.

**Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cũng là vấn đề cấp thiết trong “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”.**

“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” – nói dễ nhưng làm không dễ. Có những điểm nghẽn trong vận hành “công thức” này là: (1) tập trung thái quá quyền lãnh đạo của Đảng làm cho Đảng bị tha hóa và cũng làm cho các bộ phận quyền lực khác trong hệ thống chính trị bị vô hiệu hóa, trở thành hữu danh vô thực; (2) nội hàm của “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thiếu cụ thể, rõ ràng, thiếu thể chế hóa bằng pháp luật, dẫn đến tùy tiện, lạm dụng, làm hư vai trò, vị trí và mối quan hệ của “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; (3) còn quá nhiều khiếm khuyết của yếu tố con người trong lãnh đạo, quản lý và làm chủ, bởi những căn bệnh không thể coi thường được là quan liêu xa rời dân, làm việc tá trách, kê cựa địa vị, cậy chức cậy quyền, tham ô lãng phí,... vì thiếu tâm trí tuệ và thiếu cái tâm trong sáng. Điều đáng quan ngại là những khiếm khuyết



đó không những không bị đả lù mà còn phát triển phức tạp hơn với những liên kết theo kiểu “nhóm lợi ích”, “băng nhóm tội phạm”, nhất là trong “chạy chức chạy quyền”, “mua quan bán chức” và tham nhũng...

Trong “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, thiết nghĩ nên: (1) thiết lập một trật tự mới cho hệ thống quyền lực – “quyền làm chủ của dân, quyền quản lý của Nhà nước, quyền của đảng cầm quyền” phải đi liền với thể chế “dân quyền, pháp quyền và quyền của Đảng, trong đó dân quyền và pháp quyền đượ đặt lên trên quyền của Đảng”; (2) kêu gọi “tự tâm” và cách hành xử có văn hóa trong vận hành của hệ thống quyền lực là cần thiết, nhưng chưa đủ, phải thực sự coi trọng việc kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo của dân, coi trọng tư vấn, phản biện từ dân, vì ý nguyện và sự chọn lựa với trách nhiệm đầy đủ của công dân theo luật định; (3) tạo điều kiện và khuyến khích sử dụng người tốt, người tài cho hệ thống chính trị; (4) Đảng còn có cơ hội để được chọn vào vị trí của đảng cầm quyền hay không phụ thuộc một phần không nhỏ ở chỗ Đảng có từ bỏ siêu quyền lực, nhất là quyền lực cứng để trở lại với chủ yếu là quyền lực mềm như thời chiến tranh giải phóng.

### **Thay lời kết**

Mặc dù chỉ là “một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng” như giới hạn của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, nhưng vì cuộc sống sinh ra những cái mà Hội nghị Trung ương quan tâm (suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đội ngũ cán bộ cấp cao chưa được xây dựng một cách cơ bản; thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu chưa được xác định rõ), đâu phải chỉ sinh ra từ những lỗ hổng đơn lẻ, mà còn từ, thậm chí chủ yếu từ lỗi hệ thống. Vì vậy phải có sự nhìn nhận và xử lý hệ thống, chứ không thể cắt khúc, bóc tách đơn lẻ mà giải quyết được.

3.2012

# 7

## TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN THIỆN XÃ HỘI<sup>23</sup>

*(Gởi Dân, gởi Đảng nhân ngày nhận huy hiệu 50 năm tuổi Đảng)*

*Tôi đã phát biểu và gởi bài viết này cho những tổ chức và cá nhân có thẩm quyền theo hệ thống tổ chức Đảng tại lễ trao huy hiệu 50 năm tuổi Đảng ngày 24.5.2011, tại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.*

*Nay xin gởi đến Dân, vì việc lớn của Nước là chuyện của Dân.*

Tôi tham gia công việc của cách mạng từ lúc còn nhỏ - năm 14 tuổi làm liên lạc cho các tổ chức bí mật ở địa phương, năm 16 tuổi gia nhập Vệ quốc đoàn (thuộc Bộ Tư lệnh Tây Nam bộ).

Năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên, kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm, tôi tham gia đoàn quân tập kết ra miền Bắc, được Tổ chức cho đi học văn hóa và được kết nạp vào Đảng ngày 06.02.1960 tại trường bổ túc Công Nông Trung ương.

Với 50 năm tuổi Đảng, huy hiệu mà tôi nhận hôm nay có cội nguồn từ những cái mốc kể trên. Đó là những cái mốc từ một sự lựa chọn do gia đình và quê hương Bến Tre truyền cho tôi.

Theo Đảng từ chỗ là ý nguyện của gia đình, của quê hương, rồi cùng với những trải nghiệm trong đời sống thực của cách mạng, tôi cảm nhận theo Đảng cũng là ý nguyện của dân tộc - một dân tộc giàu truyền thống yêu nước. Đảng phát cao

---

<sup>23</sup> Bài viết đã được nêu tóm tắt trong ý kiến phát biểu của đảng viên Đào Công Tiến tại buổi lễ trao nhận huy hiệu 50 năm tuổi đảng (ngày 24.05.2011 tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM). Sau đó bài viết được trao trực tiếp cho đồng chí Bí thư Chi bộ, Bí thư đảng ủy trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Bí thư đảng ủy khối CĐ & ĐH TP. HCM và thông qua các đồng chí gởi đến các đảng viên trong chi bộ và các cấp ủy viên. Bài viết này cũng được gởi cho Bí thư Lê Thanh Hải và các ủy viên thường vụ Thành ủy TP. HCM, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và các ủy viên Bộ chính trị qua cấp ủy cơ sở trường ĐHKHT TP. HCM và khối CĐ & ĐH TP. HCM. Một số nội dung trong bài viết này đã được trình bày tại hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế chính trong bối cảnh phát triển mới của thế giới và những vấn đề rút ra cho Việt Nam” do Hội đồng lý luận trung ương tổ chức tại Tuần Châu, Quảng Ninh ngày 22 và 23 tháng 01 năm 2010; tại các Hội thảo đóng góp vào các dự thảo Văn kiện Đại hội XI, do tiểu ban dự thảo chiến lược tổ chức tại TP. HCM, do Hội khoa học kinh tế Việt Nam tổ chức tại Hà Nội và do tạp chí *Cộng Sản* phối hợp với trường Đại học Kinh tế TP. HCM tổ chức tại TP. HCM...

ngọn cờ giải phóng của Hồ Chí Minh vì độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống đói nghèo, thất học và bệnh tật, chống áp bức và bất công. Với những mục tiêu đó, dân đã chọn Đảng và Đảng dựa vào dân làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, tiến hành hai cuộc kháng chiến thành công, Đảng chấp nhận thực tiễn từ những nỗ lực tháo gỡ khó khăn - xé rào vượt cơ chế cũ từ cơ sở, từ người dân, dẫn đến đổi mới đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và tạo đà tăng trưởng liên tục trên 25 năm qua.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, Đảng đã phạm sai lầm và khuyết điểm, thậm chí có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng có thể đơn cử như: (1) Sai lầm trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc sau 1954; (2) Triệt phá kinh tế tư bản tư nhân ở miền Bắc sau 1954 và ở miền Nam sau 1975; (3) Xóa bỏ kinh tế hộ nông dân bằng việc hợp tác hóa và tập thể hóa; (4) Kỳ thị kinh tế tư nhân và cấm đảng viên làm kinh tế tư nhân; (5) Thái quá trong cách phân định và phân biệt đối xử giữa các thành phần giai cấp trong xã hội - nêu khẩu hiệu “trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ” trong Xô Viết Nghệ Tĩnh; ngược đãi nhân sĩ, trí thức yêu nước trong vụ án “Nhân văn Giai phẩm” và chống xét lại hiện đại; (6) Chọn đổi mới, nhưng một bộ phận không nhỏ, cả trong giới lãnh đạo của Đảng, thiếu thái độ dứt khoát ủng hộ đổi mới, cản trở đổi mới toàn diện và mạnh mẽ vì sợ đổi mới được kinh tế nhưng mất tư tưởng, được bộ phận nhưng mất tổng thể, được trước mắt nhưng mất lâu dài, được kết quả hiển nhiên nhưng xa rời mục đích và những nguyên tắc cơ bản, được của cải nhưng hỏng quan hệ sản xuất và con người; (7) Chậm nhận biết sự tất yếu mang tính quy luật của phát triển bền vững, nên kinh tế càng tăng trưởng thì tình trạng lâm nguy đối với văn hóa, xã hội và môi trường càng lớn, càng gay gắt. Chạy theo tăng trưởng nhanh, nhất là trên diện rộng và số lượng, gây bất ổn kinh tế vĩ mô, với cái giá phải trả không nhỏ là chất lượng tăng trưởng không cao, và chất lượng cuộc sống của người dân chậm được cải thiện.

Những sai lầm, khuyết điểm như đã nêu ở trên, có nguyên nhân từ bệnh giáo điều trong tư duy lý luận về học thuyết Mác - Lênin và CNXH. Những sai lầm, khuyết điểm đó còn có nguyên nhân từ bệnh chủ quan, duy ý chí, thiếu tôn trọng thực tế khách quan, thiếu tôn trọng những tư vấn và phản biện xã hội - tư vấn và phản biện từ người dân. Và nguyên nhân bao trùm lên tất cả là quyền lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng đã trở thành siêu quyền lực đặt trên dân quyền và pháp quyền, làm cho xã hội thiếu người chủ thực sự có quyền và trách nhiệm đúng nghĩa của nó.

Thực tiễn từ đời sống chính trị, kinh tế, xã hội vừa có tính phổ biến, vừa là những hiện thực trực tiếp, dần dần chỉ ra nhiều vấn đề, không thể quay lưng lại với nó được. Nhận biết vấn đề đặt ra từ cuộc sống đã khó, tìm lời giải và giải một cách thuyết phục cho những vấn đề đó còn khó hơn. Nguồn lực của một người, thậm

chỉ một nhóm người đối với việc nhận biết và tìm lời giải cho nó ví như giọt nước bỏ biển. Nhưng không có giọt nước làm sao có biển? Nếu chưa vào cuộc mà đã mỗi gối chồn chân thì chỉ có thể đem những giáo điều đã học thuộc lòng ra dùng mãi.

Trên tinh thần đó, tôi xin đóng góp với Dân với Đảng một số vấn đề nhận biết từ cuộc sống mà nhiều năm tôi đã trăn trở tìm lời giải.

### **Không nên tuyệt đối hóa và không nên kiên định một cách máy móc học thuyết Mác - Lênin**

Trào lưu cách mạng vô sản và công cuộc xây dựng xã hội XHCN ở Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác, trong đó có Việt Nam cho chúng ta những cảm nhận: (1) học thuyết Mác - Lênin có cái trước đúng nay vẫn đúng; (2) có cái trước đúng, nay không còn phù hợp vì bối cảnh xã hội đã có quá nhiều thay đổi; (3) cũng có cái trước và nay đều không đúng. Do đó, để chọn được cái đúng, cái phù hợp để vận dụng, thì không thể tuyệt đối hóa, không thể cứ kiên định một cách máy móc học thuyết Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi tư duy và hành động. Chính C.Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh cũng đã khuyến cáo đến các thế hệ đồng chí, đồng đội về việc nhận biết và vận dụng đối với chính tư tưởng và học thuyết của mình như vậy.<sup>24</sup>

Ngoài cái đúng, cái phù hợp của học thuyết Mác - Lênin, còn có tư tưởng Hồ Chí Minh và những cái đúng, cái phù hợp của những tư tưởng học thuyết khác. Đó, mới là những cái cần và đủ để có được cái gọi là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho tư duy và hành động cách mạng.

### **Mô thức tổ chức xã hội XHCN có nhiều khuyết tật, gây bất ổn cho hệ giải pháp phát triển và hoàn thiện xã hội**

Xã hội XHCN theo cách hiểu và làm, một thời tồn tại ở Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác, trong đó có Việt Nam, vừa hàm chứa những ý tưởng tiến bộ về mục tiêu phát triển và hoàn thiện xã hội nhưng cũng có không ít khuyết tật gây bất ổn trong hệ thống giải pháp.

Ý tưởng cao đẹp về mục tiêu phát triển và hoàn thiện xã hội trong tư duy XHCN là sự tôn vinh nhân tố con người - con người là chủ thể của phát triển và hoàn thiện xã hội - xã hội của con người và vì con người; là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

---

<sup>24</sup> Xem ghi chú của bài "Tìm lời giải cho những vấn đề đặt ra từ cuộc sống những vấn đề đặt ra từ cuộc sống."

Ở Việt Nam, đã và đang có một sự đồng thuận cao (cả về nhận thức và hành động) dành cho mục tiêu phát triển và hoàn thiện xã hội, là “giữ vững độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh”. Mục tiêu đó cũng được coi là mục tiêu XHCN, là định hướng XHCN cần được kiên định trong quá trình phát triển và hoàn thiện xã hội.

Những khuyết tật gây bất ổn cho hệ thống giải pháp nằm trong mô thức tổ chức xã hội XHCN đã một thời tồn tại luôn gắn liền với các đặc trưng cơ bản: (1) Đảng nắm quyền lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối mọi hoạt động của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, và trên thực tế quyền lãnh đạo đó đã trở thành siêu quyền lực (có nơi, có lúc là Đảng trị và sùng bái cá nhân) đặt trên dân quyền và pháp quyền; (2) Tổ chức xã hội theo thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, coi đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội, coi chuyên chính vô sản là nguyên tắc và trên thực tế đã không tránh khỏi tình trạng lấy vô sản chuyên chính dân tộc, đánh vào khối đại đoàn kết dân tộc; (3) Mô thức tổ chức nền kinh tế bị chi phối gần như tuyệt đối bởi sự công hữu hóa tư liệu sản xuất chủ yếu với sự chủ đạo của kinh tế nhà nước và phương thức kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp.

Sự hiện hữu của siêu quyền lực như vậy, không phù hợp với tinh thần đề cao dân chủ và thượng tôn pháp luật. Tổ chức xã hội theo thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, cũng không phù hợp với tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Coi công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu là nền tảng của nền kinh tế quốc dân và coi kinh tế nhà nước là chủ đạo, cũng không phù hợp với tinh thần “lấy dân làm gốc”, không khuyến khích, tạo điều kiện cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực của dân, từ khu vực dân doanh.

Mô thức tổ chức xã hội XHCN với ba đặc trưng như đã trình bày đã phá sản ở Liên Xô, ở các nước XHCN Đông Âu và không còn cơ sở để tồn tại ở nhiều nước khác, trong đó có Việt Nam, và nó phải nhường chỗ cho một mô thức thích hợp được lựa chọn để thay thế. Mô thức thích hợp được lựa chọn để thay thế mô thức tổ chức xã hội XHCN là mô thức tổ chức xã hội hiện đại với kinh tế thị trường hiện đại, xã hội công dân và nhà nước pháp quyền.

Với trên 25 năm Đổi mới, Việt Nam đã chọn mô thức phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần mà đỉnh cao của sự phát triển và hoàn thiện là kinh tế thị trường hiện đại; trả lại sự tự chủ cho người sản xuất và tiêu dùng, trong đó nông hộ được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn; khuyến khích và tạo điều kiện phát huy tối đa mọi nguồn lực bằng một nền kinh tế mở (mở bên trong và ra cả bên ngoài).

Với sự lựa chọn này - lựa chọn từ Đổi mới, thì mô hình kinh tế tổng quát bị chi phối gần như tuyệt đối bởi công hữu hóa tư liệu sản xuất là nền tảng và kinh tế

nhà nước là chủ đạo, cũng không còn cơ sở để tồn tại, phải thay thế bằng một mô hình kinh tế được lựa chọn với những đặc trưng tổng quát và cơ bản bao gồm: (1) Kinh tế thị trường hiện đại; (2) Hai chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu (công hữu và tư hữu), ba khu vực kinh tế (kinh tế công, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp), với các chủ thể kinh tế bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, không coi “công hữu hóa là nền tảng” và cũng không coi “kinh tế nhà nước là chủ đạo” mà chỉ xác định đúng mức vai trò của nhà nước pháp quyền đối với nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam; (3) Thực thi dân chủ trong kinh tế, mà vấn đề cốt lõi là quyền của người dân và thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp; (4) Liên kết hợp tác và hội nhập quốc tế.

**Siêu quyền lực trong thực thi quyền lãnh đạo của Đảng đi ngược lại dân quyền, pháp quyền, gây bất ổn đối với phát triển, hoàn thiện xã hội và cũng làm cho Đảng bị tha hóa.**

Dân chủ và tập trung gắn kết hữu cơ với nhau, trong thời gian dài được coi là nguyên tắc cơ bản của sự phân bố quyền lực trong hoạt động của đời sống xã hội. Với xã hội hiện đại, nền tảng cơ bản của dân chủ là quyền con người và sự tự do cho con người trong việc thực thi quyền đó. Và cái then chốt của tập trung là tập trung cho pháp quyền - là thượng tôn pháp luật.

Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác trong xã hội cũng phải có quyền và trách nhiệm của nó, nhưng đó là quyền và trách nhiệm do dân quyền và pháp quyền trao cho để thực thi dân chủ và pháp luật, và luôn chịu sự chế tài của dân quyền và pháp quyền.

Tinh thần đề cao dân chủ và thượng tôn pháp luật như đề cập ở trên, về cơ bản đã không được thực thi ở nhiều nước XHCN, bởi quyền lãnh đạo của đảng cầm quyền ở các nơi đó đã trở thành siêu quyền lực đặt lên trên dân quyền và pháp quyền. Thiếu đề cao dân quyền và pháp quyền nên xã hội thiếu người chủ đích thực, thiếu động lực phát triển, trì trệ và thiếu kỷ cương lễ luật. Ngồi trên đỉnh cao của siêu quyền lực mà thiếu sự chế tài của dân quyền và pháp quyền, nên Đảng chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan trong việc chọn lựa mục tiêu và giải pháp phát triển. Quyền lực và đi liền theo đó là lợi ích - lợi quyền mà tập trung thái quá, lạm dụng thái quá cũng làm cho Đảng bị tha hóa. Tập trung thái quá và lạm dụng quyền lực thái quá, cùng với việc duy trì một nền kinh tế nặng về công hữu hóa, nhà nước hóa, tập trung quan liêu bao cấp, thì tham nhũng sẽ vô phương cứu chữa và hệ lụy khôn lường sẽ là một sự bế tắc: không chống tham nhũng thì tham nhũng sẽ giết chết Đảng, còn chống tham nhũng thì có khác gì chống Đảng, nên cũng làm cho Đảng tiêu vong. Trên thế giới đâu phải ít trường hợp chính phủ sụp đổ vì tham nhũng.

Sự hiện hữu của siêu quyền lực là một trong những khuyết tật của mô thức tổ chức xã hội XHCN, đã đến lúc phải thực sự dũng cảm trong việc chọn giải pháp thích hợp cho nó:

(1) Phải cấu trúc lại cơ cấu quyền lực giữa quyền lãnh đạo của Đảng với dân quyền và pháp quyền theo hướng đề cao dân quyền và pháp quyền; (2) Phải thực sự dân chủ trong bầu cử, phải “dân bầu Đảng cử” hay “dân cử dân bầu” thay vì “Đảng cử dân bầu” như đã và đang làm. Các tổ chức dân cử, nhất là Quốc hội và Hội đồng nhân dân, phải thực sự là của dân, vì dân - hành động theo ý nguyện và quyền lực của dân, nhất là ý nguyện và quyền lực được thể chế hóa bằng hiến pháp và pháp luật, chứ không phải bằng kết luận của Bộ Chính trị như với vấn đề khai thác bôxít ở Tây Nguyên, hoặc vấn đề nhập Hà Tây vào Thủ đô Hà Nội... Quốc hội cần phải có thực chất, thực quyền, hoạt động trên cơ sở hiến pháp chứ không nên chỉ là cơ quan dùng để hợp thức hóa những quyết định của Đảng, và vì thế việc bầu cử cũng phải thật sự tự do, tránh tình trạng cơ cấu sẵn thành phần ứng cử như lâu nay vẫn làm; (3) Đề cao phản biện xã hội - phản biện từ lòng dân, khuyến khích và tạo điều kiện cho đối thoại, chứ không phải độc thoại từ trên xuống, từ trong ra theo kiểu “độc quyền chân lý, áp đặt tư duy, phán xét tùy tiện”; (4) Đảng phải tạo quyền lực mềm bằng cách tự chỉnh đốn để trở nên trong sạch, vững mạnh và chính bằng quyền lực mềm đó mà tác động vào hệ thống chính trị, vào xã hội chứ không phải bằng cách ra lệnh và cấm đoán theo kiểu: có luật pháp và điều lệ, còn có 19 điều cấm; trước được làm những gì luật pháp không cấm, nay còn phải được cho phép... Như thế còn gì là quyền con người, quyền dân sự và chính trị của công dân được pháp luật thừa nhận và bảo hộ.

### **Mấy kiến nghị**

Những vấn đề trình bày ở trên tôi đã cảm nhận được từ cuộc sống và trăn trở tìm lời giải trong nhiều năm, qua các kỳ Đại hội, nhất là từ Đại hội VI đến nay.

Trung thực mà nói, đó là những vấn đề lớn, liên quan đến đường lối, chủ trương của Đảng vốn còn có khoảng cách khác nhau về nhận thức, trong nội bộ Đảng và trên bình diện toàn xã hội. Trong đó, có một số vấn đề được sửa đổi và đồng thuận hơn theo chiều hướng tích cực, như vấn đề không tiếp tục cấm đảng viên làm kinh tế tư nhân, cụm từ “công hữu hóa tư liệu sản xuất chủ yếu” được thay bằng “quan hệ sản xuất tích cực phù hợp với trình độ và tính chất của các lực lượng sản xuất” trong cách diễn đạt đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN...

Những thay đổi tiến bộ đó rất đáng trân trọng, nhưng tiếc là còn quá ít với thời gian dài trên dưới 20 năm qua - từ Đại hội VII (1991) đến nay, và với những đòi hỏi từ cuộc sống không thể quay lưng lại với nó được.

Là một đảng viên 50 năm tuổi đảng, tôi xin kiến nghị với Đảng với Dân nên sửa đổi tiếp những vấn đề lớn, hết sức cấp thiết là: (1) Đảng từ đảng của giai cấp vô sản, thậm chí là vô sản thế giới, xin hãy trở về với dân tộc - Đảng của dân tộc và vì dân tộc Việt Nam; (2) Từ chỗ tuyệt đối hóa học thuyết Mác - Lênin, coi học thuyết Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi tư duy và hành động, hãy trở về với tư tưởng vì dân vì nước, dân quyền và pháp quyền của Hồ Chí Minh, cùng với những gì đúng và phù hợp của các học thuyết khác (trong đó có học thuyết Mác - Lênin); (3) Chọn “giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh” làm mục tiêu định hướng phát triển và hoàn thiện xã hội chứ không phải là định hướng XHCN chung chung, nội hàm không rõ, không đúng; (4) Chọn mô hình kinh tế tổng quát cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, thậm chí đến năm 2050 là mô hình kinh tế với các đặc trưng: kinh tế thị trường hiện đại, xã hội công dân, nhà nước pháp quyền; đa sở hữu về tư liệu sản xuất và các nguồn lực khác; đa khu vực kinh tế và loại hình doanh nghiệp; (5) Tôn trọng quyền của người dân và thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp; (6) Liên kết, hợp tác và hội nhập quốc tế; (7) Tư duy và hành động cách mạng của Đảng phải là tư duy và hành động của cái tâm lớn và tầm trí tuệ cao. Tâm lớn là cái tâm vì dân vì nước, chứ không phải vì ý thức hệ của Đảng vốn đã không còn đủ cơ sở để tồn tại. Còn trí tuệ cao là cái tầm trí tuệ của thời đại mà Đảng phải vươn tới, chứ không phải tự bằng lòng với những cái cũ kỹ lạc hậu để tụt hậu mãi.

5. 2011



## 8

# KHÔNG TUYỆT ĐỐI HÓA CHẾ ĐỘ CÔNG HỮU<sup>25</sup>

Trong một số vấn đề lớn của Cương lĩnh năm 1991 và dự thảo bổ sung phát triển năm 2011 vẫn còn nhiều bất ổn – công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc nội dung và cách diễn đạt đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN là một trong những vấn đề đó nhưng đã có được lời giải tại Đại hội Đảng XI. Vấn đề được giải tuy hãy còn quá hiếm hoi so với nhiều vấn đề đặt ra từ đòi hỏi của cuộc sống song rất đáng quý, rất đáng trân trọng.

Trao đổi với *Tuổi Trẻ* ngày 28.4.2011, PGS ĐÀO CÔNG TIẾN – nguyên hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – đã nhận định như trên. Ông nói thêm:

Đại hội đã chọn đúng vấn đề - trên 65% đại biểu đã chọn nội dung và cách diễn đạt đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN là “*Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại với quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*”, chứ không phải “...với công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu” như Cương lĩnh 1991 và dự thảo sửa đổi Cương lĩnh đưa ra trình Đại hội XI.

**\* Nhưng thưa ông, do đâu mà có được kết quả như vừa nói?**

- Trở lại với những thăng trầm của vấn đề này (công hữu về tư liệu sản xuất) mới thấy hết giá trị của sự lựa chọn đầy khó khăn đó và nguyên nhân của nó. Theo tôi, nguyên nhân để có được kết quả đáng quý như vậy chính là sự đòi hỏi của cuộc

---

<sup>25</sup> Bài phỏng vấn này được chuẩn bị để đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, nhưng đến giờ chót BBT đã có quyết định tạm gác lại chờ nghiên cứu thêm (ĐCT).

sống. Đáng mừng ở chỗ, lần này những đòi hỏi ấy đã vào được Đại hội và đã biến thành đòi hỏi của một bộ phận không nhỏ các đại biểu.

Càng ngẫm càng thấy không bất ngờ về kết quả biểu quyết nêu trên là kết quả đáng để nhớ của Đại hội XI, bởi vì đó là khát vọng, là đòi hỏi của cuộc sống bấy lâu nay lớn đến độ không cản nổi nữa. Cũng từ đó đã lóe lên những kỳ vọng cho một số vấn đề bức bách khác đang đặt ra sẽ được giải quyết căn bản hơn, chẳng hạn như vấn đề về sở hữu đất đai đã và đang là vấn đề nóng bỏng, nhưng chưa được giải quyết.

**\* Trong cách diễn đạt về đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN được chọn không còn ý "... với chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu", theo ông, điều đó có đồng nghĩa với việc bỏ chế độ công hữu?**

- Diễn đạt như vậy có thể hiểu là không tuyệt đối hóa chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, chứ không phải là bỏ hẳn nó. Hay nói cách khác, lựa chọn như vậy là hướng đến đa sở hữu, trong đó có công hữu. Theo tôi bỏ hẳn chế độ công hữu cũng không đúng và điều đó chẳng khác nào chuyển từ cực đoan này sang cực đoan khác.

**\* Theo ông, cách diễn đạt như Đại hội XI lựa chọn sẽ tác động như thế nào đến việc làm chính sách tới đây, nhất là những vấn đề liên quan đến tư liệu sản xuất chủ yếu, chẳng hạn như đất đai?**

- Trên góc độ nhận thức, lựa chọn đó sẽ tạo cơ sở bình đẳng để các chủ thể sở hữu khác nhau cùng phát huy tác dụng trong môi trường cạnh tranh lành mạnh. Đây là xu hướng tất yếu đã và đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới. Thiết nghĩ Việt Nam không phải là ngoại lệ.

Thừa nhận đa sở hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, cũng có nghĩa là thừa nhận đa sở hữu đối với đất đai, đã góp phần đem đến sự năng động cho kinh tế – xã hội. Đất đai được đưa vào sử dụng, trở thành sản phẩm của lao động (thậm chí của nhiều thế hệ lao động tạo nên), là tài sản của chủ thể sản xuất kinh doanh nhất định. Trong sản xuất nông nghiệp, đất là tư liệu sản xuất, là yếu tố của sản xuất, như các yếu tố khác, là vật sở hữu của nhà nông. Đất là yếu tố cấu thành bất động sản, là một thể thống nhất không thể chia cắt được, tất yếu phải là tài sản, là vật sở hữu của chủ thể kinh doanh bất động sản. Như vậy, cần thừa nhận quyền sở hữu của các chủ thể sử dụng đất – là tài sản, là tư liệu sản xuất, là yếu tố của sản xuất như bao nhiêu yếu tố khác vốn đã là vật sở hữu của họ. Trong những chủ thể sản xuất kinh doanh

đó có chủ thể là tư nhân (là chủ sở hữu tư nhân), có chủ thể là tổ chức xã hội (là chủ sở hữu tập thể), có chủ thể là nhà nước (là chủ sở hữu nhà nước). Đó là chính thể của cấu trúc sở hữu, không phải tuyệt đối hóa công hữu, mà là đa sở hữu.

**\* Tại Đại hội XI có ý kiến đề nghị nói rõ trong Cương lĩnh về sở hữu đất đai, nhưng theo ông vì sao vấn đề này chưa được chạm đến?**

- Theo tôi, vấn đề chế độ sở hữu như đã nói ở trên mới chỉ được gỡ về mặt ý niệm thôi. Từ chỗ đó còn phải gỡ ở khâu thể chế hóa bằng hiến pháp, luật pháp, cơ chế, chính sách... và điều này hiện chưa làm được, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn, cần phải làm tiếp. Tuy nhiên, thay đổi về mặt ý niệm cũng là vấn đề cực nhọc, phải kiên trì qua nhiều kỳ Đại hội chứ không đơn giản.

Tôi đồng tình đây cũng là một thay đổi lớn nhưng đừng cường điệu quá. Nó là điểm sáng có tính dây chuyền để giải quyết tiếp những vấn đề khác, chứ tự thân sự thay đổi như đề cập ở trên chưa dễ dàng đi vào cuộc sống.

**\* Có lẽ một câu hỏi cũng cần đặt ra: việc không tuyệt đối hóa chế độ công hữu có ảnh hưởng gì đến bản chất đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN cũng như bản chất của Đảng ta?**

- Để trả lời câu hỏi này, tôi xin được “cầu viện” đến C. Mác và Ăngghen (tác giả của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* – ở đó đã tuyệt đối hóa chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu) vì trong lời tựa viết cho bản tiếng Đức năm 1872 của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, hai ông đã chỉ ra rằng: *“Chính ngay Tuyên ngôn cũ đã giải thích rõ bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũ phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt phải viết khác đi”* (C. Mác và Ăngghen toàn tập, tập 18, trang 128). Thiết nghĩ, đây là sự trả lời rất xác đáng, rằng không có cái gì là bản chất vĩnh hằng, bất di bất dịch, mà chỉ có cái bản chất được kiểm chứng bởi hiện thực của cuộc sống. Bản chất với cái gọi là đặc trưng kinh tế của xã hội XHCN cũng như bản chất của Đảng cũng cần phải được nhận thức trên tinh thần đó.

4.2011

## 9

# CẢI CÁCH THỂ CHẾ – MŨI ĐỘT PHÁ CỦA NHỮNG ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC<sup>26</sup>

Thành tựu đạt được của trên 20 năm Đổi mới nói chung và 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 – 2010 nói riêng là to lớn và rất quan trọng trong việc thực thi sứ mạng và tầm nhìn của chiến lược phát triển bền vững. Đánh giá đó đúng, nhưng cần phải nhận rõ, đó là thành quả của sự phát triển chủ yếu trên diện rộng và số lượng.

Phương thức phát triển như thế tuy có tạo được tăng trưởng, nhưng chất lượng tăng trưởng không cao, phát triển không bền vững. Cái giá phải trả cho phương thức phát triển này cùng với những giới hạn đã đến của nó cũng đã bộc lộ rõ cả trên khía cạnh lý thuyết lẫn thực tiễn.<sup>27</sup>

---

<sup>26</sup> Bài viết đã được trình bày, góp ý dự thảo "Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020" do Tiểu ban Xây dựng Dự thảo chiến lược tổ chức ngày 28.1.2010.

<sup>27</sup> Theo Dương Ngọc (*Thời báo Kinh tế Việt Nam* số 213, Thứ Hai ngày 06.9.2010) thì kinh tế Việt Nam còn đứng trước nhiều nghịch lý rất đáng quan ngại:

- Tăng trưởng cao nhưng vẫn tụt hậu xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới về mức GDP/người – với con số 1.160 USD (ước tính năm 2010) thì Việt Nam mới bằng 42% con số đó của khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 7/11 nước; bằng 26% và đứng thứ 36/50 nước ở châu Á; bằng 11% và đứng thứ 138/182 nước và vùng lãnh thổ có số liệu so sánh của thế giới.

- Tăng trưởng liên tục suốt 30 năm từ 1981 đến nay, nhưng vẫn chưa được coi là phát triển bền vững, bởi chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, xã hội và môi trường còn nhiều vấn đề bất cập và bức xúc. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu do sự đóng góp của tăng vốn – khoảng 52-53%, đóng góp của tăng số lượng lao động khoảng 19-20%, còn đóng góp của yếu tố năng suất, các nhân tố tổng hợp mới chiếm khoảng 28-29% (nhiều nước trong khu vực không dưới 35-40%).

Hệ lụy khôn lường sẽ khó tránh khỏi nếu cứ tiếp tục chọn phương thức phát triển như trên cho chiến lược 10 năm tiếp theo - chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

Phát triển bền vững trước hết phải hiểu là phát triển trên nền tảng của chất lượng tăng trưởng kinh tế và sự hài hòa trong phát triển và hoàn thiện của ba yếu tố trụ cột - kinh tế, xã hội và môi trường; hiểu rộng hơn còn bao gồm giữ vững độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và cả việc chọn thể chế cho môi trường chính trị, xã hội của phát triển. Học thuyết Mác - Lênin và CNXH theo quan niệm chính thống đã và đang được chọn, nhưng nhận thức và vận dụng như thế nào thì hãy còn quá nhiều vấn đề đặt ra từ cuộc sống vẫn chưa có lời giải hoặc giải chưa thuyết phục. Đây là sự thách đố lớn nhất đối với hoạch định chiến lược phát triển kinh tế

---

- Mở cửa, hội nhập để đẩy mạnh xuất khẩu, nhưng nhập siêu liên tục với quy mô lớn - năm 2008 trên 18 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu và so với GDP đã vượt mức an toàn - trên 20%.

- Chuyển sang kinh tế thị trường đã nhiều năm, nhưng thể chế chuyển đổi chậm bởi "bàn tay hữu hình" còn quá dài, trong khi "bàn tay vô hình" còn quá ngắn. Doanh nghiệp nhà nước giảm về số lượng, nhưng phình to về quy mô, kinh doanh kém hiệu quả nhưng tác động xấu đến sân chơi chung của cộng đồng các doanh nghiệp thì nhiều. Cải cách hành chính chậm, thủ tục hành chính còn nặng nề...

- Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên 15 năm, nhưng nhìn chung công nghệ chưa cao, phụ thuộc nặng vào nước ngoài, gia công nhiều, giá trị gia tăng thấp.

- "Tam nông" rất quan trọng, nhưng chưa được quan tâm tương xứng và vẫn còn đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường bức xúc.

- Tỷ lệ đầu tư so với GDP vào loại cao của thế giới, lãng phí, tham nhũng lớn, hiệu quả đầu tư không cao - ICOR đã lên đến con số 8.

- Tỷ lệ tiết kiệm, tỷ lệ huy động tài chính cao - đến mức trên dưới 40% GDP, nhưng tỷ lệ bội chi ngân sách lớn và tăng - 6,9% GDP (năm 2009) và năm 2010 có thể giảm, nhưng vẫn ở mức trên 6% GDP.

- Khoa học - công nghệ là động lực tăng trưởng và nâng cao chất lượng tăng trưởng, nhưng tác động đối với nền kinh tế còn quá thấp.

- Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là con đường đi đến kinh tế tri thức, nhưng còn quá nhiều hạn chế và bất cập.

Theo báo cáo của Chính phủ do Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng trình bày trước Quốc Hội, tại kỳ họp thứ 8 Khóa XII, cho biết thêm:

- Đến hết năm 2010, dư nợ công của Việt Nam tương đương khoảng 56,7% GDP (gồm nợ Chính phủ, nợ Chính phủ bảo trợ và nợ của chính quyền địa phương) trong đó, nợ Chính phủ khoảng 44,5% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 42,2% GDP. Mặc dù vẫn còn nằm trong giới hạn an toàn như Thủ Tướng nói, nhưng là mức rất cao nếu chưa vượt, thì cũng đã cận kề với sự bất ổn về kinh tế vĩ mô.

- Chỉ số giá hàng tiêu dùng cả năm 2010 tăng 8%, chưa đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra là không quá 7% để giữ ổn định kinh tế - xã hội.

- xã hội 2011-2020.

Bao giờ con người cũng là chủ thể của phát triển. Với chiến lược, con người vừa là nguồn lực chủ yếu, vừa là mục tiêu - chiến lược do con người và vì con người. Đúng như vậy, nhưng vấn đề gì đã, đang và sẽ đặt ra nếu không có lời giải đúng thì “chân lý” đó không thể thành hiện thực được. Thiết nghĩ, có rất nhiều vấn đề và trên thực tế cũng ít khi có sự trọn vẹn trong việc xử sự đối với yếu tố con người, lịch sử phát triển của xã hội cũng có nhiều minh chứng về điều này. Tuy nhiên, vẫn có thể hạn chế được, nếu có được những tư duy đúng, ít ra là về những vấn đề cơ bản trong quan điểm chiến lược, với những điểm như sau:

Con người của khối đại đoàn kết dân tộc chứ không phải của sự chia rẽ và đổ kỵ bởi quá cường điệu “giai cấp và đấu tranh giai cấp”, bởi hố sâu phân cách trên nhiều mặt giữa các nhóm lợi ích cục bộ, nhất là phân cách giàu nghèo bởi sự thao túng của các nhóm nắm quyền lực. Hiểm họa đối với sự thống nhất dân tộc đang và sẽ nảy sinh từ đây, nếu vấn đề đặt ra không được giải đúng.

Tạo điều kiện và khuyến khích mạnh mẽ công cuộc “tự giải phóng” ra khỏi nạn nghèo đói, thất học, bệnh tật, áp bức bất công, “tự giải phóng” ra khỏi sự trói buộc bởi “độc quyền chân lý, áp đặt tư duy” của thế lực nắm quyền. Đây cũng là sứ mạng của chiến lược - chiến lược do “tự giải phóng” và vì “tự giải phóng” con người.

Trên 30 năm trước 1975, chiến tranh đã vắt kiệt sức dân ta. Sau 1975 lẽ ra kinh tế phải được khôi phục và phát triển trên tinh thần khoan sức dân. Nhưng điều đó không diễn ra vì có những sai lầm trong lựa chọn đường lối phát triển. Trên 20 năm Đổi mới, kinh tế có tăng trưởng, thậm chí tăng trưởng khá cao, nhưng chất lượng cuộc sống của người dân không được tăng tương ứng, chậm được cải thiện vì phải “thắt lưng buộc bụng” để tăng trưởng. Thắt lưng buộc bụng bằng tiền lương không đủ sống, lại phải đối mặt với thuế, phí quá cao.<sup>28</sup> Phương thức đó cũng đã đến giới hạn, không thể áp dụng cho chiến lược

---

<sup>28</sup> Kết quả nghiên cứu, soạn thảo “Báo cáo kinh tế vĩ mô năm 2012” của Ủy ban Kinh tế Quốc hội được dẫn liệu qua một số bài viết: “Thuế, phí cao chót vót” của Cầm Văn Kinh trên *Tuổi Trẻ* thứ ba 4.9.2012, “Oằn vai thuế thu nhập cá nhân” của Anh Vũ trên *Thanh Niên* thứ tư 5.9.2012, và một số tin bài ở các báo khác, cho thấy giá, tiền lương, thuế và phí đã và đang vận hành theo hướng ngược lại với tinh thần “khoan sức dân”. Trong khi mức GDP bình quân đầu người ở Việt Nam quá thấp và đang “đội sỏ” so với thế giới (chỉ bằng 0,262 lần Trung Quốc, 0,257 lần Thái Lan, 0,158 lần Malay- sia, 0,392 lần Indonesia, 0,604 lần Philippines), thì phải chịu những khoản thuế, phí quá cao, kéo dài nhiều năm, kể cả khi kinh tế khó khăn, lạm phát gia tăng.

Tiền lương tuy có điều chỉnh, nhưng chính sách tiền lương cơ bản không đổi, vẫn trên nền của mức lương tối thiểu không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của cuộc sống. Mức lương tối thiểu 450.000 đồng/người/tháng năm 2009, lên 830.000 đồng/tháng năm 2011, hay 1.050.000 đồng/tháng từ tháng 5.2012, đều còn thấp xa so với nhu cầu tối thiểu để có thể

tiếp theo. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 phải là chiến lược trên tinh thần khoan sức dân.

Không thể cứ “kiên định” một cách máy móc “công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu là nền tảng của nền kinh tế quốc dân” và “kinh tế Nhà nước là chủ đạo” để tiếp tục chi phối mô hình kinh tế tổng quát mà chiến lược phải theo. Kho tàng lý luận và thực tiễn cuộc sống cho thấy, nhận thức đó không đủ cơ sở thuyết phục:

Nói đến quan hệ sản xuất không thể chỉ nói quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất mà còn phải nói cả quan hệ phân phối và quan hệ quản lý, trong quan hệ quản lý có quản lý của Nhà nước và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

Không thể chỉ đề cập tư liệu sản xuất và công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, vì còn có tri thức và sở hữu trí tuệ của từng con người ngày càng đóng vai trò hết sức trọng yếu.

Không thể coi công hữu bao gồm sở hữu hợp tác xã cộng với quốc doanh, vì luật hợp tác xã thừa nhận góp vốn cổ phần của xã viên và trên thực tế ở không ít hợp tác xã chỉ có vốn cổ phần.

Chủ đạo bởi vai trò của Nhà nước đâu phải chỉ bằng sức mạnh kinh tế nhà nước, mà còn bằng quản lý của nhà nước và vai trò quản lý Nhà nước ngày càng quan trọng – là cái chính yếu. Vì thế, nhấn mạnh kinh tế nhà nước như hiện nay là không ổn về nhiều mặt.

“Dân là gốc”, kinh tế dân doanh là yếu tố kinh tế - xã hội của cái “gốc” đó và trên thực tế nếu không có kinh tế dân doanh thì không có thành công của Đổi mới. Cũng như hiện tại kinh tế dân doanh, mà cụ thể là kinh tế tư nhân là khu vực phát

---

sống được. Chỉ tính riêng cho việc ăn, uống cũng không đủ. Dưới cái bóng của chính sách tiền lương “vô can” vô trách nhiệm đó là những hoạt động mưu sinh đầy cam go cùng với những hệ lụy khôn lường với những tệ nạn và tình trạng bất ổn xã hội vô phương cứu chữa.

Với thu nhập có từ đồng lương không đủ sống đó, người dân lại phải gánh chịu những khoản thuế, phí quá cao. Mức thu ngân sách trung bình giai đoạn 2007-2011 so với GDP cùng kỳ lên đến 29%, nếu chỉ tính riêng thuế và phí thì con số đó là 26,3%, cao gấp 1,4-3 lần so với các nước trong khu vực. Trung bình trong 5 năm gần đây, tỉ lệ thu từ thuế và phí so với GDP của Trung Quốc là 17,3%, Thái Lan và Malaysia khoảng 15,5%, Philippines 13%, Indonesia 12% và Ấn Độ 7,8%. Thuế làm “oằn vai” người dân còn bởi nghịch lý của thuế thu nhập cá nhân, với thu nhập thấp bị đánh thuế cao. Mức thu nhập khởi điểm chịu thuế và mức giảm trừ gia cảnh (4 triệu và 1,6 triệu) đã mở rộng diện tận thu đến hàng triệu đối tượng có thu nhập thấp không có khả năng nộp thuế nhưng vẫn phải nộp (theo tính toán, số đối tượng thuộc diện này có thể lên đến 3 triệu người). Không chỉ tận thu trên diện rộng, mà còn tận thu theo chiều sâu bằng mức áp thuế suất cao, cao hơn so với các nước trong khu vực.

triển nhanh, đã đóng góp lớn và hiệu quả đầu tư cao hơn nhiều so với kinh tế Nhà nước (cả đóng góp vào GDP, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tỷ suất lợi nhuận...). Thế nhưng, kinh tế dân doanh không được coi trọng là nền tảng, bị kinh tế nhà nước là chủ đạo, luôn giành phần ưu ái và lấn lướt. Nghịch lý này nếu không được giải quyết thì không thể có phát triển nhanh và bền vững được.

Vì thế, mô hình kinh tế tổng quát mà chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020 phải theo là mô hình với các đặc trưng cơ bản là:

Kinh tế thị trường hiện đại (đỉnh cao của sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường mà Đổi mới đã chọn ngay từ những ngày đầu đến nay);

Hai chế độ sở hữu (công hữu và tư hữu), ba khu vực kinh tế (kinh tế công, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp), với các chủ thể kinh tế bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển trong môi trường cạnh tranh lành mạnh;

Không nói “công hữu hóa về tư liệu sản xuất là nền tảng” và cũng không nói kinh tế nhà nước là chủ đạo, mà chỉ xác định đúng mức vai trò của nhà nước pháp quyền đối với nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam;

Thực thi dân chủ trong kinh tế mà vấn đề cốt lõi trong đó là quyền của người dân và thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp;

Liên kết, hợp tác và hội nhập quốc tế.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng kết cấu hạ tầng được coi là các đột phá chiến lược. Điều này có thể coi là đúng, nhưng sẽ không dễ dàng hiện thực nếu không tháo gỡ những rào cản, những vướng mắc từ thể chế chính trị, xã hội hiện hành còn mang nặng những dấu ấn bất cập từ sự nhận thức và vận dụng học thuyết Mác-Lê nin và CNXH.

Phải cải cách thể chế, bao gồm thể chế kinh tế thị trường, thể chế dân chủ và thể chế pháp quyền; xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch Có thể coi đây là đột phá của những đột phá chiến lược.

*1. 2010*



# 10

## MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH ĐỐN ĐẢNG<sup>29</sup>

Trước nhiều vấn đề của cuộc sống đặt ra, trong đó có những vấn đề cơ bản về Đảng, chúng ta vẫn còn vấp phải những lúng túng khi cần phải lý giải một cách sáng tỏ. Sự lúng túng này có cội nguồn từ sự thiếu sòng phẳng trong cách tiếp cận lý luận và thực tiễn.

Cội nguồn lý luận của những vấn đề cơ bản về Đảng mà chúng ta cần tiếp cận, không thể không nói đến học thuyết Mác - Lênin và CNXH- vốn là nền tảng tư tưởng và là kim chỉ nam cho mọi tư duy và hành động của Đảng.

Và cội nguồn thực tiễn, cũng không thể không nói đến những chất liệu từ cuộc sống của xã hội Việt Nam, nhất là Việt Nam với sự hiện diện của Đảng cùng việc thực thi theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh suốt 70 năm qua.

Suy cho cùng, tư tưởng học thuyết thường được gọi là “kim chỉ nam” cho hành động cũng là sản phẩm tư duy của con người trên cơ sở tiếp cận chân lý khách quan của cuộc sống và từ cuộc sống. Song, cuộc sống, nhất là thực tiễn của đời sống xã hội thì rất đa dạng và biến đổi theo không gian và thời gian nhất định, nên khó có chân lý nào gọi là tuyệt đối và vĩnh hằng, mà chỉ có chân lý với sự kế thừa, cải biến và sáng tạo. Do đó, để có sự sòng phẳng với tư tưởng và học thuyết, trong việc nhận biết nó và sử dụng nó với tư cách là “kim chỉ nam” cho hành động, nhất thiết phải đi từ thực tiễn của cuộc sống - từ sự chỉ dẫn của thực tiễn cuộc sống để kế thừa, cải biến và vận dụng sáng tạo, chứ không thể máy móc - tự trời mình một cách giáo điều với tư tưởng, học thuyết được. Chính C. Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh cũng đã nói điều này đối với tư tưởng học thuyết của chính mình.<sup>30</sup>

---

<sup>29</sup> Bài phát biểu tại Hội thảo khoa học “Xây dựng Đảng trong điều kiện mới” do Hội đồng lý luận Trung ương phối hợp với tạp chí *Cộng Sản* (Cơ quan đại diện phía Nam), tổ chức ngày 17.9.2004 tại TP.HCM.

<sup>30</sup> Xem ghi chú của b Trong Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc người ta coi lãnh tụ Mao Trạch Đông như “thánh sống”. Phàm là Mao nói là đúng, Mao bảo là phải làm. ài “Tìm lời giải cho

Muốn hiểu và vận dụng các tư tưởng học thuyết, tìm ra khung lý thuyết cho việc giải quyết vấn đề của cuộc sống thì càng cần phải đi từ thực tế cuộc sống để phù hợp với hoàn cảnh xã hội đương thời.

Thực tiễn của cuộc sống được coi như một chân lý sống. Trong cải cách và mở cửa ở Trung Quốc, người ta nói và làm, nhất là làm theo triết lý - lấy chân lý từ cuộc sống thay hai cái phàm là.<sup>31</sup> Điều này thật đáng được chia sẻ.

Ý kiến trao đổi “Mấy vấn đề cơ bản về chính đốn đảng” ở đây cũng được hình thành theo cùng một cách tiếp cận như vậy.

### **Đảng của ai? mục tiêu của đảng là gì?**

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời trong bối cảnh:

(1) CNTB phát triển ở giai đoạn tích lũy nguyên thủy và cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ ở châu Âu, đã làm cho những mâu thuẫn và đối kháng giai cấp (mà trực tiếp và chủ yếu nhất là giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản) trở thành mâu thuẫn chính yếu của xã hội; (2) Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì giai cấp vô sản là giai cấp đông đảo về số lượng, có tổ chức và kỷ luật, dám trực diện đối đầu với giai cấp tư sản, mặc dù có vai trò thúc đẩy sức sản xuất phát triển theo hướng hiện đại, nhưng vẫn còn đầy những yếu tố bất toàn và cạm bẫy.

Những gì Mác, Ăngghen đề cập trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, như sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và vai trò của đảng cộng sản - đảng của giai cấp vô sản - trong việc thực hiện mục tiêu xóa bỏ bóc lột và bất công xã hội, xóa bỏ giai cấp tư sản để giải phóng mình và giải phóng xã hội,... là những xác định gắn với hoàn cảnh lịch sử đương thời - ở thời gian ra đời của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Với sự xác định như thế, Đảng Cộng sản ở nhiều nước châu Âu lúc đó và nhiều nước ở các châu lục khác sau đó đã ra đời, với tôn chỉ mục đích theo đó đảng của giai cấp vô sản là bộ tham mưu chính trị của cuộc đấu tranh cách mạng xóa bỏ giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, giải phóng giai cấp vô sản và giải phóng toàn xã hội.

Với tư duy rất khoa học, Mác và Ăngghen không tự trói mình bởi những khía cạnh cụ thể trong sự xác định đó, mà hai ông còn chỉ ra hướng phát triển cho nó. Đó là: (1) Phải gắn với cộng đồng dân tộc, vì không gắn với cộng đồng dân tộc thì giai cấp vô sản không thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Sứ mệnh

---

những vấn đề đặt ra từ cuộc sống”

<sup>31</sup> Trong Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc người ta coi lãnh tụ Mao Trạch Đông như “thánh sống”. Phàm là Mao nói là đúng, Mao bảo là phải làm.

lịch sử đó không chỉ dừng lại ở việc xóa bỏ giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, mà còn cao xa hơn nữa là giải phóng và hoàn thiện xã hội vì một xã hội không có giai cấp - một xã hội công dân; (2) Để làm được như vậy, giai cấp vô sản phải tự mình trở thành dân tộc. Trong lời tựa cho Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, bản tiếng Ý năm 1893, Ăngghen đã viết: *“Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản”*,<sup>32</sup> *“giai cấp vô sản phải tự mình trở thành dân tộc”*. Trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế ngày nay, ý tưởng của Mác và Ăngghen trên mức độ nhất định đã được hiện thực hóa bởi: (1) Lực lượng sản xuất với sự tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật, cùng với việc xã hội hóa trong các quá trình sản xuất đã có sự phát triển hết sức lớn lao, đã tạo sự thỏa hiệp và đồng thuận ngày càng nhiều hơn thay vì sự chia rẽ và đối nghịch giữa các thành viên tham gia các quá trình sản xuất nói riêng và toàn xã hội nói chung; (2) Sự phát triển không đồng đều làm gia tăng mức cách biệt hưởng lợi từ kinh tế - xã hội và môi trường giữa các quốc gia giàu và nghèo, kích động tinh thần quốc gia dân tộc ở những nước nghèo - quyền và lợi ích của quốc gia, dân tộc trở thành vấn đề được quan tâm hàng đầu, thậm chí hơn cả quyền và lợi ích của giai cấp này, tầng lớp nọ trong cộng đồng dân tộc.

Do đó, tư duy về mục tiêu cách mạng và tính đại diện của đảng Cộng sản ở nhiều quốc gia hiện nay đã có sự thay đổi. Nếu cứ máy móc xem đảng chỉ là của giai cấp vô sản và xóa bỏ giai cấp tư sản mà xem nhẹ tính đại diện dân tộc và lợi ích dân tộc thì không logic với sự nâng cao tinh thần quốc gia dân tộc và xu thế giai cấp vô sản phải tự mình trở thành dân tộc. Đó là một sự chỉ dẫn cần có cho sự phát triển tư duy lý luận về mục tiêu cách mạng và tính đại diện của đảng. Với một logic thông thường, thiết nghĩ có thể hiểu một điều rằng: giai cấp vô sản phải tự trở thành dân tộc thì đảng của giai cấp vô sản cũng phải phát triển thành đảng của dân tộc và vì dân tộc. Điều đó, thiết nghĩ cũng là một xu thế phát triển mang tính thời đại.

Bối cảnh xã hội Việt Nam với việc hình thành và phát triển của đảng Cộng sản có những nét đặc trưng không thể không lưu ý là: (1) Cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước luôn phải đối đầu với giặc ngoại xâm. Mâu thuẫn lớn nhất là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và kẻ xâm lược bên ngoài. Giải quyết mâu thuẫn đó là mục tiêu của việc tập hợp toàn dân thành một khối. Lòng yêu nước và sự đoàn kết đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam; (2) Xã hội Việt Nam chủ yếu là xã hội của nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Giai cấp công nhân nhỏ bé chưa là hiện thân của đại công nghiệp, chưa có sự khác biệt gì đáng kể với các tầng lớp, giai cấp khác và cuộc đấu tranh của giai

---

<sup>32</sup> *Mác và Ăngghen toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, năm 1995, trang 145.

cấp vô sản luôn là cuộc đấu tranh của dân tộc; (3) Địa chủ và tư sản Việt Nam chưa trở thành giai cấp lớn mạnh. Một bộ phận không nhỏ trong họ có lòng yêu nước hòa cùng khối đại đoàn kết dân tộc vì độc lập dân tộc. Quyền và lợi ích của đất nước, của cộng đồng dân tộc là vấn đề lớn nhất bao trùm lên mọi vấn đề trong suốt quá trình lịch sử rất lâu dài ở Việt Nam. Vì thế trước đây với mục tiêu độc lập dân tộc và sau này với mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh, ở Việt Nam dân luôn là gốc - dân vi bản, như cách nói của người xưa, đã được cố Tổng bí thư Trường Chinh nêu lại thành nội dung cơ bản của đường lối đổi mới lúc đầu - nước lấy dân làm gốc và sau đó có lúc nói “dân là gốc”. Yêu cầu của dân, nguồn lực của dân là nền tảng tất yếu trong mọi hành động cách mạng của Đảng.

Đảng có lúc được gọi là “Đảng Lao động” có lúc là “Đảng Cộng sản” nhưng mục tiêu cách mạng và tính đại diện của nó vẫn xuyên suốt là của dân tộc và vì dân tộc Việt Nam. Và điều đó là cội nguồn thắng lợi của cách mạng, của Đảng.

Tuy nhiên, trong tiến trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng có lúc, có nơi vì tự trói mình trong những tư duy lý luận giáo điều, nên đã phạm phải sai lầm và phải trả giá cho những sai lầm đó. Sai lầm trong cải cách ruộng đất và chấn chỉnh tổ chức; những sai lầm trong đối xử với trí thức và nhân sĩ qua việc xử lý vụ Nhân văn Giai phẩm; những sai lầm trong hợp tác hóa nông nghiệp, trong cải tạo tư sản và công tư hợp doanh ở miền Bắc (cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960) và ở miền Nam (sau 1975)... Và hiện nay, vẫn còn những rào cản bởi sự xơ cứng trong tư duy lý luận bởi tự trói mình trong những giáo điều đã bị thực tế cuộc sống gạt bỏ, loại bỏ, đang tạo thành những thách thức cho tiến trình tiếp tục đổi mới phát triển hoàn thiện của đất nước, của dân tộc, thách thức luôn cả sự tồn vong của Đảng.

Như vậy, phải kiên định mà trở lại với thực chất cách mạng của Đảng với chủ nghĩa yêu nước với sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư duy Hồ Chí Minh, để khẳng định vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, và vấn đề cơ bản của Đảng là: (1) Phải do dân và vì dân; (2) Đảng là đảng của các dân tộc Việt Nam; (3) Mục tiêu của Đảng là đưa dân tộc đi lên trên con đường giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh bằng nguồn lực từ kinh tế thị trường hiện đại, xã hội công dân và Nhà nước pháp quyền.

Sự khẳng định này hợp với điều kiện của Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại vốn đã ăn sâu trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như phù hợp với dự báo của Mác và Ăngghen.

**Phải chỉnh đốn Đảng, để Đảng ngang tầm với sứ mạng đưa dân tộc đi**

**lên trên con đường giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.**

Dù rất đau lòng nhưng vẫn phải dũng cảm, nhìn thẳng vào thực tế để nói rằng Đảng đang phải đối mặt với nhiều hạn chế yếu kém không nhỏ làm thấp tầm của Đảng với sứ mạng đưa dân tộc đi lên trên con đường “giữ vững độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh” bằng con đường tiếp tục giải phóng và phát huy nguồn lực của dân tộc. Điều này thể hiện trên những mặt sau đây:

- Đường lối phát triển kinh tế - xã hội có vấn đề: (1) Mục tiêu và mô hình XHCN chưa rõ chưa đúng, nên định hướng XHCN thiếu tính thuyết phục; (2) Chưa thật sòng phẳng trong cách cư xử với công hữu và tư hữu, với kinh tế nhà nước và kinh tế dân doanh; (3) Nhận thức không hết những biến đổi trong thực chất của quan hệ “bóc lột” trong đó có việc cấm đảng viên làm kinh tế tư nhân.

Những vấn đề nêu trên đã và đang làm hạn chế khả năng phát huy nguồn lực của dân và tạo ra tâm lý nghi ngờ về tính đại diện và mục tiêu cách mạng của Đảng - Đảng vì ý thức hệ của Đảng hay vì lợi ích của dân tộc?

- Trong công tác lý luận và tư tưởng có những biểu hiện xơ cứng: (1) Nhận thức một cách phiến diện về “đa nguyên” và không chấp nhận “đa nguyên” không chỉ với chính trị mà cả nhiều khía cạnh văn hóa, xã hội khác, dẫn đến “độc quyền về chân lý, áp đặt tư duy, phán xét quy kết tùy tiện”; (2) Nặng về truyền đạt một chiều từ trên xuống, từ trong ra về tư tưởng học thuyết và nghị quyết - chủ trương chính sách; nhẹ về nghiên cứu tổng kết thực tiễn và thu thập thông tin, lắng nghe ý kiến của dân (kể cả đảng viên của Đảng)...

- Có những sai lầm trong đường lối và công tác tổ chức cán bộ bởi những giáo điều trong tư duy lý luận và lâm nặng căn bệnh của kẻ nắm quyền lực: (1) Chưa thực sự phát huy dân chủ (cả trong Đảng và với nhân dân), ôm đồm, bao biện, làm thay, lấn áp vai trò của các tổ chức khác do thiếu đức tin và sợ bị chia xẻ quyền lực; (2) Thiếu tinh thần tự phê, thiếu dũng cảm trong xử lý sai lầm khuyết điểm của Đảng vì sợ bộc lộ sai lầm làm mất uy tín Đảng; (3) Đội ngũ nhân sự trong hệ thống tổ chức của Đảng nói riêng và hệ thống chính trị nói chung thế hệ sau thấp cả tâm lẫn tầm so với thế hệ trước. Cách tuyển chọn, bố trí sắp xếp cũng như cách giáo dục đào tạo và xử lý cán bộ, đảng viên có không ít kẽ hở để cho những kẻ thiếu tài, thiếu đức lợi dụng chui vào Đảng và trèo cao làm suy yếu Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội.

Đảng lãnh đạo, nhất là lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối bằng đường lối, tư tưởng và tổ chức, nhưng ở cả ba mặt đều có những biểu hiện xơ cứng do tự trói mình trong những giáo điều ý thức hệ đã bị cuộc sống loại bỏ. Vì thế, nếu Đảng không đổi mới thì không thể trong sạch vững mạnh, và điều đó cũng có nghĩa là không ngang tầm với yêu cầu phát triển của đất nước, của dân tộc. Không phải chỉ là những suy luận, mà điều này thực sự đã được cảnh báo từ thực tế cuộc sống. Đã đến lúc phải thực sự nghiêm túc, dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật về sự xa rời cái thực chất của Đảng với tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và tính đại diện của Đảng, một Đảng của dân, tin dân, phát huy nguồn lực của dân, giữ lấy lòng tin của dân để vì dân. Không còn có cách chọn lựa nào khác hơn là Đảng phải đổi mới – đổi mới với tinh thần chính đốn Đảng, cải cách Đảng.

- Để đổi mới, thiết nghĩ có những vấn đề đáng được xem trọng như sau:

+ Đảng phải trở về với tính đại diện và mục tiêu cách mạng đích thực: (1) Đảng của dân tộc Việt Nam;<sup>33</sup> (2) Mục tiêu cách mạng của Đảng là đưa đất nước và dân tộc Việt Nam đi trên con đường giữ vững độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh bằng cách tiếp tục giải phóng và phát triển nguồn lực của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

+ Làm sống lại ý chí và không khí đổi mới một cách quyết liệt, triệt để hơn trong toàn Đảng, toàn xã hội và điều đó chỉ có được khi ý chí đổi mới thực sự trở thành quyết tâm chính trị mạnh mẽ, thống nhất cao trong các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Đảng phải tự đổi mới vì sự đổi mới và phát triển hoàn thiện của đất nước dân tộc. Phải dựa vào sự đổi mới đó để đổi mới Đảng.

+ Mạnh dạn tháo gỡ hai rào cản lớn từ công tác lý luận tư tưởng và công tác tổ chức cán bộ của Đảng các cấp đang có sự xơ cứng, nhưng lại trù lên hệ thống chính trị và trù lên toàn xã hội, mà hệ lụy của nó là: (1) Kìm hãm, trói buộc làm suy giảm hiệu năng của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội khác; (2) Làm xã hội thiếu năng động; (3) Và điều đó dẫn đến làm xơ cứng suy yếu Đảng.

+ Giảm bớt sự tập trung quyền lực của Đảng để mở rộng quyền và đề cao trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức khác trong tính tự chủ, năng động và sáng tạo của dân, bằng cách: (1) đổi mới quan hệ phân công phân cấp trong lãnh đạo và quản lý điều hành; (2) mở rộng dân chủ trong Đảng và với xã hội. Chế độ dân bầu hiện nay thực chất là “Đảng cử dân bầu”, nên chẳng chuyển lại bằng “dân bầu Đảng cử” và tiến đến “dân cử dân bầu”. Nếu làm được như vậy sẽ có tác dụng nâng cao hiệu lực của lãnh đạo, chứ không làm suy giảm vai trò của Đảng.

---

<sup>33</sup> Tại Đại hội Đảng lần thứ II tháng 2 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng đã khẳng định: “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”.

Gần 20 năm trước, Đại hội VI đã chọn những lựa chọn của dân để vạch ra đường lối đổi mới, tạo bước chuyển biến có tính đột phá đưa đất nước ra khỏi khó khăn kéo dài để phát triển. Đó cũng là cơ sở để Đảng còn đứng được, trong khi nhiều chính đảng khác không đứng được trước cuộc khủng hoảng trong phong trào cộng sản. Nay đứng trước yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước, của dân tộc và vì sự đổi mới Đảng để Đảng trong sạch vững mạnh, đòi hỏi các Đại hội tiếp theo chí ít phải làm được như Đại hội VI ở thời điểm của mình. Nếu không làm được như vậy thì hệ lụy khôn lường đối với sự phát triển và hoàn thiện xã hội là điều khó tránh khỏi, và sự thách thức về tồn vong của Đảng khó vượt qua được.

9.2004

## VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ<sup>34</sup>

### Mấy nhận thức luận cơ bản

Dân chủ và tập trung với sự gắn kết hữu cơ giữa chúng được coi là nguyên tắc cơ bản của việc phân bổ quyền lực trong hoạt động của đời sống xã hội. Trong xã hội hiện đại, cái cơ bản của dân chủ là quyền con người và tự do cho con người trong việc thực thi quyền đó. Và cái cơ bản của tập trung là tập trung cho pháp quyền.

Dân chủ là nền tảng, điều này phù hợp với bài học kinh nghiệm “lấy dân làm gốc”.

Tập trung là then chốt, trước hết, trên hết là tập trung cho pháp quyền, với toàn xã hội là hiến pháp và luật pháp, còn với từng tổ chức là cương lĩnh và điều lệ của tổ chức đó.

Để dân chủ, tự do cho từng con người mà vẫn không phá vỡ sự thống nhất ý nguyện và hành động của mọi người theo một đường lối chung của đất nước, của dân tộc thì không gì bằng thượng tôn pháp luật. Do đó bản hiến pháp phải được coi là bộ luật căn bản tối cao chi phối mọi hoạt động của quốc gia dân tộc.

Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội khác trong hệ thống chính trị cũng phải có quyền và trách nhiệm của nó, nhưng đó là quyền và trách nhiệm của dân quyền và pháp quyền giao cho để thực thi dân chủ và pháp luật, và luôn luôn phải chịu sự chế tài của dân quyền và pháp quyền.

Theo quan điểm duy vật lịch sử, hệ thống chính trị là một bộ phận của thượng tầng kiến trúc, có mối quan hệ với cơ sở kinh tế và được xây dựng trên cơ sở kinh tế nhất định, nó phản ánh một cách tương thích với cơ sở kinh tế nhất định đó. Tuy nhiên, hệ thống chính trị có tác động trở lại đối với cơ sở kinh tế - thúc đẩy hay kiềm hãm sự phát triển của cơ sở kinh tế.

Cơ sở kinh tế của xã hội hiện đại không ngừng phát triển với sự thúc đẩy của những cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất mà trước hết là sự phát triển của trí tuệ – tri thức trong yếu tố con người. Điều đó đòi hỏi sự tác động trở lại của hệ thống chính trị đối với cơ sở kinh tế phải là sự tác động năng động bằng những tiến

<sup>34</sup> Bài đã đăng trên tạp chí *Phát Triển Kinh Tế* (Đại học Kinh tế TP.HCM) số 184, tháng 02.2006



trình đổi mới cùng với đổi mới kinh tế chứ không phải máy móc, xơ cứng bởi sự cũ kỹ, giáo điều để tụt lại đằng sau kinh tế và kìm hãm sự phát triển của cơ sở kinh tế.

### **Vấn đề và những định hướng giải pháp tháo gỡ**

- Đổi mới hệ thống chính trị phải song hành với đổi mới kinh tế.

Đổi mới kinh tế thực chất là chọn con đường phát triển và hội nhập bằng: (1) kinh tế thị trường; (2) xã hội dân sự; (3) nhà nước pháp quyền. Trong khi đó, trên thực tế cả về tư duy và hành động hệ thống chính trị vẫn cứ bị chi phối bởi nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam từ sự tuyệt đối hóa học thuyết Mác – Lê nin và CNXH với những đặc trưng cơ bản là: (1) đặt lập trường quốc tế vô sản lên trên lập trường quốc gia dân tộc; (2) công hữu hóa, nhà nước hóa đời sống kinh tế, xã hội; và (3) đảng Cộng sản lãnh đạo nhà nước và xã hội bằng siêu quyền lực và đặt quyền lãnh đạo đó lên trên dân quyền và pháp quyền.

Kinh tế thị trường, xã hội dân sự, nhà nước pháp quyền đã và đang là sự lựa chọn của loài người tiến bộ, là xu thế tất yếu và hiện cũng là trào lưu của thế giới đang “cuồn cuộn chảy thuận theo thì sống, ngược lại thì chết” (như cách nói của Tôn Trung Sơn). Hệ thống chính trị hiện tại chưa ngang tầm với yêu cầu đó vì sức ì của sự bảo thủ đến mức ngoan cố từ những tư duy lý luận giáo điều trái với hiện thực của đời sống xã hội. Đó là sự thể hiện tách rời của “thượng tầng” khỏi “hạ tầng” trong sự tồn tại và phát triển của nó, dẫn tới một hệ quả không tránh khỏi là vừa chấp nhận đổi mới vừa sợ đổi mới kinh tế.

- Hệ thống tổ chức phải tinh gọn phù hợp với yêu cầu và khả năng của hạ tầng kinh tế, xã hội.

Với một đất nước đất không quá rộng, người không quá đông, nền kinh tế còn nhỏ (329.314 km<sup>2</sup>, 85 triệu người, tổng GDP theo giá hiện hành khoảng 45 tỷ USD), mà lại có một hệ thống tổ chức và nhân sự của Đảng, chính quyền, đoàn thể (8 tổ chức) ở cả 4 cấp từ trung ương đến 63 tỉnh thành, 639 quận huyện thị xã, 10.776 thị trấn, phường xã..., thì dù muốn hay không cũng dẫn đến những hệ lụy khó tránh khỏi: (1) chi tiêu quá lớn, nền kinh tế không đủ khả năng chu cấp; (2) lương bổng và phương tiện hoạt động thiếu thốn nên hoạt động kém hiệu quả và nảy sinh nạn vòi vĩnh tham nhũng; (3) trùng lặp chồng chéo, tranh chấp quyền và lợi ích giữa các tổ chức dẫn đến vô hiệu hóa lẫn nhau; (4) lấn quyền của dân, xâm hại đến môi trường dân chủ xã hội; (5) tâm lý cục bộ địa phương, không ai chịu thua ai trong đầu tư xây dựng trụ sở - cơ sở làm việc của cơ quan hành chính, cũng như trong việc mở trường đại học, lập cơ sở phát thanh truyền hình - điển hình của phát triển trên diện rộng, chạy theo số lượng, hy sinh chất lượng và hiệu quả (trên

cả nước, hiện có 67 đài phát thanh truyền hình, tỉnh nào cũng có, bình quân khoảng 1,2 triệu dân có một đài - nhất thế giới!).

- Phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải dân chủ, công khai và minh bạch.

Tập trung quyền lực thái quá cho tổ chức Đảng, mà trên hết là cho bộ phận lãnh đạo cao nhất của cấp ủy các cấp; hạn chế quyền của các tổ chức khác, nhất là các tổ chức dân cử, và quyền của mọi người (cả trong Đảng và trong xã hội) là vấn đề thiết nghĩ cần phải tháo gỡ.

Bệnh quyền lực và lạm dụng quyền lực nặng nề dẫn đến:

(1) độc quyền chân lý, áp đặt tư duy, tùy tiện phán xét; (2) quan liêu, xa rời quần chúng – đứng bên lề cuộc sống; (3) ban phát tùy tiện quyền lực cho tham nhũng và bao che tham nhũng vốn là những rào cản trong tiến trình dân chủ hóa cũng phải được tháo gỡ.

Kẻ có quyền thì lạm dụng, người không có quyền thì thụ động, thiếu trách nhiệm, những tệ hại này phá vỡ sự năng động của xã hội là điều không thể chấp nhận được.

- Hệ thống nhân sự không ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ chính trị vì có nhiều bất cập về chất lượng (cả phẩm chất và năng lực - tâm lẫn tầm trí tuệ và kỹ năng nghề nghiệp) mà lại tồn tại với một số lượng quá lớn và dàn trải trên một diện quá rộng, quá công kênh (như đã đề cập ở trên) của một đất nước đất không quá rộng, người không quá đông là một hiện tượng khó hiểu, hiếm có trên thế giới.

Có ý kiến cho rằng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp nhìn chung “thế hệ sau thấp cả tâm lẫn tầm hơn so với thế hệ trước”. Và sự tụt hậu này cũng dẫn đến “quan trí thấp hơn dân trí” nhất là thấp hơn đội ngũ trí thức và doanh nhân, cả với lớp trẻ có nhiều ưu thế hơn trong sự tiếp cận với tri thức mới.

Tham nhũng đã và đang làm mất mát, hư hỏng không ít cán bộ, công chức của hệ thống chính trị, phá vỡ kỷ cương lễ luật, tạo sự phân hóa và bất công xã hội, gây mất lòng tin của người dân đối với đội ngũ nhân sự của hệ thống chính trị.

Trong nhiều nguyên nhân của hiện tình đó, phải chăng có nguyên nhân từ: (1) cơ chế tuyển chọn, bố trí sắp xếp, kiểm tra giám sát, sàng lọc không thật dân chủ, công khai và minh bạch bởi sự độc quyền của hệ thống tổ chức cán bộ; (2) công tác giáo dục đào tạo chưa thật thiết thực, còn nặng về giáo dục lý luận chính trị chung chung xa vời, nhẹ về giáo dục nhân cách và kỹ năng quản lý; (3) chế độ đãi ngộ và phương tiện làm việc còn nhiều bất cập đối với việc thực thi một chế độ trách nhiệm đầy đủ.

8.2007

# 12

## PHẢN BIỆN XÃ HỘI - PHẢN BIỆN TỪ LÒNG DÂN<sup>35</sup>

Phản biện xã hội có thể hiểu là tư vấn và phản biện từ hiện thực xã hội vừa mang tính phổ biến, vừa là hiện thực trực tiếp, trong đó phân quan trọng được tồn tại dưới dạng phong tục - tập quán và dư luận nhân dân. Jean - Jacques Rousseau (1712 - 1778), nhà khai sáng vĩ đại ở Pháp, vào thế kỷ XVIII, tác giả “Bàn về kế ước xã hội”, đã rất đề cao cái “phân quan trọng này”. Theo ông, ngoài những luật thành văn, còn có “bộ luật” khác quan trọng hơn nhiều, là phong tục, tập quán và dư luận nhân dân. Nó không được khắc vào bảng đồng, bia đá, mà khắc vào lòng người, là “bộ luật” chân chính tạo sức sống không thể thiếu của xã hội dân sự. Ông còn cho rằng, khi những luật thành văn mù mờ, hụt hẫng thì “bộ luật” này - phong tục, tập quán và dư luận nhân dân lại thấp cho sáng lên và bổ sung thay thế cho trọn vẹn hơn<sup>2.36</sup>

Điểm quy chiếu của hiện thực xã hội suy cho cùng là từ con người và cuộc sống trọn vẹn của họ trong môi trường tự nhiên và môi trường xã hội nhất định. Chúng ta đã thống nhất với nhau “dân là gốc”, thì phản biện xã hội, phản biện từ hiện thực cuộc sống của dân là phản biện từ gốc. Người xưa đã từng nói “dân vi bản” và điều đó đã trở thành nội dung cơ bản của sự nghiệp Đổi mới.

Đổi mới, với tiến trình trên 20 năm và hiện đang được vận hành nối tiếp bởi những thế hệ đương thời, luôn gắn với môi trường văn hóa, mà trong đó đối thoại đã thay thế một phân không nhỏ cho độc thoại vốn đã ngự trị một thời gian dài trước đó. Tư vấn và phản biện xã hội vốn vừa là tác nhân vừa là sản phẩm của môi trường văn hóa đó, đã và đang góp phân không nhỏ tạo nên những điều chỉnh cả về tư duy lý luận lẫn hành động trên thực tế về lập pháp, hành pháp và

---

<sup>35</sup> Bài đã đăng trên Tạp chí *Phát Triển Kinh Tế* (Đại học Kinh tế TP. HCM), số 202, tháng 8.2007.

<sup>36</sup> *Bàn về kế ước xã hội* của J.J Rousseau – một trong số những nhà khai sáng vĩ đại của Pháp ở thế kỷ thứ XVIII. Bản dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt được Hoàng Thanh Đạm thực hiện xong từ năm 1983 và Nhà xuất bản TP. HCM ấn hành vào năm 1992.

tư pháp theo chiều hướng hợp lòng dân hơn. Những tiếng nói từ người dân, từ dư luận xã hội cùng những ứng xử đúng mực với những tư vấn và phản biện đó ngày càng nhiều hơn. Với nhiều phản biện kéo dài rồi cũng đến hồi kết, như việc cho đảng viên làm kinh tế tư nhân là một thí dụ. Không khí tự do, dân chủ từ những cuộc chất vấn và đối thoại trực tiếp của những đại biểu dân cử trên diễn đàn Quốc hội, HĐND cũng ngày càng nhiều hơn. Mười vụ tham nhũng, tiêu cực lớn phát hiện trong năm 2006 được đưa lên Website của Thanh tra Chính phủ để thăm dò ý kiến tư vấn và phản biện từ người dân. Nhiều vụ án hình sự được xử lại chuẩn xác hơn - được dư luận người dân đồng tình, như vụ tham nhũng đất đai ở Đồ Sơn, vụ tham nhũng đất đai của một số quan chức quận Gò Vấp. Thanh tra Chính phủ vào cuộc với những sai phạm tại Ngân hàng Nhà nước, tại Việt Nam Airlines... Những phát hiện và đối thoại đã không đồng tình với gian lận trong thi cử của không ít thầy cô giáo và cuộc vận động “hai không” ở Bộ GD & ĐT. Ở TP. HCM trong thời gian gần đây cũng có những điều chỉnh đáng được ghi nhận: cho bắn pháo hoa vào tết Đình Hới, ngưng cổ phân hóa bệnh viện Bình Dân và không thông qua tờ trình đề án tăng học phí đối với trường công lập tại kỳ họp thứ 11 Hội đồng Nhân dân khóa VII... Những động thái đã nêu trên là tín hiệu đáng mừng cho tiến trình dân chủ, mà qua đó ai cũng cảm nhận được là có vai trò không nhỏ từ những phản biện xã hội.

Nhưng phải công tâm mà thừa nhận một điều là, vẫn còn đó không ít những câu hỏi từ tâm trạng băn khoăn, lo lắng trong dư luận nhân dân. Phải chăng vẫn còn có những vùng cấm đối với phản biện xã hội? Với những vụ, việc được phản biện cũng phải phản ứng, gây sức ép mạnh từ dư luận xã hội thì mới hi vọng có sự điều chỉnh, sửa đổi - tức là buộc phải chấp nhận phản biện, bắt buộc phải điều chỉnh sửa chữa? Và tại sao vẫn còn không ít những chính sách và giải pháp thực thi chính sách được đưa ra trình dân còn xa lòng dân quá - hãy ngẫm từ những cái phải điều chỉnh (đã nêu trên) và có thể kể thêm như dự thảo mức chịu thuế thu nhập cá nhân, như lỗ hổng ở chân cầu Văn Thánh (mà dư luận cho rằng không chỉ là lỗ hổng hữu hình, mà còn là lỗ hổng vô hình - ám chỉ về một sự hư hỏng khác trong quản lý), dư luận xã hội muốn lấp và phản biện mãi vẫn chưa lấp được? Vậy thì tính tự giác, ý thức trách nhiệm và khả năng tự nhận biết, tự điều chỉnh để đạt mục tiêu “hợp lòng dân” nhiều hơn của các nhà hoạch định và thực thi chính sách đâu rồi?

Giải mã những ẩn tật đó cho thấy hãy còn nhiều việc phải làm để đưa phản biện xã hội vốn từ cuộc sống trở lại được với cuộc sống và mang lại nhiều hữu ích cho con người. Thiết nghĩ, những việc phải làm đó là, tiếp tục loại bỏ độc thoại theo kiểu “độc quyền chân lý, áp đặt tư duy” của những giáo điều đã bị chối bỏ trên thực tế cuộc sống, để tiếp tục gỡ bỏ những rào cản đối với sự phản biện xã

hội. Tư vấn và phản biện xã hội cần phải được nâng chất, nâng tính thuyết phục hơn nữa bằng việc nâng cao sự hiểu biết, tính trung thực của phản biện. Phản biện từ hiện thực xã hội vừa mang tính phổ biến vừa là hiện thực trực tiếp, nên cần có cách tiếp cận khoa học, cần có cách thu thập thông tin tư liệu, phân tích, đánh giá và đề xuất hợp lý - tức là khoa học cũng phải vào cuộc và trong chừng mực nhất định phải hiểu rằng trong phản biện xã hội cần có phản biện khoa học. Phải mở rộng và làm thông thoáng các kênh thông tin, truyền những tác động phản biện đến những đối tượng của nó, tạo điều kiện và khuyến khích báo chí vào cuộc. Ngoài ra, việc cấp thiết không thể xem nhẹ là phải nâng cao khả năng tiếp nhận và xử sự đúng mực với tư vấn và phản biện xã hội của hệ thống công quyền, nhất là đối với những nhà hoạch định chính sách, bằng tính tự giác, ý thức trách nhiệm từ cái tâm trí tuệ và cái tâm lớn cần có của họ. Khẳng định sự cần thiết phải kêu gọi “từ tâm” - tự giác và trách nhiệm, nhưng vấn đề không dừng lại ở đó, mà còn phải mạnh mẽ hơn, kiên quyết hơn bằng cách thể chế hóa, luật hóa việc tiếp nhận và xử lý phản biện từ dư luận nhân dân. Nghĩa là vì dân quyền, pháp quyền không thể không vào cuộc.

8.2007

## MẤY BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ ĐỔI MỚI KINH TẾ<sup>37</sup>

### Lấy dân làm gốc

“Dân vi bản”, cách nói của người xưa đã được cố Tổng bí thư Trường Chinh nêu lại thành một nội dung cơ bản của đường lối đổi mới lúc đầu - nước lấy dân làm gốc; sau đó có lúc nói lại - “dân là gốc”.

Thừa nhận và phát huy cái gốc - dân là gốc - cội nguồn căn bản của sự hình thành đổi mới và thành quả mang lại từ đổi mới kinh tế.

Khoán trong nông nghiệp và việc tái lập kinh tế nông hộ đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn thay cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất kiểu cũ với “công hữu hóa, tập thể hóa và kế hoạch hóa tập trung bao cấp, đã được nông dân lựa chọn từ những năm cuối thập niên 70 và nửa đầu thập niên 80 của thế kỷ 20. Cách làm khoán đó đã được chính thức hóa như một mũi đột phá trong đường lối đổi mới gắn với nông dân, nông nghiệp, nông thôn từ Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, và Luật đất đai 1993. Qua đó, người nông dân với gia đình của họ có quyền sử dụng đất đai, sức lao động và nguồn lực vật chất kỹ thuật mà họ có để phát triển sản xuất vì cuộc sống của mình và của xã hội. Thành quả mang lại từ mũi đột phá này đã góp phần hết sức to lớn vào việc đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế và liên tục phát triển từ đổi mới.

Năm 1992, Quốc hội thông qua Hiến pháp cho phép kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển. Rồi Luật Doanh nghiệp ra đời. Với một hành lang pháp lý hợp lòng dân, đến nay đã có khoảng trên 150.000 doanh nghiệp dân doanh được hình thành và đi vào hoạt động, nhất là trong công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, góp phần đáng kể vào việc nâng cao quy mô và nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Năm 2004, công nghiệp dân doanh tăng 22,8%, đạt mức tăng trưởng cao nhất so với các khu vực khác (quốc doanh tăng 11,4%, có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,7%),

---

<sup>37</sup> Bài đã đăng trên tạp chí *Phát triển Kinh Tế* (Đại học Kinh Tế TP. HCM) số 175, tháng 05.2005.

chiếm tỷ trọng 27% trong giá trị sản xuất công nghiệp. Trong thương mại dịch vụ kinh tế dân doanh tăng 26%, cũng là mức cao nhất so với các khu vực khác, chiếm tỷ trọng 82% tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.

Tự chủ cho người sản xuất và người tiêu dùng, cho người bán và người mua như là một tất yếu đã đem lại quyền, lợi ích và trách nhiệm của dân, của giới doanh nhân trong khu vực kinh tế dân doanh trong công cuộc chuyển đổi kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang thị trường và cơ chế thị trường để tạo động lực phát triển.

Lấy dân làm gốc trong đổi mới kinh tế, tôn trọng và phát huy giá trị năng động sáng tạo của dân, đề cao quyền và trách nhiệm của dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của dân như là mục tiêu và động lực khơi nguồn phát triển, thực chất là sự tiếp nối bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc - đoàn kết đại đoàn kết, thành công đại thành công trong lịch sử dựng nước và giữ nước, mà gắn với chúng là việc giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng tháng Tám và giành độc lập, thống nhất đất nước qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lược. Ngày nay, tổ quốc đã độc lập, đất nước đã thống nhất, nhưng muốn dân giàu nước mạnh và tiến kịp thời đại thì còn nhiều việc phải làm. Đó là khát vọng thiêng liêng và mãnh liệt không kém gì ý chí giành độc lập và thống nhất. Để khát vọng đó được thực hiện thì không còn gì lớn hơn, quan trọng hơn là phát huy bản lĩnh, trí tuệ của khối đại đoàn kết dân tộc, trên cơ sở đảm bảo được dân sinh và dân chủ. Bài học lấy dân làm gốc từ thành công và chưa thành công trong đổi mới kinh tế cần phải được thực hiện trong giai đoạn tiếp tục đổi mới kinh tế và cần phải được vận dụng trong đổi mới đời sống chính trị xã hội của đất nước.

### **Trở lại với sự chỉ dẫn của quy luật “quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất”**

Mục tiêu tối thượng là giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất để tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu nước mạnh và tiến kịp thời đại.

Trước đổi mới, chúng ta đã coi việc hình thành quan hệ sản xuất với các đặc trưng công hữu hóa, nhà nước hóa, kế hoạch hóa tập trung, bao cấp như là mục tiêu tối thượng để có CNXH. Thực chất thì quan hệ sản xuất đó là một mô hình lý thuyết - ý tưởng chủ quan duy ý chí từ đầu đó, thiếu hẳn cơ sở hiện thực từ lực lượng sản xuất của Việt Nam vốn nhỏ bé về quy mô, thấp kém về trình độ và giản đơn về tính chất. Quan hệ sản xuất đó không phù hợp với trình độ, tâm lý tập quán của người dân. Nó không những trói buộc mà còn phá hoại các nguồn lực phát triển, đưa nền kinh tế đi vào khủng hoảng và khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Hiện thực đời sống kinh tế - xã hội thấp kém nêu trên đã đặt ra hàng loạt vấn đề phải giải quyết. Chủ trương đổi mới đã ra đời từ bối cảnh như vậy. Và chủ trương đổi mới đã phải trực diện với những vấn đề đặt ra đó để tìm cách giải quyết.

Ngay từ những năm cuối thập niên 1970 và nửa đầu thập niên 1980, mục tiêu phát triển kinh tế đã được đặt lại theo hướng làm cho sản xuất bùng ra, coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng có chọn lọc.

Mục tiêu phát triển đó đòi hỏi phải điều chỉnh thể chế kinh tế và cơ chế chính sách theo hướng: (1) hợp thức hóa cơ chế khoán và việc tái lập kinh tế nông hộ - đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn; (2) đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp trong công nghiệp và thương mại dịch vụ; (3) không coi quan hệ kế hoạch là duy nhất, mà kế hoạch phải gắn với thị trường (cả thị trường có kế hoạch và không có kế hoạch); (4) dành quyền tự chủ cho người sản xuất và tiêu dùng, người bán và người mua bằng quan hệ hàng hóa, tiền tệ; (5) vận dụng quy luật giá trị trong sự hình thành giá - tiến đến cơ chế một giá.

Mặc dù chưa đầy đủ và việc thực thi còn gặp phải không ít cản ngại, nhưng những điều chỉnh về thể chế và cơ chế chính sách đó đã có tính đột phá vì hợp lòng dân, được đại chúng hưởng ứng, tạo ra một hiện thực xã hội mới - bối cảnh mới cho sự ra đời một đường lối đổi mới toàn diện từ sau Đại hội VI đến nay, mà những nét cơ bản là: (1) kiên trì mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế vì dân giàu nước mạnh; (2) phát triển sản xuất hàng hóa hướng mạnh về xuất khẩu thay dần cho tự túc tự cấp; (3) đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp với kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Gắn việc củng cố và phát triển kinh tế nông hộ với khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế nông hộ với dạng hình tiểu nông sang kinh tế nông hộ theo dạng hình trang trại và mở rộng liên kết hợp tác. Đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng gắn với thị trường, tự chủ và tự chịu trách nhiệm hơn bằng chủ trương cổ phần hóa và chuyển đổi sang các hình thức sử dụng khác. Tạo điều kiện và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hỗn hợp qua việc ban hành luật doanh nghiệp. Thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài qua việc ban hành luật đầu tư nước ngoài; (4) chủ trương tạo sự ổn định môi trường kinh tế - tài chính vĩ mô, thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước, cùng với việc tự chủ cho doanh nghiệp và cho người sản xuất, tiêu dùng.

Nếu không kiên trì chủ trương đổi mới và tiếp tục đổi mới đó thì kinh tế không thể tăng trưởng cao (chỉ sau Trung Quốc và đứng đầu ASEAN); cơ cấu kinh tế không thể có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; và không thể có những ngành hàng thâm nhập được vào thị trường thế giới.



Tuy nhiên, nếu không còn những rào cản từ tâm lý tư tưởng theo cách tư duy cũ, từ sự thiếu hoàn thiện của khung lý thuyết Đổi mới, từ năng lực tổ chức quản lý điều hành, thì những điểm sáng, lý luận hay, chủ trương tốt đó sẽ được thực thi nhiều hơn, hiệu quả hơn. Và theo đó, tăng trưởng và phát triển sẽ tốt hơn, nhất là chất lượng tăng trưởng sẽ không quá thấp kém như hiện nay, đầu tư dàn trải, quản lý đầu tư chưa tốt gây lãng phí thất thoát, bệnh tập trung quyền lực, tệ tham nhũng cùng với sự xuống cấp văn hóa - xã hội và môi trường nghiêm trọng, cũng như nguy cơ về phát triển không bền vững và mất thế chủ động trong hội nhập vẫn còn rất lớn như hiện nay.

### **Đổi mới tư duy lý luận về phát triển kinh tế**

Mặt thành công và chưa thành công của đổi mới ở Việt Nam liên quan rất mật thiết đến việc đổi mới tư duy lý luận về phát triển kinh tế.

Bao trùm lên trên tất cả là trong chừng mực đã có sự đổi mới nhận thức lý luận: từ những giáo điều để tự bằng lòng và vội cho rằng mình đã nắm được chân lý, thậm chí còn giành cho mình cái thế độc quyền chân lý, áp đặt tư duy và phán xét tùy tiện, đã chuyển dần sang sự coi trọng vận động của thực tiễn để tìm chân lý. Điều này thiết nghĩ cũng có điểm tương đồng với cái gọi là lấy chân lý từ thực tiễn cuộc sống thay hai cái “phàm là” ở Trung Quốc- “phàm là Mao nói là đúng, Mao bảo tất phải làm”.

Không có nhận thức luận đổi mới như trên thì làm sao có sự chấp nhận khoán trong nông nghiệp, chấp nhận kinh tế thị trường, chấp nhận đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp, chấp nhận tự chủ cho người sản xuất và tiêu dùng - người bán và người mua... để thoát ra khỏi những rào cản của thể chế kinh tế, cơ chế chính sách cũ với sự tuyệt đối hóa của công hữu hóa, nhà nước hóa, kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp.

Tuy nhiên, sự đổi mới nhận thức lý luận chỉ mới diễn ra trong chừng mực nhất định vì những giáo điều theo lý luận cũ kỹ, xơ cứng và sự “độc quyền”, “áp đặt” và “phán xét” theo cái gọi là chân lý từ những lý luận xơ cứng đó không phải dễ dàng bị gạt bỏ trong ngày một ngày hai, và trên thực tế vẫn còn là rào cản của lý luận kiềm hãm sự vận động của thực tiễn. Đây là cội nguồn của sự thiếu nhất quán trong cách nghĩ cách làm đối với Đổi mới và tiếp tục Đổi mới ở tầm cao hơn - toàn diện và triệt để hơn. Sự thiếu nhất quán đó có thể nhận biết qua một số đơn cử như: (1) thiếu nhất quán trong sự nhận thức lại khái niệm “bóc lột” nên cấm đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân; (2) coi “dân là gốc”, thừa nhận kinh tế dân doanh với sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân tồn tại lâu dài như là một tất yếu khách quan nhưng không coi sở hữu tư nhân, sở hữu của người dân là nền tảng mà coi sở hữu quốc doanh cùng với sở hữu tập thể là nền tảng; (3) chủ đạo kinh

tế bằng kinh tế nhà nước nên vẫn cố giữ kinh tế nhà nước ở quy mô lớn, vẫn được chơi ở sân chơi có ưu ái của Nhà nước, nhưng kém hiệu quả, lãng phí và thất thoát nguồn lực.

Nếu có sự nhất quán tốt hơn trên cơ sở nhận thức lý luận đúng, thiết nghĩ sẽ có môi trường phát triển tốt hơn, nhất là môi trường tâm lý tư tưởng, môi trường pháp lý và cơ chế chính sách. Và theo đó, doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước sẽ được đổi mới; kinh tế dân doanh sẽ phát triển lớn mạnh hơn; nền kinh tế sẽ tăng trưởng và phát triển mạnh hơn cả về lượng và chất, mà riêng về chất thì chất lượng tăng trưởng sẽ không thấp như hiện nay và các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sẽ được cải thiện, chất lượng cuộc sống người dân sẽ cao hơn.

### **Thử đối chiếu với sự đổi mới tư duy từ những nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn ở Trung Quốc**

Cải cách và mở cửa của Trung Quốc tuy vẫn còn phải đối đầu với những thách thức không nhỏ, nhưng có nhiều mặt thành công không thể phủ nhận, do có những đổi mới tư duy từ những nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của họ. Trên những phương tiện thông tin đại chúng ở Trung Quốc có thể cho chúng ta cảm nhận những nét mới trong tư duy phát triển của họ. Những kinh nghiệm và bài học được đúc kết từ đó, thiết nghĩ rất cần được đối chiếu cho những bài học từ đổi mới ở Việt Nam: (1) “Phát triển là lý luận bất di bất dịch” “cứ nghèo như trước đây thì làm sao xây dựng được CNXH”; và để phát triển “không cần phân biệt mèo trắng mèo đen, miễn bắt được chuột”; (2) để phát triển phải vượt qua “trở ngại lớn nhất cho sự phát triển ấy chính là hệ tư tưởng” và những vấn đề được xem là hòn đá tảng của hệ tư tưởng đó được nhận thức lại - như thuật ngữ “bóc lột”, thuật ngữ “giai cấp” và “đấu tranh giai cấp”, vấn đề “dân chủ và cải cách thể chế”, v.v..<sup>38</sup>

- Thuật ngữ “bóc lột” không còn được sử dụng trong khoảng hơn 5 năm gần đây vì nó đã không còn đúng với thực tế hiện nay của Trung Quốc. Các nhà đầu tư không còn bị coi là những kẻ bóc lột vì họ vốn là một nhân tố sản xuất cơ bản và sự đóng góp của các nhà đầu tư cần phải được xem xét đến trong quá trình phân phối (sổd tập II, trang 234).

- Thuật ngữ “giai cấp” cũng trở nên lỗi thời vì hiện nay không có đấu tranh giai cấp trong xã hội Trung Quốc. Thay vào đó là sự tồn tại mâu thuẫn giữa các nhóm lợi ích khác nhau. Do đó, chỉ có thể xác định và phân tích các xung đột và mâu thuẫn trong số các nhóm lợi ích khác nhau ở Trung Quốc, cho dù đôi chỗ có nhắc đến thuật ngữ “tầng lớp trung lưu” vì “tầng lớp trung lưu” không phải là phạm trù để phân biệt

---

<sup>38</sup> Xem “Chính sách phát triển kinh tế - Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc. NXB Giao Thông Vận Tải 2004”

giai cấp này với giai cấp khác. Đúng hơn thuật ngữ này đề cập nhóm dân cư “có ít nhiều của cải, học vấn và địa vị xã hội” (sđd tập II, trang 235).

- “Phát triển đầy đủ các tổ chức phi chính phủ là một trong những tín hiệu quan trọng chứng tỏ rằng hệ thống kinh tế thị trường đã được hình thành và cải thiện” (sđd, tập II, trang 28). Củng cố ba trụ cột (tổ chức phi chính phủ cùng với các tổ chức chính phủ và doanh nghiệp tạo thành ba trụ cột của cấu trúc xã hội hiện đại) thật vững chắc sẽ là đảm bảo để đến năm 2020 Trung Quốc đạt mục tiêu xây dựng một xã hội khá giả toàn diện (sđd, tập II, trang 253).

- “Thống nhất tư tưởng của toàn dân vào một người là điều bi thảm. Cách mạng Văn hóa là một minh chứng lịch sử cay đắng của Trung Quốc. Một người sai, cả nước bị đe dọa. Do đó, cần đa nguyên về tư tưởng” (sđd, tập II, trang 263). Để đa nguyên về tư tưởng mà vẫn “thống nhất đường lối của dân không gì bằng pháp luật”. Đại hội 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ra nghị quyết phải thực hiện “chế độ hóa quy phạm hóa”. Vì thế phải thông qua việc sửa đổi hiến pháp cũng như việc định ra luật pháp ổn định và phát triển. Điều này cho phép giảm bớt uy quyền của cá nhân, đề cao uy quyền của chế độ và luật pháp, “chuyển dần từ chế độ nhân trị sang chế độ pháp trị” (sđd tập II, trang 256).

### **Thay lời kết**

Những bài học kinh nghiệm từ thành công và chưa thành công từ trên 20 năm đổi mới kinh tế là hành trang thật vô giá cho công cuộc tiếp tục đổi mới. Song cũng đừng quá lạc quan mà quên rằng “cái sọt rác của lịch sử loài người chứa đầy những điểm sáng, lý luận hay, kế hoạch tốt, chỉ có mỗi khuyết điểm là không thực hiện được hoặc không được thực hiện” (sđd tập III, trang 94). Vậy, hãy bằng bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam để làm cho những bài học từ 20 năm Đổi mới không bị bỏ vào “sọt rác”.

5.2005

## 14

# ĐỪNG CHỤP “CÁI MŨ BÓC LỘT” LÊN ĐẦU GIỚI CHỦ DOANH NGHIỆP KHU VỰC KINH TẾ TƯ<sup>39</sup>

Chủ doanh nghiệp và doanh nhân trên những mức độ nhất định có đặc trưng chung là người nắm thực quyền của doanh nghiệp và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Có hai nét đặc trưng ở chủ doanh nghiệp và doanh nhân là:

- Là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu tài sản của doanh nghiệp kiêm luôn việc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không phải là chủ sở hữu, nhưng được chủ sở hữu giao cho quyền sử dụng tài sản và trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong kinh tế thị trường, mặc dù hoạt động trong hai bối cảnh còn có khía cạnh khác nhau đó, nhưng cái chung nhất, bản chất nhất của họ vẫn không khác, là gắn với thực quyền của chủ thể kinh doanh, là người đại diện và giữ vai trò lớn nhất, toàn diện nhất, trong việc thực thi thực quyền đó của doanh nghiệp bằng bản lĩnh và trí tuệ của họ. Điều này đúng với cả khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế hỗn hợp và khu vực kinh tế tư nhân.

Sự thỏa hiệp và đồng thuận xã hội ngày càng được mở rộng và nâng cao trong môi trường chính trị - xã hội căn bản đặt trên nền tảng kinh tế thị trường, dân chủ và pháp quyền, đã tạo nên những nét tương đồng, mang tính xã hội hóa cao trong thực quyền của chủ thể kinh doanh và tạo những nét mới trong bản chất của doanh nhân.

- Thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp không phải được hình thành chủ yếu bởi sự chi phối của quyền sở hữu tài sản, mà chủ yếu bằng sự tác động của môi trường chính trị, xã hội, bằng quyền của con người trong sự thỏa hiệp và đồng thuận xã hội cao.

---

<sup>39</sup> Bài đã đăng trên tạp chí *Phát Triển Kinh Tế* (Đại học Kinh tế TP. HCM) số 141, tháng 07.2002, với tiêu đề “Doanh nhân và vấn đề bóc lột”.

- Với xu thế của sự đa dạng hóa sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, nhất là sự mở rộng khu vực kinh tế hỗn hợp, trong đó có sự đan xen, pha loãng quyền lực của từng chủ sở hữu trong hợp quyền của đồng chủ sở hữu, vị trí và mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng các yếu tố sản xuất đã có sự thay đổi, hoán vị theo hướng nâng quyền sử dụng gắn với thực quyền kinh doanh của chủ doanh nghiệp và doanh nhân.

- Văn hóa với tư cách là mục đích, nguồn động lực và là hệ điều tiết của kinh doanh được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển làm cho doanh nhân có văn hóa nhiều hơn trong kinh doanh.

- Chủ doanh nghiệp và doanh nhân là người đại diện cao nhất, đầy đủ và toàn diện nhất của thực quyền kinh doanh trong doanh nghiệp, chứ không phải chỉ đại diện cho cái quyền của chủ sở hữu như những thời kỳ xa xưa trước đây.

Không phải đất đai, tiền vốn, mà chính tri thức mới là yếu tố đóng vai trò quyết định sự thành đạt của kinh tế nói chung và sản xuất kinh doanh nói riêng. Theo đó, con đường phát triển thành đạt của tầng lớp doanh nhân mới là con đường hướng tới chiếm lĩnh tri thức, chứ không phải nắm lấy đặc quyền từ sự ban cho của sở hữu đất đai và tiền vốn.

- Trong nền kinh tế của xã hội nông nghiệp truyền thống, vốn đất là yếu tố quyết định sự phát triển. Đất quan trọng như vậy, nhưng có hạn, nên ai chiếm hữu được đất thì chi phối được sản xuất và chi phối những người khác không có đất. Ở đó, quyền sở hữu đất cũng chi phối gần như tuyệt đối các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân.

- Cũng tương tự như vậy trong nền kinh tế “tư bản” đúng với cái nghĩa là “vốn” của từ ngữ này - vốn, rất quan trọng nhưng cũng có hạn, nên ai nắm được vốn sẽ chi phối được sản xuất, và chi phối người khác không có hoặc có ít vốn. Theo đó quyền sở hữu vốn chi phối mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân.

- Ngày nay do xu thế phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của tri thức và chuyển giao tri thức nên yếu tố quyết định sự thành đạt của hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp và doanh nhân là tri thức mới chứ không phải là vốn đất, vốn tiền. Tri thức mới với những sáng kiến, phát minh ngày càng nhiều đã được nhanh chóng ứng dụng vào đổi mới công nghệ và quản trị sản xuất kinh doanh. Quỹ đất và tiền vốn ít có khả năng chia sẻ, nên mới có sự độc quyền và lộng quyền của những ai chiếm hữu được đất đai, tiền vốn. Còn tri thức thì có khả năng phát triển vô hạn, có thể chia sẻ cho nhau để nhiều người cùng có tri thức mà không làm mất tri thức của ai hết. Sự phát triển và lan tỏa, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của tri thức như vậy, sẽ từng bước tạo khả năng loại bỏ sự chia rẽ và đối kháng trong cộng đồng người, theo đó hoạt

động kinh doanh của chủ doanh nghiệp và doanh nhân cũng thay đổi về chất. Không có cách nào khác cho tầng lớp chủ doanh nghiệp và doanh nhân hơn là phải nắm lấy tri thức, vì có tri thức mới quy tụ và phát huy được nguồn lực cộng đồng, mới thành đạt trong kinh doanh. Sẽ không còn chỗ cho những ai chỉ biết có việc chiếm hữu tài sản và thái quá trong việc sử dụng uy quyền từ sự sở hữu đó trong vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

C. Mác phát hiện quan hệ bóc lột giữa chủ sở hữu tư bản với tầng lớp lao động không có “tư bản” trong bối cảnh xã hội sinh thời của mình. Ngày nay những thành tựu khoa học và công nghệ đã đưa lực lượng sản xuất lên một trình độ phát triển mới cùng với sự xã hội hóa sản xuất ngày càng phát triển, kết quả là đã làm thay đổi sự cấu thành các yếu tố sản xuất và phân phối so với trước. Sự cấu thành mới cho thấy quan hệ giữa sản xuất và phân phối về mặt lý thuyết có thể diễn ra trong sự tương đồng giữa sự đóng góp và thụ hưởng. Quyền uy có được từ tư hữu tài sản không phải lúc nào cũng lũng đoạn được phân phối và đưa phân phối vào những quan hệ bóc lột. Chủ doanh nghiệp và doanh nhân trong khu vực kinh tế tư nhân với trường hợp vừa là chủ sở hữu tài sản vừa là người trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh không phải lúc nào cũng là người bóc lột.

Những phân tích như trên có thể cho chúng ta đi đến kết luận rằng chủ doanh nghiệp và doanh nhân dù trong khu vực kinh tế nhà nước hay khu vực kinh tế nào khác đều là những nhà quản trị kinh doanh bằng chính lao động, nhất là lao động trí tuệ của họ. Chủ doanh nghiệp và doanh nhân là người đại diện thực quyền của chủ thể kinh doanh và trực tiếp thực thi thực quyền đó trong khuôn khổ pháp luật. Họ xứng đáng và cần thiết được đứng chung trong hàng ngũ với giới trí thức và các nhà lãnh đạo quản lý đất nước, là bộ phận vượt trội của cộng đồng dân tộc.

7.2002

## VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA<sup>40</sup>

Có một nghịch lý là cụm từ “định hướng XHCN”, được dùng rất phổ biến và được chính thức hóa cao độ trong hầu hết các văn kiện của Đảng và Nhà nước để gắn vào các cụm từ “kinh tế thị trường” thành “Kinh tế thị trường định hướng XHCN”; “dân chủ” thành “dân chủ XHCN” và “nhà nước pháp quyền” thành “nhà nước pháp quyền XHCN” ..

“Định hướng XHCN” cũng lại là một cụm từ ít người hiểu và lý giải được khi cần phải hiểu, nhất là khi cố đưa nó vào cuộc sống bằng những lắp ghép sống sượng đó.

Nghịch lý nêu trên do đâu mà có? Do thiếu hiểu biết nên không hiểu được “khái niệm” hay do bất ổn tự thân từ nội hàm của “khái niệm”? Thiết nghĩ, phải sòng phẳng với lý luận và thực tiễn thì mới hi vọng tìm được lời giải.

Đứng trên góc độ của sự sòng phẳng thì XHCN đã và đang tồn tại trong hai góc nhìn - XHCN được coi là mục tiêu của sự phát triển, và XHCN với tính cách là một mô thức tổ chức xã hội.

Ở góc nhìn thứ nhất, XHCN là đích đến của sự phát triển, phồn vinh, công bằng, văn minh tiến bộ cho một xã hội trong mối quan hệ cả về phát triển kinh tế với hoàn thiện văn hóa xã hội và bảo vệ môi trường. Trong đó, sự đòi hỏi về những giá trị nhân văn trong cuộc sống cũng không kém gì khát vọng phát triển để vượt nghèo khó, vươn tới giàu mạnh - dân giàu nước mạnh. Công bằng mà nói, ý tưởng nhân văn đó cũng là ước muốn đã ấp ủ của loài người tiến bộ, trong đó có không ít người thuộc trường phái XHCN (kể cả các trường phái XHCN không tưởng) cũng lấy đó làm mục tiêu cho tư duy và hành động của mình. Ý tưởng nhân văn đó cũng là ý tưởng khá sâu đậm trong tư tưởng của những nhà sáng lập học thuyết Mác - Lênin và CNXH. Ngay cả khi thể chế XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, không ít học giả phương Tây đã khuyên những người trong cuộc chớ nên vì

---

<sup>40</sup> Bài đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, ngày 8.3.2006 với tiêu đề “Nên hiểu thế nào về Định hướng xã hội chủ nghĩa”.

nóng vội mà chuyển sang một cực đoan khác của chủ nghĩa tư bản đầy những yếu tố bất toàn và cạm bẫy, trái lại cần phải duy trì và dung hợp với những tư tưởng căn bản mang tính nhân đạo của CNXH để tiếp tục phát triển quốc gia trên một chất lượng mới. Tất cả những ý tưởng đó là khát vọng của nhân dân lao động và loài người tiến bộ, trở thành cái đích ngắm mà biết bao thế hệ loài người đã nỗ lực không mệt mỏi để vươn tới như một lý tưởng tuy không ít khó khăn nhưng vô cùng đẹp đẽ. Đó cũng là mục tiêu chung mà mọi quốc gia dân tộc dường như ai cũng muốn lựa chọn. Với những mức độ và hình thái biểu hiện khác nhau cho mục tiêu này, nhiều quốc gia đã thực hiện khá thành công mặc dù trong đó không ít quốc gia không hề nói tới cụm từ XHCN - Không hề tự xưng là XHCN!

Ở Việt Nam đã và đang có một sự đồng thuận rất cao dành cho sự lựa chọn mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Theo đó, Việt Nam cần có một xã hội có nền kinh tế phát triển cao; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc; đoàn kết các dân tộc và hữu nghị với các nước. Những mục tiêu như vừa nêu cũng là những giá trị rất nhân văn mà định hướng XHCN phải hướng tới.

Với góc nhìn thứ hai, XHCN một thời tồn tại (cả trên góc độ lý thuyết và thực tiễn của đời sống xã hội) như một mô thức tổ chức xã hội luôn gắn liền với các đặc trưng cơ bản về công hữu hóa, kế hoạch hóa tập trung bao cấp; nhà nước chuyên chính vô sản, Đảng Cộng sản lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tuyệt đối. Mô thức tổ chức xã hội này đã phá sản ở Liên Xô, Đông Âu. Và các nước đó, đã chọn mô thức tổ chức xã hội hiện đại được điều chỉnh với các đặc trưng kinh tế thị trường, xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền để thay thế mô thức XHCN vốn đã không còn phù hợp với sự đòi hỏi của cuộc sống và trên thực tế đã sụp đổ.

Với trên 20 năm đổi mới, chúng ta đã đặt một chân vào mô thức tổ chức xã hội hiện đại - kinh tế thị trường, xã hội dân sự, nhà nước pháp quyền, còn chân kia thì chưa rời hẳn được mô thức XHCN. Chính sự thiếu kiên quyết, dứt khoát trong việc lựa chọn và chuyển đổi mô thức tổ chức xã hội đã gây bất ổn cho sự phát triển và hoàn thiện xã hội. Vừa chọn sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, tuyên bố bình đẳng giữa các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế, nhưng vẫn chủ trương coi công hữu là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo. Vừa thừa nhận kinh tế thị trường, xã hội dân sự, nhà nước pháp quyền (qua đổi mới), nhưng vẫn duy trì sự tập trung thái quá quyền lực và sự can thiệp sâu của hệ thống chính trị vào việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Vừa đánh giá cao thành quả và sự đóng góp của công cuộc đổi mới kinh tế, nhưng lại lo lắng và thiếu thái độ dứt khoát ủng hộ đổi mới vì sợ *“đổi mới được kinh tế nhưng mất tư tưởng, được bộ phận nhưng mất tổng thể, được trước mắt nhưng mất lâu dài, được kết quả hiển*



*nhiên nhưng xa rời mục đích và những nguyên tắc cơ bản, được của cải nhưng hỏng quan hệ sản xuất và con người”.*

Như vậy, định hướng XHCN mà XHCN ở đây là mục tiêu phát triển xã hội mang đậm tính nhân văn như đã trình bày ở trên là sự lựa chọn đúng, tạo được sự đồng thuận, cần phải được kiên định với sự lựa chọn như thế.

Còn định hướng XHCN, mà XHCN ở đó là mô thức tổ chức xã hội, cả trên góc độ nhận thức và hành động đã và đang không còn cơ sở tồn tại thì không nên tiếp tục chọn.

Mô thức tổ chức xã hội cần có để thực hiện mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh, thiết nghĩ không thể là cái gì khác, mà là kinh tế thị trường hiện đại - xã hội dân sự - nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

3.2006

## TÌM LỜI GIẢI CHO NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ CUỘC SỐNG<sup>41</sup>

Chúng ta vẫn còn vấp phải những lúng túng khi cần phải lý giải và triển khai thực hiện nhiều vấn đề đặt ra từ cuộc sống, trong đó có những vấn đề nảy sinh từ công cuộc đổi mới. Sự lúng túng đó có nguyên nhân từ thực trạng yếu kém về việc nghiên cứu và triển khai lý luận nói chung và về học thuyết Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội nói riêng.

Điều này đã được nêu lên trong Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của BCH Trung ương Đảng khóa IX: *“Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu cách mạng”* và *“còn không ít vấn đề cụ thể đặt ra từ thực tiễn chưa có lời giải đáp hoặc giải đáp chưa đủ sức thuyết phục”*. Có thể đơn cử mấy vấn đề thuộc loại đó là:

- Học thuyết Mác-Lênin và CNXH là trào lưu hay quy luật tất yếu? Và nếu là trào lưu thì trong thời đại chúng ta có cái gì vẫn còn đúng, cái gì không còn phù hợp và cái gì không đúng?

- Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến thành công phải chăng là nhờ sự kiên định lập trường quốc gia, dân tộc, chứ không phải lập trường giai cấp vô sản? Và nếu đúng như vậy, thì Đảng với vị trí lãnh đạo là đảng của ai và vì ai trong công cuộc bảo vệ nền độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh?

- Trong mô hình kinh tế tổng quát, chế độ sở hữu nào là nền tảng- công hữu với sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể là nền tảng, hay sở hữu của người dân (kể cả sở hữu trí tuệ) phải là nền tảng? Và tương tự như vậy, kinh tế nhà nước là chủ đạo có đúng không?

Những vấn đề thuộc loại cơ bản như trên mà chưa giải được hoặc giải không đủ sức thuyết phục thì khó tránh được sự thiếu nhất quán trong nhận thức và thực hành

---

<sup>41</sup> Bài đã đăng trên tạp chí *Phát Triển Kinh Tế* (Đại học kinh tế TP. HCM) số 177 tháng 07.2005 và tạp chí *Kinh Tế và Phát Triển* (Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội) số 99 tháng 09.2005.

đối với sự nghiệp đổi mới và tiếp tục đổi mới.

Sự thiếu nhất quán trong những vấn đề cơ bản phải được giải quyết nhưng không thể bằng cách áp đặt, mà phải song phẳng trong tư duy lý luận trong cách nhìn nhận những bài học thành công và thất bại của sự nghiệp cách mạng. Trong thời gian qua chúng ta còn thiếu sự song phẳng đó. Điều này cũng được nêu lên trong Nghị quyết lần thứ 5 BCH Trung ương Đảng khóa IX: *“Đảng ta chưa đặt đúng mức việc chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng lý luận trong giai đoạn mới; chưa xây dựng được quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động lý luận và công tác tư tưởng”*. Những bất cập trong nghiên cứu lý luận như vậy khó có thể có được sự song phẳng để tạo ra những sản phẩm lý luận đúng.

Đáng tiếc là không ít sản phẩm của những nghiên cứu lý luận như vậy lại được coi là chân lý, đem áp đặt lên tư duy lý luận, coi đó là chuẩn mực để phán xét và xử lý mọi vấn đề. Sự thiếu song phẳng như thế không chỉ đối với nghiên cứu, mà cả đối với triển khai áp đặt thứ lý luận đó vào cuộc sống.

Để có được sự song phẳng trong nghiên cứu và triển khai lý luận cần phải coi thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận) vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà còn của tính hiện thực trực tiếp. Tiếp cận cho được cái phổ biến và cái hiện thực trực tiếp đó không phải dễ dàng, vì thực tiễn đa dạng và luôn biến động. Vì thế khó có chân lý tuyệt đối và vĩnh hằng của bất cứ tư tưởng và học thuyết nào. Do đó, để song phẳng với lý luận nói chung và để nhận thức, vận dụng tư tưởng, học thuyết của Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh, nhất thiết phải từ thực tiễn cuộc sống để kế thừa, cải biến và sáng tạo, chứ không phải đứng bên lề cuộc sống, quay lưng lại với cuộc sống để rơi vào giáo điều trong tư duy lý luận. Chính Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh cũng đã xử sự như vậy với nhiều quan điểm trong tư tưởng và học thuyết của mình.<sup>42</sup>

---

<sup>42</sup> Chỉ không đầy 25 năm sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản* ra đời, trong lời tựa viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1872, Mác và Ăngghen đã ghi rõ: *“Chính ngay Tuyên ngôn cũng đã giải thích rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi”* (Các Mác và Ăngghen toàn tập – tập 18, trang 128).

Khi đề cập đến một số đặc điểm trong sự phát triển lịch sử của chủ nghĩa Mác, Lênin đã viết: *“Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết, một học thuyết đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch nào đó, mà là một kim chỉ nam sống cho hành động, chính vì thế nên nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt nhanh chóng của điều kiện xã hội”* (Lênin: Mác, Ăngghen và chủ nghĩa Mác, Nhà xuất bản Tiến Bộ, Matxcova, năm 1976, trang 230).

Nguyễn Ái Quốc, từ năm 1924, đã viết: *“Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”*.

Học thuyết Mác-Lênin, nhất là những luận giải về sứ mệnh lịch sử của cách mạng vô sản và xây dựng xã hội XHCN, đã phản ánh sự phản kháng của nhân dân, nhất là các tầng lớp cần lao đối với tình trạng áp bức bóc lột, bất công; cùng những ước mơ về một xã hội tốt đẹp hơn, công bằng, tự do dân chủ, ấm no hạnh phúc hơn. Tư tưởng đó của Các Mác, Ăngghen, Lênin đã hòa quyện và thúc đẩy mạnh mẽ sự vận động của những dòng tư tưởng tiến bộ, nhất là với công cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng các dân tộc thuộc địa. Cách mạng Tháng Mười Nga đập tan chế độ quân chủ chuyên chế sa hoàng, Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ở Việt Nam là những minh chứng không thể phủ nhận được.

Song, khi đi vào xây dựng chế độ mới, xã hội XHCN, thì vấp phải khó khăn lúng túng, phạm nhiều điều sai lầm phải trả giá và cuối cùng không ngăn được khủng hoảng và sụp đổ.

Ở Việt Nam, khi bị chi phối bởi những giáo điều trong nhận thức và vận dụng học thuyết Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, thì vấp phải sai lầm và thất bại. Với bệnh giáo điều và tả khuynh về giai cấp và đấu tranh giai cấp, Xô Viết Nghệ Tĩnh đưa ra khẩu hiệu “trí phú địa hào đào tận gốc tróc tận rễ” và đã không tránh được thất bại. Rồi những sai lầm phải trả giá trong cải cách ruộng đất và chấn chỉnh tổ chức ở miền Bắc trong những năm 1950; đánh vào trí thức trong việc xử lý vụ Nhân văn Giai phẩm; và nhiều chuyện phân biệt đối xử cũng như ngược đãi khác với không ít người do sự tác động tai hại của chủ nghĩa thành phần. Giáo điều theo mô hình XHCN từ Liên Xô, Trung Quốc về công hữu hóa, nhà nước hóa, kế hoạch hóa tập trung bao cấp, đã dẫn đến sai lầm trong cải tạo kinh tế tư bản tư nhân sau năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam, và về hợp tác hóa, tập thể hóa nền kinh tế của nông dân trên phạm vi cả nước. Tư duy lý luận cũ rất giáo điều trong nhận thức về CNXH và định hướng XHCN đã đẻ ra sự kỳ thị sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân, cấm đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, tạo ra rào cản cho tiến trình đổi mới và tiếp tục đổi mới...

Nguyên nhân gì làm cho tư tưởng, học thuyết Mác - Lênin đi vào cuộc sống với mô hình XHCN không suôn sẻ, không tránh được những sai lầm phải trả giá và cuối cùng không ngăn được khủng hoảng và sụp đổ? Nhiều kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn có được đến nay cho thấy có những nguyên nhân chính là:

---

*“Mác xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu, mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Và Nguyễn Ái Quốc đã đòi hỏi phải: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, trang 465).*

- Bất cập tự thân từ “gốc” của tư tưởng, học thuyết. Học thuyết Mác, tuy có được Lênin bổ sung điều chỉnh bằng chính sách Tân kinh tế, nhưng về bản chất nó vẫn không chấp nhận kinh tế thị trường vốn là tất yếu của sự phát triển. Mô hình kinh tế mà Liên Xô cũ và các nước XHCN khác đã chọn với sự tuyệt đối công hữu hóa, nhà nước hóa, kế hoạch hóa tập trung bao cấp, thực chất rất xa lạ với kinh tế thị trường đã phải trả giá và cuối cùng phải từ bỏ để quay lại với kinh tế thị trường bằng sự chuyển đổi hoặc đổi mới kinh tế. Quá trình chuyển đổi đó ở Việt Nam thực chất cũng là từ tình trạng đề cao công hữu là nền tảng, kinh tế Nhà nước là chủ đạo, kế hoạch hóa tập trung bao cấp và tự túc tự cấp sang kinh tế thị trường cùng với sự phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần và chuyển giao quyền tự chủ cho các chủ thể sản xuất và tiêu dùng. Với sự lựa chọn này, chủ trương đổi mới đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và nhờ đó kinh tế tăng trưởng liên tục suốt trên 20 năm qua. Tuy nhiên vẫn còn những vướng mắc trong tiến trình đổi mới và tiếp tục đổi mới với lý do chủ yếu xuất phát từ thể chế cũ mà chúng ta chưa đoạn tuyệt hết được.

- Tư tưởng, học thuyết không được phát triển theo hướng “kế thừa, cải biên và sáng tạo” để phù hợp với bối cảnh mới của lịch sử như những mong muốn, đòi hỏi vốn đã được C. Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh chỉ ra rằng “*ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi*” (Mác và Ăngghen với Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản), “*chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết, một học thuyết đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch nào đó*” nên phải phản ánh vào đó “*sự biến đổi đặc biệt nhanh chóng của điều kiện xã hội*” (Lênin với chủ nghĩa Mác) và phải “*xem xét lại Chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông*” hoặc phải bổ sung cơ sở lịch sử của Chủ nghĩa Mác “*bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được*” (Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác)... Những điều chỉ dẫn như vừa nêu đã không được thực hiện bởi những thế hệ tiếp nối với căn bệnh giáo điều trong phong trào cách mạng vô sản và xây dựng xã hội XHCN quá nặng. Nhận thức về bóc lột, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, về giai cấp công nhân và nhà nước chuyên chính vô sản của Mác, Lênin có thể có cơ sở thực tiễn từ hiện thực xã hội của thế kỷ 19, nhưng từ đó đến nay đã có quá nhiều biến đổi - không còn chủ yếu là lao động cơ bắp mà là lao động trí tuệ, không phải chỉ có lao động sống mà còn có lao động vật hóa gắn với thiết bị, công nghệ hiện đại vốn ngày càng đóng góp quan trọng cho sản xuất và phải được tính đến trong phân phối, không chỉ có tư hữu cho số ít người mà chế độ tư hữu đã phát triển thành tư hữu cho số đông, góp phần tạo thành cơ sở kinh tế cho việc xã hội hóa và dân chủ hóa, tạo thành cơ sở cho sự đồng thuận chứ không phải chia rẽ, đối nghịch và loại bỏ nhau trong quan hệ giữa người với người. Sự đồng thuận không chỉ trên bình diện quốc gia mà còn cả trên bình diện quốc tế - hiểm họa môi trường và nhiều vấn đề xã hội bức xúc có tính toàn cầu đã làm cho

các tổ chức chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp có sự liên kết lại trong hành động.

Tôn Trung Sơn, nhà tư tưởng lớn của dân tộc Trung Hoa vào đầu thế kỷ XX có nói *“trào lưu thế giới cuồn cuộn chảy, thuận theo thì sống, ngược lại thì chết”*. Nhưng rất tiếc, trong một thời kỳ dài tư tưởng, học thuyết của Mác - Lênin về cơ bản không được phát triển trên cơ sở kế thừa, cải biến và sáng tạo để thuận theo trào lưu của thế giới cuồn cuộn chảy đó. Mãi đến những năm gần đây với đổi mới kinh tế mới có sự nhận thức lại, ngay cả trong những vấn đề vốn được xem là hòn đá tảng của lý thuyết xây dựng xã hội XHCN mà một thời tuyệt đối không được chạm đến

- như khái niệm bóc lột, giai cấp và đấu tranh giai cấp, dân chủ và thể chế... Và trên thực tế, ở nhiều nơi đã không còn sử dụng khái niệm “bóc lột”, thuật ngữ “giai cấp” và “đấu tranh giai cấp”, đồng thời thừa nhận đa nguyên về tư tưởng và đa nguyên về tư tưởng nhưng không phá vỡ đường lối quốc gia dân tộc bởi biết thượng tôn pháp luật.

- Không phải chỉ có “bệnh giáo điều” đã làm cho học thuyết của Mác - Lênin xơ cứng không phát triển, mà còn vì phương pháp tư duy chủ quan duy ý chí, “tả khuynh” đã dẫn đến những “giáo điều phản Mác” làm cho tư tưởng học thuyết bị “méo mó”, nhất là trong việc lựa chọn và thực thi mô hình XHCN ở Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước XHCN khác. Khuyết tật của mô hình XHCN này đã được nói đến trên nhiều khía cạnh trong những nghiên cứu gần đây, có thể đơn cử với mấy mảng lớn là: (1) chọn chuyên chính vô sản đặt lên mọi hoạt động của đời sống xã hội mà không cần biết trạng thái dân tộc của xã hội công dân ở đó ra sao; (2) chọn quan hệ sản xuất với đặc trưng tuyệt đối hóa công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo và kế hoạch hóa tập trung bao cấp đặt lên nền kinh tế, mà không cần biết đến trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế đó như thế nào; (3) chọn tập trung thái quá quyền lực cho một đảng lãnh đạo, vừa đưa đảng đó nhanh chóng đi vào con đường tha hóa, vừa vô hiệu hóa dân quyền và pháp quyền, làm cho xã hội không có người chủ đích thực. Tình trạng vô chủ, vô trách nhiệm, vô cảm trên thực tế đã làm cho văn hóa, xã hội lâm nguy. Với những khuyết tật đó, mô hình XHCN đi vào cuộc sống không suôn sẻ, nhưng bằng mọi giá phải áp đặt cho bằng được - cả bằng tư tưởng, tổ chức thậm chí trấn áp bằng bạo lực. Cải cách ruộng đất, hợp tác hóa kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông trường quốc doanh không tạo được hiệu quả trong hoạt động, cải tạo kinh tế tư nhân trong công thương nghiệp, phân phối bình quân và bao cấp ở Việt Nam vào những thập niên 60, 70 và đầu 80 của thế kỷ 20 với nhiều thất bại kèm theo là những minh chứng cho các cách làm vừa kể.

Những gì đã trình bày từ những kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn

có được cho đến nay (cả trong và ngoài nước) có thể cho chúng ta những luận cứ để chọn lời giải cho những vấn đề đặt ra từ đổi mới và tiếp tục đổi mới. Phải chăng những lời giải nên chọn đó là:

- Kiên định với sự lựa chọn kinh tế thị trường là đỉnh cao của sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và quản lý của nhà nước mà Việt Nam đã chọn ngay từ đầu đổi mới.

- Việt Nam đã có bài học lấy dân làm gốc, bài học từ việc tạo dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong chống xâm lược và đổi mới kinh tế. Nay, trong tiếp tục đổi mới cần tiếp tục khẳng định dân là gốc và các yếu tố sở hữu trong kinh tế của người dân (bao gồm kinh tế dân doanh và những yếu tố sản xuất của dân trong các khu vực kinh tế khác) là nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

- Không cần thiết phải đặt ra theo nhận thức cũ về những khái niệm “bóc lột”, “giai cấp” và “đấu tranh giai cấp” vì nó không đại diện cho cái gì cả. Và từ bỏ nhận thức cũ đó cần cho việc giải tỏa rào cản về tâm lý tư tưởng đang còn cản ngại cho việc phát triển kinh tế nhiều thành phần trên một “sân chơi” chung - bình đẳng trước pháp luật, khuyến khích và tạo điều kiện để mọi công dân, kể cả đảng viên đem hết ý chí và nguồn lực phát triển kinh tế vì dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

- Khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quản lý tiến trình phát triển, nhưng không chỉ chủ đạo bằng kinh tế nhà nước mà còn phải chủ đạo chủ yếu bằng vai trò quản lý của Nhà nước.

- Trên thế giới có mô hình một đảng lãnh đạo, ở Việt Nam cũng có sự chọn lựa đó như một hiện thực lịch sử, nhưng Đảng phải là đội tiên phong của dân tộc - Đảng của dân và vì dân. Mà đã là của dân và vì dân thì Đảng phải do dân chọn và phải chịu sự kiểm soát bởi hiến pháp và pháp luật, phải từ bỏ tập trung thái quá quyền lực vượt khỏi Hiến pháp và pháp luật.

- Nói đến “dân chủ tập trung” hay “tập trung dân chủ” là nói đến sự phân bố quyền lực. Yếu tố cơ sở cấu thành quyền lực trong một xã hội dân chủ là quyền con người, quyền dân sự và chính trị của công dân. Tự do cho con người trong việc thực thi cái quyền đó là tất yếu, nhưng tự do cho con người mà không phá vỡ đường lối của đất nước, của dân tộc, thì không gì bằng thượng tôn pháp luật. Trong lịch sử của xã hội loài người có lúc tập trung quyền vào tay kẻ cai trị - nhân trị, ngày nay tập trung vào hiến pháp và pháp luật - pháp trị. Có những vấn đề “quốc gia đại sự” không có quy định trong hiến pháp thì phải trưng cầu ý dân. Như vậy, không có lý do gì để không trở lại với cái “gốc” dân chủ, để chọn cái cụm từ “dân chủ tập trung” thay cho “tập trung dân chủ”. Tính thuyết phục ở đây không chỉ ở khía cạnh triết

lý, mà còn ở khía cạnh thực tiễn của đời sống xã hội vốn đang có sự tập trung thái quá quyền lực, bệnh quyền lực lạm hành và quá trình thực thi dân chủ xã hội còn quá nhiều bất cập.

*7.2005*



## “HỌC THUYẾT MÁC- LÊNIN TRONG CÔNG VIỆC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CỦA CHÚNG TA”<sup>43</sup>

Là một cán bộ nghiên cứu- giảng dạy ở đại học và cũng có tham gia giảng dạy môn kinh tế-chính trị (một trong những môn học Mác-Lênin), tôi quan tâm đến 2 vấn đề lớn đặt ra từ hội thảo này về việc nghiên cứu học thuyết Mác- Lênin trong thời đại của chúng ta và xây dựng bộ giáo trình các môn học Mác-Lênin.

Nghiên cứu học thuyết Mác-Lênin trong thời đại của chúng ta là vấn đề có vị trí hết sức quan trọng, vừa cấp bách vừa cơ bản và việc tiến hành chương trình này chắc chắn là hết sức khó khăn và phức tạp; nhưng nó là vấn đề không thể lẩn tránh, mà phải đương đầu một cách nghiêm túc thực sự : nghiêm túc trong việc hiểu đúng Mác, Ăngghen, Lênin và tư tưởng học thuyết của các ông ; nghiêm túc trong việc phân xét cái gì trước đúng, nay vẫn đúng; cái gì trước đúng nhưng nay không còn phù hợp vì bối cảnh xã hội đã thay đổi và cái gì trước và nay đều không đúng. Sự phân xét đó không thể thiếu được trong việc hiểu và vận dụng học thuyết Mác-Lênin vào cuộc sống trong thời đại của chúng ta. Và đó cũng là cơ sở để xây dựng giáo trình các môn học Mác-Lênin.

Cơ sở để phân xét và vận dụng học thuyết Mác-Lênin vào cuộc sống của thời đại là sự vận động của cuộc sống. Từng người, từng tập thể con người sẽ không làm được việc đó, nếu họ tách rời thực tiễn cuộc sống hoặc không đủ chất liệu của cuộc sống. Chúng ta có thể có chất liệu cuộc sống từ những thành công và thất bại ở các nước XHCN trong giai đoạn qua, từ phong trào giải phóng dân tộc, từ phong trào công nhân và sự vận động của phương thức sản xuất TBCN. Còn chất liệu của cuộc sống từ đổi mới, từ cải tổ, cải cách đang diễn ra thì tự thân nó cũng chưa hội đủ và sự

---

<sup>43</sup> Ý kiến phát biểu của Tác giả Đào Công Tiến tại hội thảo về “Học thuyết Mác- Lênin và thời đại của chúng ta” do Viện Mác-Lênin tổ chức trong hai ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1993 tại TP. Hồ Chí Minh. Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị, chủ trì hội thảo, Đặng Xuân Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, đọc báo cáo đề dẫn.

tiếp cận của chúng ta cũng còn hạn chế. Hiểu đúng, đánh giá phán xét đúng và vận dụng đúng học thuyết Mác-Lênin vào cuộc sống của thời đại là một công trình nghiên cứu lớn, vừa rất cấp bách, vừa rất cơ bản và cũng hết sức phức tạp, không thể giản đơn được. Do đó, ngoài tư duy, nhất là tư duy lý luận mở, phải có quyết tâm cao trong việc huy động và phát huy nguồn lực cũng như phải có bước đi, lộ trình thích hợp trong nghiên cứu.

Chương trình phải có tính đoản kỳ với mục tiêu có thể đạt ngay được: như hiểu Mác, Ăngghen, Lênin, tư tưởng, học thuyết của các ông và theo đó là những cái cần và có thể vận dụng được vào cuộc sống. Chương trình cũng phải có tính dài hơi căn cơ hơn nhằm đạt đến mục tiêu đánh giá phán xét đúng trước những vấn đề mà cuộc sống thời đại đặt ra đối với học thuyết Mác-Lênin và CNXH – cung cấp luận cứ khoa học cho sự lựa chọn đúng.

Học thuyết Mác-Lênin và CNXH là trào lưu hay là quy luật tất yếu? Có những nội hàm nào trước đúng, nay vẫn còn đúng, hoặc trước đúng nhưng nay không còn phù hợp và trước và nay đều không đúng? Những câu hỏi lớn như thế thiết nghĩ cần có lời giải từ những chương trình khoa học lớn như chương trình này.

Việc xây dựng bộ giáo trình của các môn học Mác-Lênin, theo tôi nghĩ, phải được đặt trên cơ sở kết quả nghiên cứu đúng, đánh giá phán xét đúng, vận dụng đúng học thuyết Mác-Lênin vào cuộc sống thời đại. Đây là một yêu cầu rất cấp bách và cơ bản để nhanh chóng đưa việc dạy và học các môn Mác-Lênin trong các trường, nhất là các trường đại học, thậm chí cả trong hệ thống trường chính trị của đảng và đoàn thể ra khỏi tình hình khó khăn, thậm chí bế tắc như hiện nay. Tuy nhiên kết quả cuối cùng của chương trình nghiên cứu không thể đạt được trong ngày một ngày hai, còn yêu cầu vượt ra khỏi khó khăn trong việc dạy và học các môn học Mác-Lênin cũng không thể chờ đợi quá lâu. Do đó, tôi xin đề nghị gắn kết quả nghiên cứu đoản kỳ với mục tiêu có thể đạt ngay được, mà tổ chức biên soạn ngay bộ giáo trình các môn học Mác-Lênin với mục tiêu hiểu đúng, tức là dạy và học đúng học thuyết Mác-Lênin với những vận dụng cần và có khả năng vận dụng được. Đây là những sự vận dụng cần, chứ chưa phải vận dụng đủ. Bộ giáo trình chưa thật hoàn chỉnh và đầy đủ này phải khác các giáo trình cũ ở hai điểm chủ yếu.

- Đề cập đúng, trung thành với học thuyết, chứ không thể chủ quan duy ý chí mà áp đặt như một số giáo trình cũ đã và đang được dùng cho việc dạy và học trong các trường.

- Chỉ đề cập những vận dụng cần và có đủ cơ sở khách quan để vận dụng, chứ không gán ghép từ mô hình xã hội XHCN không đích thực, xã hội XHCN kiểu Stalin hay kiểu Mao Trạch Đông đã và đang bị cuộc sống loại bỏ

Xây dựng bộ giáo trình chưa thực sự đầy đủ và hoàn chỉnh này, vừa để đáp

úng yêu cầu cấp bách trước mắt , đồng thời cũng thiết thực góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho sự lựa chọn - hoặc chỉ là các giáo trình Mác-Lênin độc lập, giữ vị trí độc tôn bên cạnh các giáo trình khác như hiện nay, hoặc là những phần tư tưởng, học thuyết Mác- Lênin trong một số giáo trình tương thích khác. Có thể đơn cử như: Triết học Mác-Lênin trong giáo trình triết học và lịch sử triết học; kinh tế chính trị Mác-Lênin trong giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế.

Tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM hiện có cả hai luồng nhận thức trong việc xây dựng bộ giáo trình các môn học Mác-Lênin như đã nêu trên, song chưa có bên nào thuyết phục được bên nào vì ở đây không có những đối thoại thực sự dân chủ, công khai, minh bạch mà chỉ có sự áp đặt từ chính thống về học thuyết Mác-Lênin và CNXH. Cuộc đấu tranh đòi bỏ thi môn học Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin của sinh viên khóa 11 của trường (cuối năm 1988 đầu 1989) tiềm ẩn những giá trị thúc đẩy đổi mới tư duy lý luận nói chung và đổi mới việc dạy và học các môn học Mác-Lênin nói riêng, cuối cùng cũng phải dừng lại trước rào cản của tư duy lý luận được áp đặt từ chính thống.

8.1993